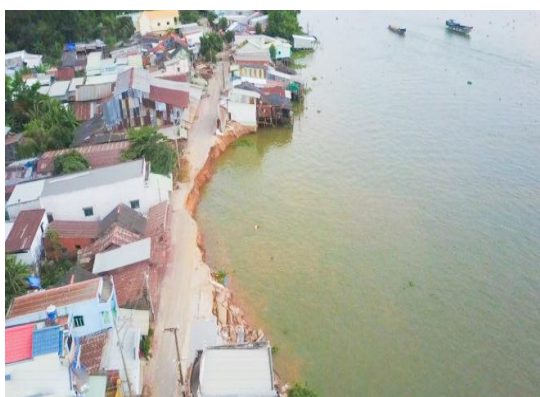


BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI



TẬP 2

**KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN
TAI CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG**



Hà Nội, tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
CHƯƠNG I. ĐÁNH GIÁ VIỆC LẬP, RÀ SOÁT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PCTT CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG	4
1. Đánh giá chung.....	5
2. Đánh giá nội dung chi tiết	7
3. Đề xuất quy trình xây dựng KH PCTT các cấp địa phương	11
4. Một số đề xuất đối với Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.....	13
CHƯƠNG II. KẾ HOẠCH PCTT CẤP TỈNH	14
1. Khung kế hoạch PCTT cấp tỉnh	15
2. Hướng dẫn chi tiết các nội dung lập KH PCTT cấp tỉnh	16
3. Việc áp dụng thí điểm tại tỉnh Thừa Thiên – Huế.....	19
CHƯƠNG III. KẾ HOẠCH PCTT CẤP HUYỆN.....	22
1. Khung đề cương KH PCTT cấp huyện	23
2. Giới thiệu KH PCTT huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên – Huế	24
CHƯƠNG IV. KẾ HOẠCH PCTT CẤP XÃ	25
1. Khung đề cương KH PCTT cấp xã	26
2. Giới thiệu KH PCTT xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh TT – Huế.....	27
PHỤ LỤC	27
PL 1 Danh sách các tỉnh đã phê duyệt KH PCTT	29
PL 2 Nội dung hướng dẫn lập KH PCTT cấp tỉnh.....	31
PL 3 Giới thiệu kế hoạch PCTT huyện Nam Đông.....	113
PL 4 Giới thiệu kế hoạch PCTT xã Hương Lộc	146

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

PCTT	Phòng chống thiên tai
BĐKH	Biến đổi khí hậu
JICA	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật bản
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
GIZ	Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức
UNDP	Chương trình phát triển liên hợp quốc
WB	Ngân hàng thế giới
RRTT	Rủi ro thiên tai
KTXH	Kinh tế xã hội
KTTV	Khí tượng thủy văn
KHĐT	Kế hoạch và đầu tư
UBND	Ủy ban nhân dân
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
KHPCTT	Kế hoạch Phòng chống thiên tai
KH	Kế hoạch
CSHT	Cơ sở hạ tầng
IFMP	Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
BCH	Ban chỉ huy
M&E	Khung theo dõi và đánh giá
CSDL	Cơ sở dữ liệu
TNMT	Tài nguyên và môi trường
PCLB	Phòng chống lụt bão
TH	Trung học
MN	Mầm non
SHCĐ	Sinh hoạt cộng đồng
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
VH	Văn hóa
VPTT	Văn phòng thường trực
KTCSHT	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
LĐTBXH	Lao động thương binh và xã hội
TCKH	Tài chính kế hoạch
YT	Y tế
GD	Giáo dục

LỜI NÓI ĐẦU

Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai các cấp là một trong những nội dung quan trọng được quy định tại Điều 15, Luật PCTT: “Kế hoạch phòng, chống thiên tai được xây dựng tại các cấp địa phương, cấp bộ và cấp quốc gia theo chu kỳ kế hoạch 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được điều chỉnh hàng năm”.

Tại Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng kế hoạch PCTT cấp quốc gia giai đoạn 2018 - 2020, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong khi đó, theo báo cáo mới có số ít Bộ, ngành đã phê duyệt kế hoạch PCTT cấp Bộ giai đoạn 5 năm đến năm 2020. Tại địa phương, tính đến hết năm 2018 đã có 54 tỉnh, thành phố phê duyệt kế hoạch PCTT cấp tỉnh giai đoạn đến năm 2020 và tại cấp huyện và xã, phần lớn cũng chưa thực hiện ngoại trừ các xã có dự án liên quan đến PCTT (100 xã thuộc dự án WB5, UNDP, GCF, JICA và một số xã do Chũr thập đở, các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ xây dựng,...).

Bản kế hoạch PCTT được phê duyệt là cơ sở để các Bộ, ngành, địa phương huy động nguồn lực một cách chủ động nhằm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. So với các kế hoạch có liên quan trước đây đã được triển khai thực hiện thì kế hoạch PCTT là một bản kế hoạch toàn diện nhất, mang tính liên ngành, liên vùng, trong đó có đề xuất các giải pháp cho 3 giai đoạn phòng chống thiên tai và huy động nguồn lực thực hiện trong giai đoạn 5 năm và hàng năm.

Tổng cục Phòng chống thiên tai xây dựng 02 tập tài liệu, trong đó Tập 1 “Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia và cấp bộ”; Tập 2: “Kế hoạch PCTT các cấp địa phương”, gồm: Chương I: Đánh giá việc lập, rà soát và triển khai thực hiện kế hoạch PCTT các cấp địa phương; Chương II: Kế hoạch PCTT cấp tỉnh; Chương III: Kế hoạch PCTT cấp huyện; Chương IV: Kế hoạch PCTT cấp xã và các Phụ lục hướng dẫn chi tiết, các biểu mẫu kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp địa phương.

Trong tài liệu này có kế thừa, tham khảo các tài liệu liên quan đến đánh giá rủi ro thiên tai và lập kế hoạch PCTT từ các Chương trình, dự án. Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sai sót, Tổng cục Phòng chống thiên tai mong nhận được những ý kiến góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện những lần xuất bản sau.

Tổng cục Phòng chống thiên tai đề nghị các tỉnh, thành phố tham khảo các nội dung tài liệu để có đánh giá toàn diện về hiện trạng lập, thực hiện kế hoạch PCTT các cấp, trong đó có địa phương mình. Dựa vào các nội dung hướng dẫn chi tiết kế hoạch và các bản mẫu kế hoạch PCTT, các địa phương tổ chức lập, rà soát kế hoạch PCTT của địa phương mình cho phù hợp.

TỔNG CỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

CHƯƠNG I
ĐÁNH GIÁ VIỆC LẬP, RÀ SOÁT VÀ TRIỂN
KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

1. Đánh giá chung

Kế hoạch PCTT các cấp địa phương được quy định tại các Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 15 của Luật Phòng chống thiên tai. Đến hết năm 2018 đã có 54 tỉnh phê duyệt kế hoạch PCTT cấp tỉnh giai đoạn đến năm 2020 và 22 tỉnh phê duyệt kế hoạch năm 2018. Nhận xét chung về bản kế hoạch của các tỉnh không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Luật, trừ một số tỉnh làm tương đối tốt như Bình Định, Quảng Ngãi, Trà Vinh,... Trong tất cả nội dung chính của kế hoạch thì 2 Phần Đánh giá rủi ro thiên tai và Lồng ghép nội dung PCTT vào các quy hoạch, kế hoạch ngành, kinh tế - xã hội được thực hiện sơ sài nhất hoặc thậm chí nhiều tỉnh đã không có nội dung lồng ghép. Lý do chính được hiểu rằng không đủ dữ liệu và nguồn lực để đánh giá chi tiết độ lớn của thiên tai, mức độ dễ bị tổn thương đến cấp cộng đồng, đặc biệt các lĩnh vực chịu tác động trực tiếp của thiên tai chi tiết tại địa phương. Tương tự, bản Kế hoạch chưa đưa ra được ngành, lĩnh vực gì chịu tác động như thế nào của thiên tai, từ đó có những biện pháp phù hợp để giảm thiểu thiệt hại, hay nói cách khác, chỉ ra nhiệm vụ của từng ngành để tiến hành lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch ngành. Nhiều tỉnh mới chỉ tập trung vào giải pháp ứng phó mà chưa đưa ra các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, do đó chưa đề xuất được các danh mục dự án, hoạt động ưu tiên cũng như nguồn vốn để thực hiện.

Thông thường, kế hoạch PCTT được giao cho cơ quan Thường trực PCTT các cấp địa phương dự thảo và trình UBND cùng cấp phê duyệt theo quy định sau khi lấy ý kiến của các đơn vị, địa phương liên quan. Quá trình triển khai này không tránh khỏi tính chủ quan của cơ quan dự thảo, nếu không có sự phối hợp của các ngành có liên quan. Cụ thể, các ngành, đơn vị liên quan không thấy nhiệm vụ của mình trong KH, do đó rất khó khăn cho việc triển khai thực hiện lồng ghép, huy động nguồn lực trong quá trình thực hiện sau này.

Trong số 54 tỉnh đã phê duyệt kế hoạch PCTT đến năm 2020 (xem kết quả thống kê chi tiết tại Phụ lục PL1), rất ít địa phương lập kế hoạch PCTT có đầy đủ các nội dung như quy định tại Điều 15, Luật Phòng, chống thiên tai. Dưới đây là một số nhận xét chung về nội dung của kế hoạch PCTT đã được các tỉnh phê duyệt:

- i. Rất nhiều địa phương không xác định được cụ thể độ lớn, cấp độ rủi ro của thiên tai, nghĩa là không đánh giá rủi ro thiên tai đến các hoạt động kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng. Do vậy, không đưa ra được biện pháp PCTT phù hợp với cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể.
- ii. Hầu hết các địa phương không có hoặc chưa biết xác định phương thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch ngành, phát triển kinh tế xã hội.
- iii. Về nguồn lực và tiến độ hàng năm, 05 năm để thực hiện kế hoạch PCTT: hầu hết các địa phương chưa đưa ra được nguồn lực để thực hiện kế hoạch PCTT một cách cụ thể, rõ ràng.

- iv. Hầu hết các địa phương tập trung nhiều vào nội dung ứng phó trong khi phần quan trọng của một bản kế hoạch là phòng ngừa, giảm thiểu thì lại rất sơ sài.
- v. Hiện nay chưa có số liệu thống kê đầy đủ về kết quả lập, thực hiện kế hoạch PCTT cấp huyện, xã. Nhưng số lượng kế hoạch được lập không nhiều ngoại trừ các huyện, xã có các dự án liên quan đến tăng cường năng lực PCTT do WB, JICA, GIZ, UNDP hay một số tổ chức quốc tế, phi chính phủ, chữ thập đỏ thực hiện có lồng ghép nội dung xây dựng kế hoạch PCTT. Một số tỉnh cũng đã chủ động hướng dẫn cấp dưới mẫu đề cương nội dung kế hoạch phòng chống thiên tai nhưng vẫn chưa được triển khai đồng do thiếu nguồn lực về tài chính và con người.

Hầu hết các tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn thực hiện 5 năm, trong đó đề xuất nhiều giải pháp kết hợp PCTT. Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng (Đề án 1002) đã và đang được các địa phương triển khai thực hiện. Quy hoạch thủy lợi của tỉnh, huyện cũng đang được các địa phương rà soát, phê duyệt, trong đó có đề xuất các giải pháp PCTT. Một số địa phương được hỗ trợ từ các dự án trong việc lập kế hoạch quản lý lũ tổng hợp, kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai lưu vực sông. Ngoài ra, một số tỉnh cũng đã phê duyệt kế hoạch tìm kiếm cứu nạn hoặc được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng trình Bộ Tư lệnh quân khu phê duyệt giai đoạn 5 năm và thực hiện hàng năm. Đây là những kế hoạch được Cơ quan dự thảo Kế hoạch PCTT các cấp địa phương tham khảo để đưa các hoạt động, dự án vào kế hoạch PCTT.

Ngoài ra, rất nhiều nơi hiểu chưa đúng, hay có sự nhầm lẫn giữa kế hoạch phòng chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai (được quy định tại Điều 22 của Luật PCTT và cũng được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 43 của Luật Phòng chống thiên tai). Có tỉnh không xây dựng kế hoạch mà chỉ xây dựng phương án và cho đây là kế hoạch PCTT hay phương án ứng phó với một số loại hình thiên tai và ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch. Dưới đây là một số so sánh về sự khác nhau giữa 2 nội dung “kế hoạch” và “phương án”:

- i. Kế hoạch PCTT được xây dựng tại các cấp địa phương, bộ ngành và *cấp quốc gia* theo *chu kỳ 5 năm* tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong khi phương án ứng phó thiên tai được xây dựng ở các cấp địa phương, bộ ngành, các *cơ quan, tổ chức*.
- ii. Nội dung của kế hoạch PCTT cho tất cả các loại hình thiên tai thường xảy ra trong khi phương án ứng phó được xây dựng cho một loại hình thiên tai hoặc một nhóm thiên tai có giải pháp ứng phó tương đối giống nhau.
- iii. Các nội dung chính của kế hoạch PCTT tập trung cho giai đoạn phòng ngừa, giảm thiểu trong khi phương án ứng phó tập trung xác định các nguồn lực tại chỗ, thực hiện các quy chế phối hợp để ứng phó với một cấp độ thiên tai cụ

thể cho giai đoạn ứng phó. Trong kế hoạch PCTT bao gồm cả nội dung ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

- iv. Trong kế hoạch PCTT có xác định nguồn lực tài chính thực hiện các giải pháp, tiến độ thực hiện hàng năm và 5 năm trong khi phương án ứng phó không có nội dung này.

Tóm lại, một bản kế hoạch PCTT tổng thể tại địa phương phải có các kết quả mong đợi sau:

- i. Sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị, đa ngành và từ dưới lên (từ cấp xã).
- ii. Đánh giá chi tiết rủi ro của các loại hình thiên tai thông qua phân tích độ lớn của thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực ứng phó của các đối tượng bị tác động.
- iii. Đánh giá RRTT là cơ sở quan trọng trong bước tiếp theo đưa ra các giải pháp theo tiếp cận từ “nguyên nhân – hậu quả - giải pháp”.
- iv. Huy động nguồn lực của toàn xã hội thực hiện các nội dung trong KH.
- v. Nâng cao trách nhiệm của các cấp lãnh đạo địa phương, nhận thức, kỹ năng cho người dân và của toàn xã hội.
- vi. Thực hiện trong tổng thể Chiến lược Phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, kế hoạch PCTT cấp quốc gia, các Bộ ngành và cam kết của Việt Nam thực hiện Khung hành động Sendai 2015 về giảm nhẹ rủi ro thiên tai giai đoạn 2015 – 2030.

2. Đánh giá nội dung chi tiết

Các nội dung chính của kế hoạch PCTT được quy định tại Điều 15 của Luật PCTT. Sau đây là một số đánh giá về nội dung của các kế hoạch PCTT được các tỉnh phê duyệt hoặc dự thảo theo từng nội dung trong Luật:

2.1. Đánh giá, cập nhật hàng năm về đặc điểm dân sinh, KTXH và cơ sở hạ tầng:

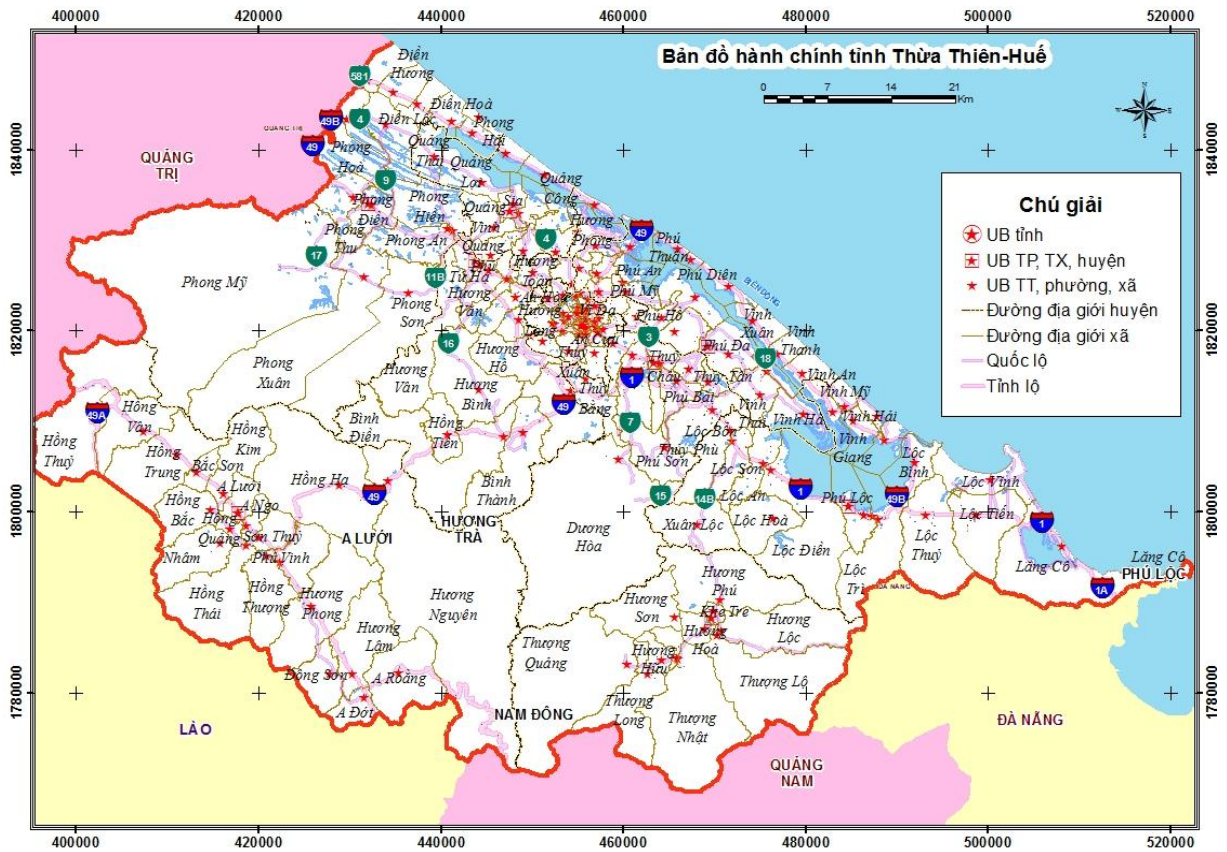
Thông tin về đặc điểm địa lý, địa hình, sông ngòi, bờ biển (nếu có): đã được một số tỉnh đề cập trong kế hoạch.

Đặc điểm dân sinh: các số liệu thống kê về tình trạng nhà ở theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng không đầy đủ hoặc chưa thực hiện nên rất khó đánh giá được nguy cơ thiệt hại khi thiên tai xảy ra; nhiều thông tin thống kê quan trọng khác như tỉ lệ lao động, cơ cấu lao động, số lượng và phân bố của các đối tượng dễ bị tổn thương, ... cần thiết phải đưa vào kế hoạch.

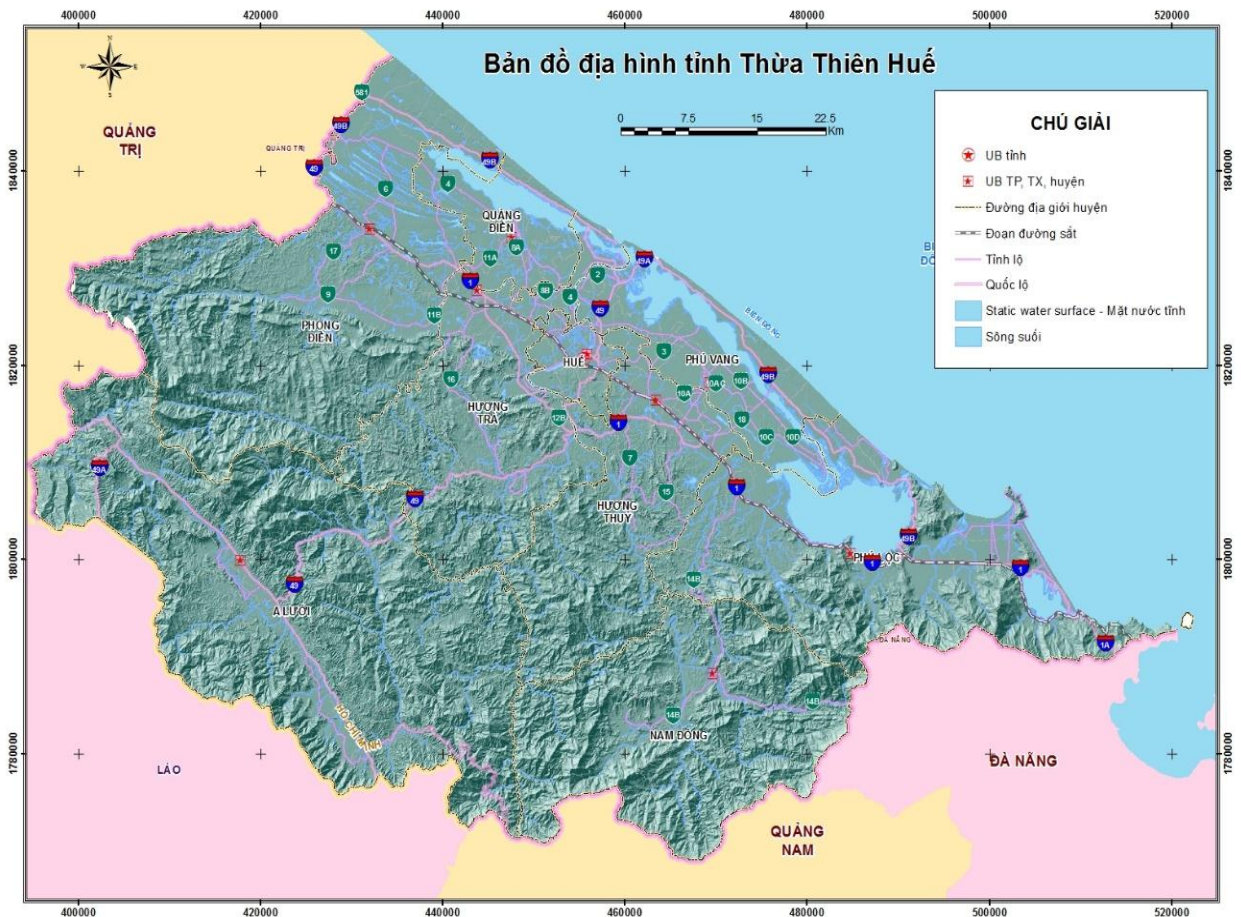
Đặc điểm KTXH: chưa liệt kê được hết các ngành kinh tế, dịch vụ bị tác động khi có thiên tai, ví dụ khu vực làng nghề, khu công nghiệp, thương mại, ... mà chủ yếu tập trung vào nông nghiệp (được hỗ trợ thiệt hại theo Nghị định 02).

Cơ sở hạ tầng: bị tác động của thiên tai và hoặc kết hợp PCTT cần được liệt kê chi tiết.

Rất ít tỉnh đưa vào các bản đồ, biểu bảng để mô tả các đặc điểm trên nên rất khó theo dõi cũng như phân tích, đánh giá (tham khảo mẫu bản đồ Hình 1 và 2).



Hình 1. Bản đồ hành chính tỉnh (tham khảo)



Hình 2. Bản đồ địa hình tỉnh (tham khảo)

2.2. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội trong phạm vi quản lý

Các tỉnh nêu được đặc điểm của các loại hình thiên tai điển hình, thiệt hại do thiên tai gây ra nhưng không đánh giá được rủi ro thiên tai theo các cấp độ chi tiết.

Số liệu thống kê thiệt hại phần lớn được trích từ báo cáo hàng năm nên chưa thể hiện rõ được nguyên nhân cụ thể do loại hình thiên tai nào gây ra. Số liệu tập hợp trên toàn tỉnh nên không xác định được địa phương (huyện, xã) nào chịu rủi ro nhiều hơn so với các nơi khác. Do đó, cần phải thống kê, thu thập từ dưới lên (từ cấp xã) và các ngành có liên quan cần phải chia sẻ, thống nhất.

Chưa chi tiết được lĩnh vực/ngành nào chịu tác động/rủi ro nhất của loại hình thiên tai nào và cũng như ở trên là tại địa phương nào, vùng nào. Khi đánh giá RRTT không chỉ cho các ngành KTXH, mà còn đến các cơ sở hạ tầng.

Tóm lại, đây là nội dung các tỉnh vướng mắc nhất và cần hướng dẫn chi tiết, cần có sự phối hợp của cơ quan KTTV tỉnh/vùng cũng như tham khảo kết quả đánh giá RRTT từ các dự án có liên quan thực hiện tại địa phương như: quy hoạch thủy lợi, phương án ứng phó nước dâng do siêu bão, kế hoạch ứng phó với BĐKH, ...

2.3. Xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, chú ý khu vực nguy hiểm và đối tượng dễ bị tổn thương

Do chưa xác định được cấp độ rủi ro thiên tai của từng ngành, lĩnh vực và địa phương từ nội dung (2) nên rất khó khăn cho việc xác định các giải pháp phù hợp. Các tỉnh thường tham khảo, đề xuất từ các dự án quy hoạch, kế hoạch có liên quan đang thực hiện và đưa vào trong kế hoạch PCTT. Dẫn đến có rất nhiều dự án, hoạt động trùng nhau và làm cho kinh phí rất lớn cũng như thời gian thực hiện không thể phù hợp.

Do chưa đánh giá RRTT chi tiết cho các ngành ở trên nên rất khó để các ngành có các giải pháp phù hợp từ đó tiến hành nội dung lồng ghép ở bước sau.

Các tỉnh tập trung nhiều vào giải pháp ứng phó, mà theo phân tích ở trên sẽ trùng với phương án ứng phó thay vì kế hoạch PCTT.

2.4. Xác định phương pháp, cách thức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH

Nội dung này cũng đang rất lúng túng khi lập kế hoạch cũng như thực hiện kế hoạch do các bước trên chưa đánh giá được RRTT đối với các ngành, địa phương. Cần phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan trong quá trình xác định các nội dung lồng ghép. Do đó, việc thành lập Tổ công tác xây dựng kế hoạch là cần thiết.

Phương pháp và cách thức lồng ghép được hướng dẫn chi tiết trong Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT, địa phương muốn hướng dẫn chi tiết hơn, tuy nhiên, nếu thảo luận trong Tổ công tác liên ngành cũng sẽ thống nhất được các nội dung lồng ghép của các ngành trong kế hoạch.

2.5. Xác định nguồn lực và tiến độ hàng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch

Kế hoạch PCTT được xây dựng cho giai đoạn 5 năm và thực hiện hàng năm theo thứ tự ưu tiên các giải pháp cấp bách. Tuy nhiên, một số tỉnh do đã đưa quá nhiều các dự án, hoạt động từ các quy hoạch, kế hoạch khác nên rất khó bố trí kinh phí cũng như xác định thứ tự ưu tiên, tính khả thi của kế hoạch không cao.

Thiếu nguồn lực nên việc thực thi kế hoạch đã ban hành luôn là một thách thức tại địa phương. Do đó, cần phối hợp chặt chẽ với ngành Tài chính, Kế hoạch để đề xuất, bố trí, phân bổ, huy động nguồn lực hiệu quả.

2.6. Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch

Do thiếu kinh phí thực hiện nên việc kiểm tra, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch và báo cáo hầu hết chưa được thực hiện. Ngoài ra, do nội dung lồng ghép và báo cáo quá trình thực hiện chưa được các ngành quan tâm nên cơ quan Thường trực không có thông tin tổng hợp, báo cáo.

2.7. Một số nội dung khác được bổ sung trong kế hoạch

- + Căn cứ pháp lý lập kế hoạch
- + Mục đích, yêu cầu của kế hoạch
- + Hiện trạng công tác PCTT tại địa phương

Kế hoạch PCTT hàng năm được xây dựng và triển khai dựa trên việc rà soát kế hoạch 5 năm và cũng được cơ quan Thường trực trình UBND phê duyệt. Trong đó:

+ Thực hiện các nội dung phòng ngừa, giảm thiểu được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng năm của kế hoạch 5 năm (tập huấn, diễn tập nâng cao nhận thức, công tác truyền thông, tăng cường trang thiết bị, bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách, ...).

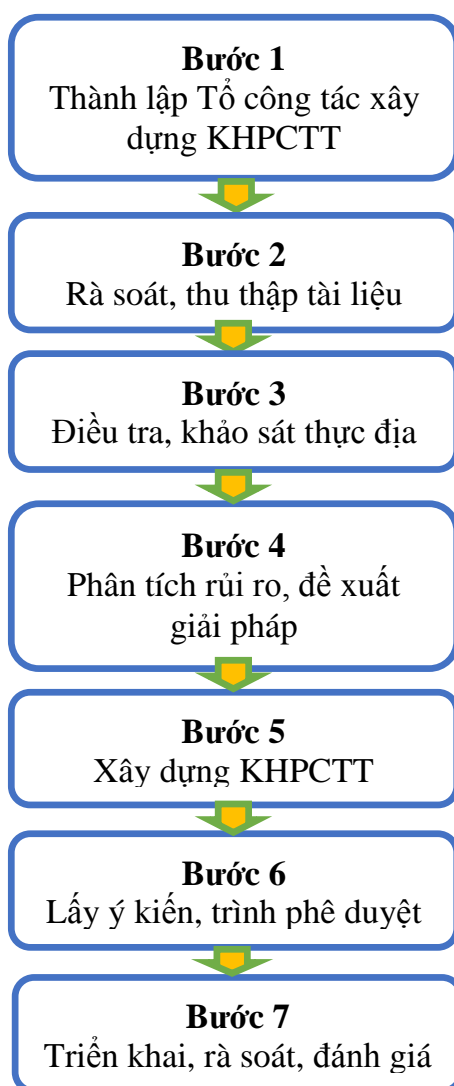
+ Rà soát kế hoạch thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp, di dời, tái thiết của những năm trước và tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo.

Một số địa phương đã thu Quỹ PCTT, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện một số hoạt động tập huấn phòng ngừa, gia cố nhà cửa, chuẩn bị hậu cần, lương thực tại chỗ trong giai đoạn ứng phó và di dời những khu vực dân cư có rủi ro cao về thiên tai đến nơi an toàn. Công việc rà soát và thực hiện kế hoạch PCTT là việc làm thường xuyên, và quan trọng hơn là sự tham gia của các ngành trong kế hoạch và sự quan tâm của lãnh đạo địa phương các cấp.

3. Đề xuất quy trình xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp địa phương

Việc lập kế hoạch PCTT cấp tỉnh là sự phối hợp đa ngành và tiếp cận từ dưới lên. Các số liệu thu thập ở địa phương cấp dưới và của cơ quan KTTV đóng vai trò quyết định đến xác định cấp độ rủi ro thiên tai, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Trong khi số liệu của các ngành cung cấp là các thông tin về lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch của từng ngành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm xác định nguồn lực của toàn xã hội thực hiện kế hoạch PCTT.

Trình tự các bước xây dựng kế hoạch PCTT các cấp địa phương được trình bày trong Hình 3, nội dung cụ thể các bước được hướng dẫn trong các mục tiếp theo. Lưu ý trước khi thực hiện các bước này, cơ quan được giao đăng ký đưa nhiệm vụ xây dựng kế hoạch PCTT vào kế hoạch thực hiện năm sử dụng nguồn kinh phí từ quỹ PCTT (với cấp xã) hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác, tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện từng bước.



Hình 3. Các bước xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai

Bảng 1. Dự thảo danh sách Tổ công tác dự thảo Kế hoạch PCTT cấp tỉnh¹

STT	Tên và Chức vụ/Cơ quan	Nhiệm vụ
1	01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh/TP	Tổ trưởng
2	Giám đốc Sở NN & PTNT	Tổ phó Thường trực
3	Lãnh đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tổ phó
4	01 Lãnh đạo các Sở, ngành, Công an tỉnh, Bộ đội biên phòng	Ủy viên
5	Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi/Chi cục đê điều và PCLB – Chánh Văn phòng Ban chỉ huy PCTT và TKCN	Ủy viên Thường trực
6	01 cán bộ khí tượng thủy văn tỉnh	Ủy viên
7	01 Lãnh đạo Tổ chức Chính trị, xã hội có liên quan (Ủy ban mặt trận, Phụ nữ, Thanh niên, Chữ thập đỏ, ...)	Ủy viên
8	Lãnh đạo các huyện/TP thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Ủy viên
...

3.1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và PTNT

Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Thủy lợi/ Chi cục đê điều và PCLB (Văn phòng Thường trực) là đơn vị Thường trực phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện xây dựng kế hoạch và hướng dẫn cho cấp dưới. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- i. Đưa nội dung xây dựng KHPCTT vào kế hoạch thực hiện năm; tham mưu UBND bố trí nguồn kinh phí để lập kế hoạch (nếu có).
- ii. Lập danh sách, trình UBND phê duyệt Tổ công tác xây dựng KH.
- iii. Gửi công văn kèm các Bảng mẫu² thu thập dữ liệu đến các địa phương (huyện, xã), Sở, ngành liên quan.
- iv. Thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, trình UBND phê duyệt KH.
- v. Tổng hợp, báo cáo, giám sát quá trình thực hiện KH hàng năm và 5 năm
- vi. Tham mưu, đề xuất nguồn lực thực hiện kế hoạch thực hiện việc rà soát kế hoạch hàng năm.

3.2. Trách nhiệm của các Sở ngành khác và các địa phương (huyện, xã)

Các Sở, Ban ngành, Tổ chức, địa phương có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện các nội dung:

¹ Địa phương căn cứ tình hình cụ thể tại địa phương để mời vào Tổ công tác như: Lãnh đạo Văn phòng UBND, Sở Công thương, Xây dựng, Giao thông, TNMT, Công an, PCCC, Văn hóa Thể thao và du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Lao động TBXH, Ngoại vụ, Kế hoạch, Tài chính, ... Tương tự cho cấp huyện và xã.

² Bảng mẫu tham khảo hướng dẫn lập kế hoạch PCTT trong phần Phụ lục

i. Tham gia thành viên Tổ công tác xây dựng kế hoạch (có thể chọn các thành viên Ban Chỉ huy cấp tỉnh).

ii. Cung cấp các báo cáo, số liệu có liên quan và nhập vào mẫu bảng do cơ quan Thường trực gửi.

iii. Bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nội dung lồng ghép trong kế hoạch ngành, KTXH địa phương.

iv. Báo cáo quá trình thực hiện kế hoạch về Cơ quan Thường trực để tổng hợp.

Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục phòng chống lụt bão/ Thủy lợi (Văn phòng Thường trực) hướng dẫn cho cấp huyện tiến hành lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch PCTT giai đoạn 5 năm và thực hiện hàng năm; tiếp theo đó là hướng dẫn cho các xã (tham khảo tài liệu hướng dẫn Quản lý RRTT-DVCD và tài liệu hướng dẫn Đánh giá RRTT-DVCD dành cho cấp xã do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành và hiệu chỉnh lần 3 năm 2017). Trong quá trình thực hiện xây dựng kế hoạch PCTT tại cấp tỉnh nên tiến hành đồng thời xây dựng kế hoạch PCTT tại cấp dưới sẽ tiết kiệm được thời gian và nhân lực do cùng một công thu thập dữ liệu.

4. Một số đề xuất đối với Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp

- Xem xét trong đề xuất của tài liệu này việc thành lập Tổ công tác xây dựng kế hoạch PCTT có sự tham gia đầy đủ của các ngành, đơn vị có liên quan và hướng dẫn địa phương cấp dưới lập, rà soát, thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch PCTT.

- Đề xuất bố trí kinh phí để lập, rà soát, thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch; trong đó có sắp xếp thứ tự ưu tiên và đề xuất cấp trên hỗ trợ cũng như từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, ...

- Tập trung thực hiện các hoạt động của giải pháp phi công trình như thực hiện các nội dung của Đề án 1002. Ngoài ra, các hoạt động tăng cường cơ sở vật chất, năng lực cho cán bộ làm công tác PCTT cũng là những nội dung quan trọng tiếp theo.

- Hàng năm có báo cáo giám sát thực hiện kế hoạch để báo cáo Lãnh đạo UBND cùng cấp để chỉ đạo thực hiện, báo cáo UBND cấp trên.

- Tham mưu cho Trưởng ban Chỉ huy PCTT cùng cấp chỉ đạo việc lồng ghép nội dung PCTT trong kế hoạch phát triển KTXH của địa phương, các ngành, các chương trình dự án, đề án có liên quan đang thực hiện để tận dụng tối đa các nguồn lực.

- Các số liệu liên quan đến rủi ro thiên tai phải được chia sẻ cho các ngành có liên quan để thực hiện nội dung lồng ghép; các dự án của các ngành có liên quan đến an toàn về thiên tai phải được thẩm định, có ý kiến chuyên môn của cơ quan Thường trực PCTT tại địa phương.

CHƯƠNG II
KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
CẤP TỈNH

Trong chương này sẽ trình bày khung đề cương kế hoạch Phòng chống thiên tai cấp tỉnh, hướng dẫn chi tiết.

1. Khung kế hoạch PCTT cấp tỉnh

Dựa vào 6 nội dung chính trong kế hoạch PCTT cấp tỉnh được hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Phòng chống thiên tai, chi tiết Khung đề cương kế hoạch có đầy đủ các nội dung sau:

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH ... GIAI ĐOẠN ...

Chương I. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch

Chương II. Mục đích, yêu cầu

Chương III. Đặc điểm tự nhiên, dân sinh, KTXH, cơ sở hạ tầng chủ yếu

1. Vị trí địa lý
2. Đặc điểm địa hình, địa chất
3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, hải văn (nếu có)
4. Đặc điểm dân sinh
5. Đặc điểm kinh tế - xã hội
6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Chương IV. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

1. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến PCTT
2. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và quy chế phối hợp
3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm
4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai
5. Công tác cứu hộ, cứu nạn
6. Thông tin, truyền thông trong PCTT
7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT
8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai
9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - XH
10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết
11. Nguồn lực tài chính

Chương V. Xác định rủi ro thiên tai

1. Phạm vi đánh giá
2. Nội dung đánh giá
 - 2.1. Độ lớn của thiên tai
 - 2.2. Các đối tượng bị ảnh hưởng (dân sinh, KTXH, CSHT)
 - 2.3. Đánh giá rủi ro theo khu vực hành chính

Chương VI. Nội dung các biện pháp phòng chống thiên tai

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu
2. Biện pháp ứng phó
3. Phục hồi, tái thiết
4. Biện pháp phòng chống thiên tai liên vùng

Chương VII. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai

1. Nội dung lồng ghép
2. Nhiệm vụ lồng ghép của các ngành

Chương VIII. Xác định nguồn lực và tiến độ thực hiện**Chương IX. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân**

1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch
2. Rà soát kế hoạch
3. Theo dõi, đánh giá

PHỤ LỤC**2. Hướng dẫn chi tiết các nội dung lập kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh**

Phần này sẽ có hướng dẫn chi tiết lập Kế hoạch PCTT cấp tỉnh dựa trên bản hướng dẫn tạm thời được Tổng cục Phòng chống thiên tai phê duyệt tại Quyết định số 334/QĐ-PCTT-UPKP ngày 31/12/2017 có cập nhật bổ sung sau khi thực hiện thí điểm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.1. Chương I. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch

Chi tiết được hướng dẫn tại Phụ lục PL 2.

Tại phần cuối của Chương I trước khi chuyển sang các nội dung kế hoạch có thể viết thêm đoạn: “Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn, với các nội dung sau:”.

2.2. Chương II. Mục đích và yêu cầu**Mục đích:**

- i. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.
- ii. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.
- iii. Dựa trên cơ sở kế hoạch PCTT này, địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh chủ động xây dựng, rà soát, tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế nhằm xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

Yêu cầu:

- i. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.
- ii. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.
- iii. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
- iv. Tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong tỉnh.
- v. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đặc biệt là công nghệ 4.0 phù hợp với công tác PCTT trong tình hình mới.
- vi. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, chương trình nông thôn mới tại địa phương.
- vii. Sử dụng nguồn kinh phí có hiệu quả trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai; ưu tiên các giải pháp phi công trình, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực và nhận thức cho cộng đồng chủ động PCTT.
- viii. Có xét đến bối cảnh biến đổi khí hậu và khả năng xảy ra thiên tai cục đoạn.

2.3. Chương III. Đặc điểm tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng chủ yếu

Chi tiết về đặc điểm tự nhiên của tỉnh tham khảo Bảng 1, Phụ lục 5 “tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (tài liệu dành cho cấp xã hiệu chỉnh lần 3 và tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực đô thị)”.

Chi tiết về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng tham khảo Bảng 2, Phụ lục 5 “tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Tài liệu dành cho cấp xã hiệu chỉnh lần 3 và tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng khu vực đô thị)”.

2.4. Chương IV. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

Chi tiết xem tại Phụ lục PL 2

2.5. Chương V. Xác định rủi ro thiên tai

Phân tích tình hình và xu hướng của thiên tai:

Thống kê loại thiên tai đã xảy ra trong những năm gần đây (5-10 năm) và những thiên tai cục đoạn, lịch sử (nếu có).

Phân tích đặc điểm của từng loại thiên tai theo một số tiêu chí: thời gian xảy ra, dấu hiệu báo trước, số lần xuất hiện, mức độ tác động, nguyên nhân gây ra thiên tai và xu hướng tăng/giảm của các loại thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu có thể gây ra sự bất thường của thiên tai hoặc thiên tai cục đoạn.

Những thiệt hại và tác động của thiên tai đã xảy ra ở địa phương; bài học kinh nghiệm đã được rút ra.

Nhận định về nguy cơ những loại hình thiên tai có thể xảy ra trong thời gian tới.

Các bảng thống kê thu thập dữ liệu và đánh giá RRTT được tham khảo trong phụ lục PL 2 và phần phụ lục bảng.

2.6. Từ các Chương VI đến Chương VIII: chi tiết hướng dẫn xem tại Phụ lục PL2.2

2.7. Chương IX. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý (theo điều 43 khoản 1 mục b của Luật PCTT). Một số điểm cần lưu ý như sau:

- + Thực hiện đầy đủ các yêu cầu được nêu trong Điều 43 của Luật PCTT;
- + Tổng hợp phân tích các dữ liệu và thông tin hiện có;
- + Tận dụng mọi kiến thức và phát huy sự tham gia, đóng góp ý kiến một cách rộng rãi;
- + Phát huy sự tham gia tích cực của ban ngành và hệ thống chính quyền các cấp, đặc biệt là cộng đồng cấp xã;
- + Tham khảo các khoa học công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm trong và ngoài nước;
- + Ứng dụng tối đa công nghệ 4.0.

Tổ chức thực hiện cần lưu ý:

- + Lồng ghép nội dung PCTT cần cụ thể, thiết thực, phù hợp với loại hình thiên tai đã từng xảy ra ở địa bàn và phù hợp với tình hình quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan;
- + Quá trình thực hiện kế hoạch PCTT phải gắn chặt với quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng khu đô thị, khu vực nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất;
- + Chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm (theo phương châm 4 tại chỗ),... để thực hiện kế hoạch ứng phó thiên tai và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để sẵn sàng thực hiện kế hoạch đã được duyệt;
- + Tổ chức diễn tập theo các hình thức phù hợp và thiết thực;
- + Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai phải được thực hiện trước mùa thiên tai;
- + Các hoạt động khác gồm: tổ chức thường trực, chỉ huy công tác ứng phó thiên tai; tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai xảy ra,... theo quy định;
- + Trong quá trình thực hiện kế hoạch PCTT cần quan tâm đến biện pháp bảo vệ tính mạng và tài sản, nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai và phục hồi sản xuất;
- + Huy động mọi nguồn lực để khắc phục hậu quả, cứu trợ kịp thời và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân cùng tham gia;
- + Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo định kỳ việc thực hiện kế hoạch PCTT.

Lưu ý: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch PCTT cần có sự phân công cụ thể chi tiết và có tiến độ thực hiện.

3. Việc áp dụng thí điểm tại tỉnh Thừa Thiên – Huế

Phần này giới thiệu kết quả xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai tại tỉnh Thừa Thiên Huế

3.1. Về năng lực xây dựng kế hoạch

Tuy là một tỉnh phê duyệt kế hoạch PCTT muộn nhưng với sự tham mưu của Cơ quan thường trực, tỉnh đã ban hành nhiều phương án, kế hoạch theo yêu cầu của Luật Phòng chống thiên tai và các Quyết định có liên quan khác của Thủ tướng chính phủ. Nội dung của kế hoạch về cơ bản theo Luật Phòng chống thiên tai. Ngoài ra, đã hướng dẫn cho các đơn vị cấp dưới đề cương dự thảo kèm các mẫu bảng biểu thu thập để xây dựng kế hoạch PCTT tại địa phương; cập nhật các số liệu vào các bản đồ rủi ro thiên tai lũ lụt phục vụ cho nội dung đánh giá rủi ro.

Bảng 2. Các kế hoạch/phương án liên quan đến PCTT phê duyệt tại tỉnh Thừa Thiên - Huế

TT	Kế hoạch/phương án	Số Quyết định/thời gian phê duyệt	Cơ quan chủ trì tham mưu
1	Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão	Số 1088/QĐ-UBND ngày 15/6/2015	Sở NN&PTNT
2	Kế hoạch ứng phó sự cố thiên tai bão, áp thấp nhiệt đới, lũ lụt, lũ quét, lũ ống, sạt lở đất	Số 1343/QĐ-UBND ngày 21/6/2018	Sở NN&PTNT
3	Kế hoạch ứng phó sự cố động đất, sóng thần	Số 149/KH-UBND ngày 28/9/2016	Sở NN&PTNT
4	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế	Số 2711/QĐ-UBND	Ban Chỉ huy quân sự tỉnh
5	Kế hoạch ứng phó sự cố tai nạn tàu, thuyền trên biển, tai nạn máy bay, tai nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng	Số 3066/QĐ-UBND ngày 2/12/2016	Ban Chỉ huy quân sự tỉnh
6	Kế hoạch ứng phó sự cố sập đổ các mỏ lộ thiên và hầm lò khai thác khoáng sản	Số 134/KH-UBND ngày 5/9/2016	Ban Chỉ huy quân sự tỉnh
7	Ứng phó sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng	Số 1955/QĐ-UBND ngày 22/8/2016	Sở Xây dựng
8	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Số 2260/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	Sở NN&PTNT
9	Quy hoạch thủy lợi tỉnh Thừa Thiên – Huế đến năm 2025 và tầm nhìn 2035	Số 01/2018/QĐ-UBND ngày 8/1/2018	Sở NN&PTNT
10	Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp (IFMP)	Số 1933/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 và số 14/QĐ-UBND ngày 5/1/2012	Sở NN&PTNT

TT	Kế hoạch/phương án	Số Quyết định/thời gian phê duyệt	Cơ quan chủ trì tham mưu
11	Kế hoạch hành động chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Số 962/QĐ-UBND ngày 13/5/2014	Sở TN&MT
12	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phòng chống và giảm nhẹ thiên tai		Sở NN&PTNT
13	Kế hoạch thực hiện đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng		Sở NN&PTNT
14	Kế hoạch PCTT		Sở NN&PTNT

3.2. Thuận lợi

Do tỉnh có lợi thế trong việc thực hiện nhiều dự án ODA nên phương thức tiếp cận, năng lực cán bộ được đào tạo và cơ sở vật chất Phòng chống thiên tai được đầu tư thuận lợi hơn. Tỉnh nhận được nhiều kết quả chuyển giao từ các dự án đã kết thúc và sử dụng đưa vào dự thảo của kế hoạch nên có tính khoa học và khả thi cao đặc biệt kết quả tính toán mô hình lũ.

Một số kết quả của các dự án đã được tỉnh sử dụng trong kế hoạch PCTT:

- i. Dự án xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp (IFMP) do JICA tài trợ
- ii. Dự án xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, nước biển dâng do Tổng cục Phòng chống thiên tai bàn giao.
- iii. Dự án Rà soát quy hoạch thủy lợi trên toàn tỉnh.
- iv. Quy hoạch đề biển theo Quyết định số 58/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ.
- v. Kết quả tính toán lũ quét, sạt lở đất do Bộ Tài nguyên và Môi bàn giao.
- vi. Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- vii. Một số dự án có liên quan khác do tỉnh phê duyệt như: sắp xếp dân cư, phòng chống sạt lở, ...

3.3. Khó khăn

Năng lực cán bộ chủ yếu mới tập trung ở cấp tỉnh cộng với công tác kiêm nhiệm ở cấp huyện và nguồn lực tài chính không được bố trí để xây dựng kế hoạch cũng như triển khai thực hiện kế hoạch nên tâm lý mới dừng lại ở hoàn thành việc lập kế hoạch.

Việc lập kế hoạch vừa làm vừa rút kinh nghiệm nên tốn nhiều thời gian và không thống nhất trong cách thu thập tài liệu, số liệu. Để thực hiện theo Hướng dẫn tạm thời xây dựng kế hoạch thì cần gửi nhiều bảng biểu xuống cấp huyện, xã và các ngành để thu thập dữ liệu. Đây là bước khó khăn và mất nhiều thời gian nhất. Một số dữ liệu cần thời gian, công sức điều tra như:

+ Số liệu về thiệt hại của các trận thiên tai lớn như: thiệt hại do lũ năm 1999 chỉ có số liệu của toàn tỉnh còn dưới cấp xã, huyện thì không lưu trữ.

+ Số liệu thiệt hại chi tiết cho từng ngành (trước khi đánh giá theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch 05) cũng không được lưu trữ đầy đủ.

+ Số liệu về nhà ở (như đề cập ở phần đầu) cần phải đi điều tra thu thập.

+ Số liệu về 4 tại chỗ rất thiếu và không thống nhất.

Các dữ liệu trên không những khó thu thập tại cấp huyện, xã mà còn khó ở cả các ngành, lĩnh vực chịu tác động của thiên tai. Ngoài ra, sự tham gia của các ngành, các cấp còn hạn chế nên mới tập trung chủ yếu công việc của cơ quan Thường trực PCTT.

CHƯƠNG III
KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
CẤP HUYỆN

Chương này sẽ trình bày về khung đề cương kế hoạch PCTT cấp huyện và giới thiệu dự thảo Kế hoạch PCTT huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế để các địa phương tham khảo.

1. Khung đề cương kế hoạch PCTT cấp huyện

Dựa vào 7 nội dung chính trong kế hoạch PCTT cấp huyện được hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 15 của Luật Phòng chống thiên tai, chi tiết của Khung đề cương kế hoạch PCTT cấp huyện cần có các nội dung sau:

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI HUYỆN ... GIAI ĐOẠN ...

Chương I. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch

Chương II. Mục đích, yêu cầu

Chương III. Đặc điểm tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, CSHT chủ yếu

1. Vị trí địa lý
2. Đặc điểm địa hình, địa chất
3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn
4. Đặc điểm dân sinh
5. Đặc điểm kinh tế - xã hội
6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Chương IV. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

1. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN
2. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ PCTT
3. Công tác cứu hộ, cứu nạn
4. Thông tin, truyền thông trong PCTT
5. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT
6. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai
7. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết
8. Nguồn lực tài chính

Chương V. Đánh giá tác động của thiên tai

1. Đánh giá về loại hình, độ lớn của thiên tai
2. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai
3. Các khu vực có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai

Chương VI. Nội dung các biện pháp phòng chống thiên tai

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu
2. Biện pháp ứng phó
3. Phục hồi, tái thiết

Chương VII. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai

1. Nội dung lồng ghép

2. Nhiệm vụ lồng ghép của các ngành

Chương VIII. Đề xuất nhu cầu về nguồn lực và tiến độ thực hiện

Chương IX. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

2. Rà soát kế hoạch

3. Theo dõi, đánh giá

PHỤ LỤC

2. Giới thiệu Kế hoạch PCTT huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên – Huế

Trong khuôn khổ dự án hỗ trợ của Jica nhằm tăng cường năng lực lập kế hoạch PCTT áp dụng thí điểm cho tỉnh Thừa Thiên Huế, đã xây dựng dự thảo kế hoạch PCTT huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chi tiết đề nghị xem phụ lục 3 để tham khảo.

CHƯƠNG IV
KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
CẤP XÃ

1. Khung đề cương kế hoạch PCTT cấp xã

Dựa vào 5 nội dung chính trong kế hoạch PCTT cấp được quy định tại Khoản 2 Điều 15 của Luật Phòng chống thiên tai, chi tiết của Khung đề cương kế hoạch cần có các nội dung sau:

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI XÃ ... GIAI ĐOẠN ...

Chương I. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch

Chương II. Mục đích, yêu cầu

Chương III. Đặc điểm tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng chủ yếu

1. Vị trí địa lý
2. Đặc điểm địa hình, địa chất
3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn
4. Đặc điểm dân sinh
5. Đặc điểm kinh tế - xã hội
6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Chương IV. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

1. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN
2. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống thiên tai
3. Nguồn nhân lực tham gia phòng chống thiên tai
4. Thông tin, truyền thông trong PCTT
5. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

Chương V. Đánh giá tác động của thiên tai

1. Đánh giá về loại hình, độ lớn của thiên tai
2. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai
3. Các khu vực có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai

Chương VI. Nội dung các biện pháp phòng chống thiên tai

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu
2. Biện pháp ứng phó
3. Phục hồi, tái thiết

Chương VII. Đề xuất nhu cầu về nguồn lực và tiến độ thực hiện

Chương VIII. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch
2. Rà soát kế hoạch

PHỤ LỤC

2. Giới thiệu Kế hoạch PCTT xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh TT – Huế

Trong khuôn khổ dự án hỗ trợ của Jica nhằm tăng cường năng lực lập kế hoạch PCTT áp dụng thí điểm cho tỉnh Thừa Thiên Huế, đã xây dựng dự thảo kế hoạch PCTT xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chi tiết đề nghị xem phụ lục 4 để tham khảo.

PHỤ LỤC

PL 1. DANH SÁCH CÁC TỈNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH PCTT

TT	Tỉnh/TP	Kế hoạch PCTT				
		2016	2017	2018	5 năm	
I. Tây Bắc Bộ (06 tỉnh)						
1	1	Lào Cai			x	x
2	2	Yên Bái	x		x	x
3	3	Điện Biên				x
4	4	Hòa Bình			x	x
5	5	Lai Châu			đang trình	x
6	6	Sơn La		x	x	x
II. Đông Bắc Bộ (9 tỉnh)						
7	1	Hà Giang			x	x
8	2	Cao Bằng				
9	3	Bắc Kạn				x
10	4	Lạng Sơn	x	x	x	x
11	5	Tuyên Quang	x		x	x
12	6	Thái Nguyên				x
13	7	Quảng Ninh	x		x	x
14	8	Phú Thọ	x			x
15	9	Bắc Giang		x	x	x
III. Đồng bằng sông Hồng						
16	1	Vĩnh Phúc				
17	2	Bắc Ninh			x	x
18	3	Hà Nội			x	x
19	4	Hải Phòng			x	x
20	5	Hải Dương	x		x	x
21	6	Hưng Yên			x	x
22	7	Hà Nam	x			x
23	8	Nam Định				x
24	9	Ninh Bình				x
25	10	Thái Bình				x
IV. Duyên hải miền Trung (13 tỉnh và 01 thành phố)						
26	1	Thanh Hóa				
27	2	Nghệ An				
28	3	Hà Tĩnh				x
29	4	Quảng Bình				x
30	5	Quảng Trị				
31	6	Thừa Thiên Huế				
32	7	Đà Nẵng				x
33	8	Quảng Nam				x
34	9	Quảng Ngãi				x

TT		Tỉnh/TP	Kế hoạch PCTT			
			2016	2017	2018	5 năm
35	10	Bình Định		X		X
36	11	Phú Yên				X
37	12	Khánh Hòa				X
38	13	Ninh Thuận			X	X
39	14	Bình Thuận	X			X
V. Tây Nguyên (05 tỉnh)						
40	1	Kon Tum		X		X
41	2	Gia Lai		X		X
42	3	Đắk Lắk				X
43	4	Đắk Nông				
44	5	Lâm Đồng				
VI. Đông Nam Bộ (05 tỉnh và 01 thành phố)						
45	1	Bình Dương		X		X
46	2	Bình Phước				X
47	3	Tây Ninh		X		X
48	4	Đồng Nai		X		X
49	5	Bà Rịa - Vũng Tàu	X	X		X
50	6	Thành phố Hồ Chí Minh		X	X	X
VII. Đồng bằng sông Cửu Long (12 tỉnh và 01 thành phố)						
51	1	Bến Tre			X	X
52	2	An Giang		X		X
53	3	Vĩnh Long		X	X	X
54	4	Cần Thơ			X	X
55	5	Hậu Giang				X
56	6	Sóc Trăng				X
57	7	Bạc Liêu				X
58	8	Cà Mau		X	X	X
59	9	Kiên Giang				
60	10	Đồng Tháp		X	X	X
61	11	Trà Vinh		X	X	X
62	12	Tiền Giang	X			X
63	13	Long An		X		X

PL 2 HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH PCTT CẤP TỈNH

*(Cập nhật bản Tổng cục Phòng chống thiên tai phê duyệt tạm thời tại
Quyết định số 334/QĐ-PCTT-UPKP ngày 31/12/2017)*

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH ... GIAI ĐOẠN ...**Chương I. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch**

Các căn cứ pháp lý để lập kế hoạch PCTT được liệt kê dưới đây:

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều;
- Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 và Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;

Ngoài ra địa phương liệt kê các Nghị Quyết, Quyết định, Quy hoạch, Kế hoạch có liên quan đến lĩnh vực dự báo, phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và các cơ quan khác mà nội dung kế hoạch này có tham khảo.

Chương II. Mục đích và yêu cầu (xem nội dung ở trang 17)**Chương III. Đặc điểm tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng****1. Vị trí địa lý**

Mô tả vị trí địa lý, diện tích, hướng tiếp giáp,...của tỉnh. Từ đó sơ bộ đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác PCTT.

2. Đặc điểm địa hình, địa chất

Mô tả về cao độ chi tiết các khu vực miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển, đặc biệt các vùng trũng thấp, vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt; địa chất, độ dốc, thảm phủ vùng đồi núi xảy ra lũ quét, sạt lở đất; khu vực xói lở ven sông, suối, ...

3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, hải văn (nếu có).

Các đặc điểm được thống kê theo trung bình tháng, mùa, năm bao gồm: về khí tượng (lượng mưa, nhiệt độ, bốc hơi), thủy văn (lượng nước trong các sông, hồ chứa, kênh mương), hải văn – đối với các tỉnh ven biển (gió mùa, bão, dòng hải lưu, thủy triều).

4. Đặc điểm dân sinh

Đặc điểm dân sinh được thống kê bao gồm: tổng dân số, mật độ, phân bố, đối tượng dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình nằm trong vùng có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai, sinh kế chủ yếu và đặc điểm nhà ở. Trong đó nêu bật các nội dung sau:

- Các đối tượng dễ bị tổn thương, hộ nghèo, cận nghèo được phân bố rải rác hay tập trung theo đơn vị hành chính đến cấp xã.

- Số hộ nằm trong vùng có nguy cơ cao ảnh hưởng của các thiên tai điển hình cần phải di dời.

- Phân bố các loại nhà (kiên cố, bán kiên cố, đơn sơ) theo đơn vị hành chính đến cấp xã.

5. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Mô tả hiện trạng các ngành kinh tế chủ yếu bị ảnh hưởng của thiên tai, định hướng phát triển KTXH của địa phương. Ngoài ra nêu sơ bộ về trình độ văn hóa, giáo dục, y tế, đặc điểm dân tộc, tập quán trong vùng.

- Phân bố của các ngành nghề chủ yếu bị tác động bởi thiên tai theo đơn vị hành chính.

- Số lượng các điểm trường theo các cấp học, bệnh viện, trung tâm y tế.

- Lồng ghép nội dung thiên tai trong các chương trình giảng dạy ở các cấp học; số lượng các cán bộ, người dân được tập huấn về PCTT.

6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Bao gồm hệ thống đường giao thông, mạng lưới điện, thông tin, truyền thông, hệ thống công trình tiêu thoát nước, cấp nước sạch, xử lý môi trường, hệ thống trường học, bệnh viện, ... chịu tác động của thiên tai cũng như các thách thức của hệ thống cơ sở hạ tầng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Lưu ý: Nội dung đánh giá chung cho toàn tỉnh, tuy nhiên tùy từng đặc điểm có thể đánh giá chi tiết đến cấp huyện, cấp xã. Địa phương đưa các bản đồ (nếu có) khi mô tả các đặc điểm trên để dễ phân tích, đánh giá.

Chương IV. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

1. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến PCTT

Nêu hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật, cơ chế chính sách về PCTT, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn tỉnh. Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật, các cơ chế, chính sách về PCTT (PCTT) do địa phương cũng như Trung ương ban hành.

2. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và quy chế phối hợp

Tổ chức bộ máy của Ban chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn các cấp. Đặc biệt nêu nguồn nhân lực, năng lực của các cán bộ của cơ quan Thường trực các cấp, đồng thời mô tả sơ bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Văn phòng Thường trực đảm bảo công tác PCTT trước mắt và lâu dài.

Các văn bản liên quan khác như phân công nhiệm vụ, quy chế phối hợp giữa các thành viên, các cơ quan liên quan trong PCTT cũng được đánh giá.

3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

Nêu thực trạng công tác dự báo, cảnh báo sớm tại địa phương thông qua cơ quan dự báo khí tượng thủy văn trong tỉnh/khu vực/trung ương về: mức độ chi tiết, độ chính xác, tính đầy đủ, liên tục, kịp thời, dễ hiểu hay công cụ truyền tin, ...

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống thiên tai

Đánh giá về danh mục, số lượng, chất lượng, địa điểm lưu trữ, cơ quan quản lý, thẩm quyền huy động, ... được sử dụng trong quá trình ứng phó với thiên tai. Đánh giá chung về cơ chế quản lý và sử dụng; khả năng đáp ứng hiện tại (kể cả huy động trong xã hội) và nhu cầu trong tương lai.

5. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Đánh giá chung về năng lực của các cơ quan nòng cốt trong công tác cứu hộ, cứu nạn trong quá trình ứng phó thiên tai; sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, người dân. Nội dung đánh giá bao gồm: nguồn nhân lực, trình độ chuyên môn, các trang thiết bị, phương tiện của lực lượng này (khác với mục III.4 do cơ quan PCTT quản lý và khả năng huy động trong xã hội).

6. Thông tin, truyền thông trong PCTT

Đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin, truyền thông, cảnh báo thiên tai chung và riêng biệt (dùng riêng) tại địa phương. Mô tả khả năng tiếp nhận và truyền đạt thông tin từ Hệ thống PCTT các cấp đến người dân cũng như nhận thông tin từ Trung ương. Đánh giá hiện trạng hệ thống mạng internet, năng lực ứng dụng cũng như quản lý cơ sở dữ liệu PCTT tại địa phương.

7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

Được thể hiện thông qua việc chủ động của người dân trong quá trình PCTT; kết quả thực hiện các nội dung của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng (Đề án 1002).

8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng PCTT

- Hệ thống công trình PCTT (đê điều, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển, hồ chứa tham gia cắt lũ cho hạ du, ...).

- Hệ thống công trình thủy lợi (hồ chứa thủy lợi, công kiểm soát lũ, ngăn mặn, trạm bơm, ...).

- Hệ thống đo đạc, quan trắc.

- Hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai.

- Các khu neo đậu tàu thuyền, tránh trú bão (đối với khu vực ven biển).

- Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình.

- Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn.

- Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng.

- Hệ thống y tế, giáo dục.

- Cơ sở hạ tầng khác kết hợp với PCTT

9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội (KTXH)

Nêu hệ thống văn bản chỉ đạo tại địa phương về nội dung lồng ghép; tình hình thực tế thực hiện lồng ghép trong các chương trình, dự án bao gồm cả thuận lợi và khó khăn.

10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

Nội dung bao gồm: nêu hiện trạng công tác hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai (đánh giá thiệt hại và nhu cầu); thực thi chính sách hỗ trợ để phục hồi; sử dụng nguồn lực hỗ trợ khẩn cấp để sửa chữa (cơ sở hạ tầng, ổn định cuộc sống, sinh kế bền vững), thực hiện các dự án di dời, quy hoạch mới, ... tái thiết “tốt đẹp hơn” so với trước đây.

11. Nguồn lực tài chính

Đánh giá tất cả các nguồn lực tài chính đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua nội dung lồng ghép) vào công tác PCTT bao gồm:

- Nguồn ngân sách thường xuyên

- Nguồn ngân sách đầu tư

- Nguồn ngân sách dự phòng/ xử lý khẩn cấp

- Nguồn ngân sách lồng ghép

- Nguồn vốn ODA, hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế

- Các nguồn khác (Chữ thập đỏ, Phụ nữ, Thanh niên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phi chính phủ, Khối tư nhân, ...).

Chương V. Đánh giá rủi ro thiên tai

1. Phạm vi đánh giá

Vấn đề quan trọng đầu tiên là xác định phạm vi không gian và thời gian đánh giá rủi ro thiên tai. Không gian đánh giá theo địa bàn hành chính của tỉnh và mức độ chi tiết xuống đến cấp xã. Giới hạn về thời gian tác động của BĐKH cũng như xem xét đến các trận thiên tai lịch sử (lớn nhất tính đến thời điểm đánh giá), thiên tai lớn để có tầm nhìn dài hạn về đầu tư các công trình PCTT (thiết kế, quy mô và vị trí xây dựng), phát triển các ngành, không gian sử dụng đất, ... Do đó, thời gian đánh giá trong tương lai do tác động của BĐKH (theo kịch bản mới nhất được công bố từ Bộ Tài nguyên và Môi trường), chuỗi số liệu thu thập về độ lớn của thiên tai và thiệt hại trong quá khứ của các trận thiên tai lịch sử, thiên tai lớn xảy ra trong khu vực đánh giá.

- Số liệu được thu thập, thống kê trong phạm vi từng xã/phường/thị trấn (sau đây gọi chung là xã). Tập hợp số liệu của tất cả các xã sẽ thống kê được số liệu của toàn huyện và các huyện sẽ thống kê cho toàn tỉnh.

- Số liệu đánh giá các đối tượng bị tác động được thu thập trong vòng 5 năm gần đây và từ các trận thiên tai đặc biệt lớn, thiên tai lịch sử.

- Số liệu về loại hình và độ lớn thiên tai thì thu thập thời gian dài hơn để đánh giá các trận thiên tai lớn, thiên tai lịch sử, chu kỳ lặp lại.

2. Phương pháp đánh giá

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể như: nguồn kinh phí, thời gian, mức độ chi tiết của các số liệu thu thập, điều kiện kỹ thuật cũng như năng lực của địa phương mà cơ quan Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp tự đánh giá, lập nhóm đánh giá hoặc hợp đồng với đơn vị tư vấn để đánh giá. Phương pháp đánh giá từ dưới lên trên. Do đó, mức độ chi tiết nội dung đánh giá có thể phân ra làm 2 mức như sau:

- Đánh giá rủi ro thiên tai cơ bản (mức 1): Thông qua hệ thống bảng đánh giá dựa vào các trận thiên tai xảy ra trong quá khứ, tác động đến con người, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, năng lực ứng phó, tình trạng dễ bị tổn thương. Cơ quan Thường trực cấp tỉnh gửi hệ thống bảng biểu thu thập số liệu và hướng dẫn cho cấp huyện, cấp xã phương pháp thu thập.

- Đánh giá rủi ro thiên tai mức 2: chi tiết hơn ở mức 1 thông qua các kịch bản tác động khác nhau của thiên tai lên con người, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng được xác định thông qua các mô hình mô phỏng độ lớn của thiên tai trong quá khứ cũng như dự báo.

Trong hướng dẫn này tập trung vào đánh giá ở mức cơ bản, cấp độ rủi ro thiên tai tại khu vực đánh giá sử dụng số liệu của các trận thiên tai đã xảy ra trong quá khứ. Đánh giá ở mức 2 phải sử dụng mô hình tính toán xem xét các kịch bản về độ lớn của thiên tai đòi hỏi kỹ thuật mô phỏng hiện đại cùng với cơ sở dữ liệu đủ lớn nên chưa phù hợp cho giai đoạn hiện nay. Do đó chỉ hướng dẫn đánh giá dựa trên nguyên tắc cơ bản. Địa phương nào có thể bố trí được nguồn kinh phí hoặc có sự hỗ trợ kinh phí từ bên ngoài

có thể ký hợp đồng với các đơn vị tư vấn sẽ cho kết quả chính xác và chi tiết hơn so với phương pháp đánh giá ở mức 1.

Các bảng thu thập số liệu cũng như các kết quả mô phỏng về thiệt hại, mức độ ảnh hưởng để lập bản đồ rủi ro tương ứng với từng loại hình thiên tai tác động lên từng đối tượng trên bản đồ nền trong hệ thống thông tin địa lý (GIS).

Phương pháp đánh giá ở giai đoạn cơ bản chi tiết đến cấp xã được mô tả theo 5 bước sau (xem Hình 5.1):

+ Bước 1: Đánh giá độ lớn của từng loại hình thiên tai điển hình tại địa phương. Số liệu thu thập các trận thiên tai lịch sử, thiên tai lớn đã xảy ra trong quá khứ. Tùy thuộc vào tình trạng lưu trữ dữ liệu tại địa phương có thể liệt kê nhiều hơn 1 sự kiện của cùng một loại hình thiên tai (ví dụ bão năm 2006, 2008, 2013; lũ năm 1999, 2011, 2017, ...)

+ Bước 2: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của từng đối tượng chịu tác động của từng trận thiên tai liệt kê tại bước 1: con người, nhà ở, một số ngành KTXH chính (nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch, ...), cơ sở hạ tầng chủ yếu (giao thông, xây dựng, điện lực, viễn thông, thủy lợi, PCTT, ...). Mỗi một đối tượng này có thể bị tác động bởi 1 đến nhiều loại hình thiên tai trong cùng một thời điểm (bão kết hợp mưa lớn hay hạn hán kết hợp xâm nhập mặn, ...). Tình trạng dễ bị tổn thương của từng đối tượng được phân tích dựa vào số liệu thiệt hại thu thập được, nguy cơ đối với các đối tượng chịu tác động căn cứ vào số liệu hiện trạng và phân thành 3 mức độ tổn thương: thấp, trung bình và cao.

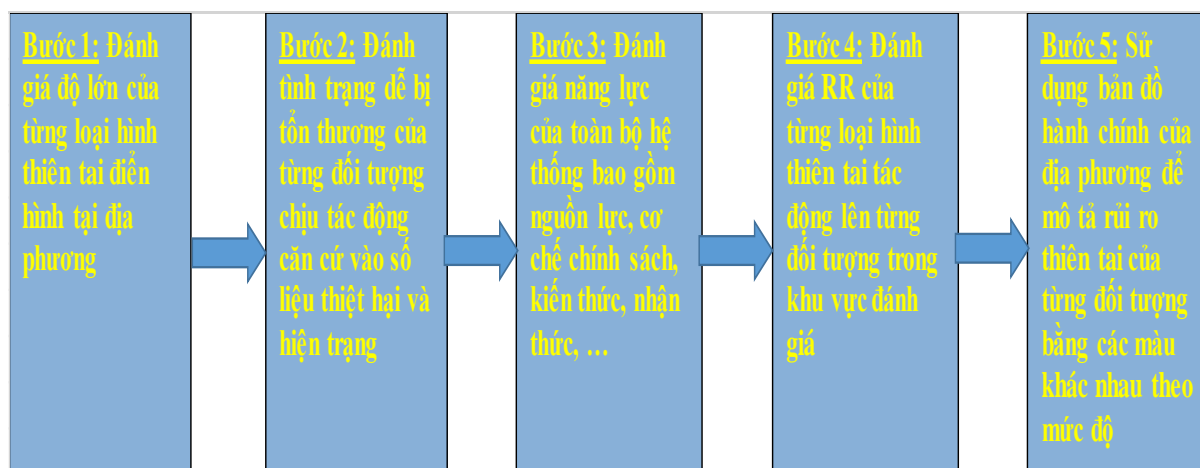
+ Bước 3: Đánh giá năng lực của toàn bộ hệ thống bao gồm nguồn lực (nhân lực, trang thiết bị, máy móc, phương tiện cứu hộ, cứu nạn, truyền thông, tài chính,...), cơ chế chính sách, kiến thức, nhận thức, hệ thống công trình PCTT, nơi tránh trú cộng đồng, các khu neo đậu tàu thuyền, tình trạng nhà ở,... và cũng được đánh giá theo 3 mức độ năng lực: thấp, trung bình và cao.

+ Bước 4: Đánh giá mức độ rủi ro của từng loại hình thiên tai tác động lên từng đối tượng trong khu vực đánh giá được tổng hợp từ 3 Bước trên. Theo Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, cấp độ rủi ro thiên tai được xếp thành 5 mức cho từng loại hình thiên tai (xem Bảng 5.1): mức độ rủi ro nhỏ, trung bình, lớn, rất lớn và thảm họa.

+ Bước 5: Sử dụng bản đồ hành chính của địa phương để mô tả mức độ rủi ro của từng loại hình thiên tai tác động lên từng đối tượng mô tả ở Bước 4 bằng các màu khác nhau (màu xanh dương nhạt: rủi ro nhỏ, màu vàng nhạt: rủi ro trung bình, màu da cam: rủi ro lớn, màu đỏ: rủi ro rất lớn và màu tím: thảm họa).

Bảng 5.1. Các loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

TT	Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro thiên tai				
		1	2	3	4	5
1	Bão, ATNĐ			X	X	X
2	Lốc, sét, mưa đá	X	X			
3	Mưa lớn	X	X	X		
4	Nắng nóng	X	X	X		
5	Hạn hán	X	X	X	X	
6	Rét hại, sương muối	X	X	X		
7	Sương mù	X	X	X		
8	Lũ, ngập lụt	X	X	X	X	X
9	Lũ quét	X	X	X		
10	Sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy	X	X			
11	Xâm nhập mặn	X	X			
12	Nước dâng	X	X	X	X	X
13	Gió mạnh trên biển	X	X	X		
14	Động đất	X	X	X	X	X
15	Sóng thần			X		X

**Hình 5.1.** Các Bước đánh giá rủi ro thiên tai

3. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá theo 5 Bước được mô tả ở Hình 5.1.

3.1. Đánh giá độ lớn của thiên tai (Bước 1)

Địa phương liệt kê các loại hình thiên tai điển hình: thường xuyên xuất hiện và có cường độ, mức độ, phạm vi tác động lớn trong khu vực đánh giá. Độ lớn của thiên tai xảy ra trong khu vực đánh giá dựa vào các số liệu quan trắc có liên quan đến thiên tai xảy ra trong quá khứ (Phụ lục, Bảng 1a). Ngoài ra, nguy cơ về độ lớn của từng loại hình thiên tai có thể xảy ra được đánh giá dựa vào các Quyết định công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Quyết định có liên quan khác do cơ quan KTTV tỉnh, vùng hay UBND tỉnh ban hành.

Bảng 5.2. Phân vùng thiên tai điển hình

STT	Vùng	Các loại hình thiên tai điển hình
1	Miền núi phía Bắc	Lũ quét, sạt lở đất, rét hại, băng tuyết, sương muối, mưa lớn, lốc xoáy, mưa đá
2	Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ	Lũ, bão, ATNĐ, mưa lớn, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, rét hại, nắng nóng, lũ quét, sạt lở đất, xói lở bờ sông, bờ biển
3	Duyên hải miền Trung	Lũ, ngập lụt, bão, ATNĐ, nước dâng, hạn hán, nắng nóng, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển, mưa lớn
4	Tây nguyên, Nam Trung bộ và miền Đông Nam bộ	Nắng nóng, hạn hán, lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, mưa đá, dông, lốc, sét
5	Đồng bằng sông Cửu Long	ATNĐ, bão, lũ, ngập lụt, triều cường, nước dâng do bão, hạn hán, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển, dông, lốc, sét
6	Các đô thị lớn	Ngập úng do mưa, lũ, triều cường, bão, dông lốc
7	Vùng biển và hải đảo	ATNĐ, bão, sóng to, gió lớn, nước dâng

Các tỉnh có thể tham khảo các loại hình thiên tai điển hình theo vùng (Bảng 4.2) để đánh giá độ lớn của thiên tai. Đối với các loại hình thiên tai khác không phải là điển hình tại địa phương nhưng vẫn được liệt kê đầy đủ trong kế hoạch để có giải pháp phòng chống chủ động.

Đài khí tượng thủy văn (KTTV) vùng hoặc Trung tâm KTTV tỉnh căn cứ vào các số liệu đo đạc thực tế, kết quả tính toán để hỗ trợ các địa phương xác định nội dung này. Kết quả đánh giá chi tiết được đưa vào cột số 3, 4, 5 và 6 trong Bảng 1a phần Phụ lục.

3.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương (Bước 2)

Mức độ tổn thương của mỗi đối tượng được đánh giá tương ứng với các cấp độ khác nhau của từng loại hình thiên tai được phân ra làm 3 mức: tình trạng dễ bị tổn

thương thấp, trung bình và cao. Tình trạng dễ bị tổn thương phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh tại khu vực đánh giá như: vị trí, cơ sở vật chất, tổ chức xã hội, nhận thức, ... được chia làm 3 nhóm tiêu chí: 1) tính tiếp xúc (exposure), 2) tính nhạy cảm (susceptibility) và 3) tính thích nghi (resilience). Cụ thể các nội dung đánh giá trong bước 2 bao gồm:

- Các số liệu thiệt hại trong các trận thiên tai lớn
- Tần suất lặp lại của các trận thiên tai lớn
- Vị trí địa lý, địa chất, địa hình
- Tập quán, thói quen, văn hóa
- Đối tượng dễ bị tổn thương
- Sử dụng đất: khu hành chính, công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, nông thôn, khu vực tái định cư, ...
- Tình hình dân sinh, kinh tế: nhà cửa không an toàn trước thiên tai (cũ, không đủ tiêu chuẩn an toàn, vùng có nguy cơ rủi ro), hộ nghèo.
- Cơ sở hạ tầng giao thông, cấp, tiêu thoát nước, môi trường vệ sinh, bệnh viện, trường học, hệ thống điện, thông tin, truyền thông.

Trong tài liệu hướng dẫn này chỉ tập trung đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của 3 nhóm chịu tác động chính: con người, nhà ở; một số ngành kinh tế - xã hội chủ yếu; và công trình hạ tầng thiết yếu.

Các số liệu cần thiết để đánh giá các đối tượng bị ảnh hưởng trong các nhóm chịu tác động nêu ở trên được thu thập trong các Bảng 1, 2a, 2b và 2c. Trong đó:

- Các thông tin thu thập từ các số liệu thống kê tại địa phương. Thông thường các dữ liệu này được lưu trữ và cập nhật hàng năm.
- Các thông tin thống kê thiệt hại từ các trận thiên tai lớn trong quá khứ. Các số liệu về thiệt hại của các trận thiên tai điển hình và khu vực ảnh hưởng (có thể nhiều hơn 1 sự kiện cho cùng 1 loại hình thiên tai) được thu thập.
- Từ các số liệu hiện trạng và thiệt hại trong quá khứ có thể đánh giá cho từng khu vực đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của từng loại hình thiên tai theo 1 trong 3 mức độ: dễ bị tổn thương thấp, trung bình và cao.

3.3. Đánh giá năng lực (Bước 3)

Đánh giá năng lực PCTT bao gồm đầy đủ các khía cạnh sau: năng lực ban hành và thực thi các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách liên quan tại địa phương; năng lực dự báo; lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư; năng lực và nhận thức của cán bộ làm công tác PCTT và người dân; năng lực công trình PCTT tại địa phương; và nguồn lực tài chính. Các số liệu thu thập để đánh giá các năng lực này được trình bày trong Bảng 2a phần Phụ lục.

Tương tự như đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, đánh giá năng lực cũng ở 3 mức độ: thấp, trung bình và cao. Nội dung đánh giá áp dụng cho năng lực của từng đối

tượng hoặc nhóm đối tượng được đánh giá ứng phó với từng loại hình thiên tai khác nhau được tổng hợp trong Bảng 3 phần Phụ lục. Ví dụ đối với bão:

- Rà soát lại hệ thống văn bản liên quan đến phòng chống bão tại khu vực đánh giá như: Thành lập và phân công nhiệm vụ Ban chỉ huy PCTT và TKCN; phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai; phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão; các chính sách về hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai; bảo hiểm PCTT.

- Năng lực dự báo, truyền tin, cảnh báo đối với người dân và năng lực cứu hộ, cứu nạn tại địa phương ứng phó với bão.

- Năng lực phòng chống bão thông qua kinh nghiệm, kiến thức bản địa của người dân ở các vùng thường xuyên xảy ra bão sẽ tốt hơn các vùng khác; số cán bộ và người dân được đào tạo, tập huấn để nâng cao nhận thức và kiến thức thông qua kết quả của Đề án 1002; các hoạt động truyền thông, cổ động, tờ rơi, ... ; đưa nội dung PCTT vào các cấp học; sự tham gia của các cơ quan, tổ chức xã hội, cá nhân tại địa phương.

- Năng lực của các công trình PCTT tại địa phương. Các công trình liên quan đến phòng chống bão như: nơi tránh trú an toàn, trạm bơm tưới, tiêu, ...

- Ngoài ra, nguồn lực tài chính bố trí để duy tu, bảo dưỡng các công trình PCTT tại địa phương. Tuy nhiên số liệu này không thu thập được tại cấp xã do đó sẽ được tập hợp ở cấp tỉnh. Ngoài ra nguồn lực còn được tính đến cả bố trí hàng năm cho nội dung lồng ghép PCTT vào từng lĩnh vực thông qua nguồn vốn sự nghiệp và nguồn vốn đầu tư.

3.4. Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Bước 4)

Đánh giá mức độ rủi ro cho từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng bị ảnh hưởng tương ứng với từng loại hình thiên tai tại địa phương như đã phân tích ở trên, phụ thuộc vào tình trạng dễ bị tổn thương (Bước 3) và năng lực ứng phó (Bước 4). Cấp độ rủi ro thiên tai càng lớn nếu tình trạng dễ bị tổn thương càng lớn trong trường hợp năng lực hạn chế và có thể giảm bớt được cấp độ rủi ro thiên tai ở những khu vực dễ bị tổn thương này bằng cách tăng cường năng lực. Do đó cấp độ rủi ro thiên tai tỉ lệ thuận với tình trạng dễ bị tổn thương và tỉ lệ nghịch với năng lực. Cấp độ rủi ro thiên tai được đánh giá ở 5 mức: nhỏ, trung bình, lớn, rất lớn và thảm họa. Tình trạng dễ bị tổn thương ở 3 cấp độ: thấp, trung bình và cao được gán bởi dấu “-” (dấu âm) tương ứng với giá trị -1, -2 và -3. Trái lại năng lực cũng ở 3 cấp độ: thấp, trung bình và cao nhưng được gán bởi dấu dương (+), tương ứng với +1, +2 và +3 (xem Bảng 4 phần Phụ lục). Tổng hợp lại theo Bảng 4 sẽ có 5 trường hợp xảy ra là -2, -1, 0, +1 và +2 và tương ứng với cấp độ rủi ro là thảm họa, rất lớn, lớn, trung bình và nhỏ.

Mỗi một đối tượng hoặc nhóm đối tượng được đánh giá sẽ có 1 Bảng tương tự như Bảng 5 cho từng loại hình thiên tai. Địa phương có thể phân chi tiết đến từng cấp độ cho từng đối tượng đánh giá nếu có đủ các số liệu đánh giá chi tiết.

Sau khi có số liệu thu thập được từ các xã gửi về các Huyện và gửi về Tỉnh để tổng hợp, đánh giá tại từng cấp thông qua hệ thống Bảng đã phân tích ở trên, Ngoài ra cơ

quan Thường trực cấp tỉnh tiến hành đồng thời gửi các bảng biểu thu thập tới các ngành để thu thập bổ sung thông tin. Thiết kế bảng ở các ngành được hướng dẫn tương tự như Bảng 2a và 2b phần Phụ lục. Đối với địa phương nào không thể thu thập số liệu tại cấp xã thì việc phân tích, đánh giá sẽ tiến hành ở cấp huyện và kết quả đánh giá chỉ ở mức độ chi tiết tại cấp huyện.

3.5. Xác định rủi ro thiên tai trên bản đồ (Bước 5)

Tại Bước 4 đã xác định được 5 cấp độ rủi ro thiên tai cho 1 hoặc nhóm các đối tượng chi tiết đến cấp xã. Bây giờ có thể mô tả các cấp độ rủi ro này trên bản đồ hành chính của địa phương bằng các màu khác nhau theo bảng màu quy định (theo Quyết định 44/2014/QĐ-TTg).

Mỗi một loại hình thiên tai tương ứng với 1 hoặc nhóm đối tượng bị ảnh hưởng có 1 bản đồ được thể hiện trên bản đồ nền tại địa phương. Toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu thu thập dưới dạng bảng ở trên được thu thập bằng file Excel và cán bộ kỹ thuật của tỉnh sử dụng bản đồ nền (tỉ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000). Ngoài ra, hệ thống thông tin địa lý GIS có thể được sử dụng để lập các bản đồ rủi ro thiên tai tại địa phương mình chi tiết đến cấp xã căn cứ vào các số liệu mô tả trong bảng Excel.

Toàn bộ nội dung đánh giá rủi ro thiên tai được thực hiện và đưa ra sản phẩm cuối cùng là báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh có mức độ chi tiết đến cấp xã làm căn cứ để đề xuất giải pháp và lồng ghép tại các ngành sẽ được trình bày ở phần sau.

Chương VI. Các biện pháp phòng chống thiên tai

Sau khi xác định được rủi ro đối với từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng (con người, dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng) theo 5 cấp độ khác nhau trên địa bàn tỉnh chi tiết đến cấp xã, tiến hành hướng dẫn xác định nội dung và biện pháp PCTT theo cấp độ rủi ro đó. Nội dung Chương này bao gồm:

- i. Hướng dẫn xác định các biện pháp:
 - + Các biện pháp chung
 - + Các biện pháp cụ thể
- ii. Hướng dẫn xác định các biện pháp phi công trình:
 - + Giai đoạn phòng ngừa, giảm thiểu:
 - + Giai đoạn ứng phó
 - + Giai đoạn khắc phục hậu quả, tái thiết
- iii. Hướng dẫn xác định các biện pháp công trình:
 - + Giai đoạn phòng ngừa, giảm thiểu:
 - + Giai đoạn ứng phó
 - + Giai đoạn khắc phục hậu quả, tái thiết
- iv. Trách nhiệm của các ngành liên quan.

v. Hướng dẫn các biện pháp có tính liên vùng liên quan đến công tác PCTT trên địa bàn tỉnh

1. Xác định các biện pháp

1.1. Biện pháp chung

Mục tiêu của kế hoạch là đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại về người, sinh kế, nhà ở, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra. Dựa vào phương pháp phân tích nguyên nhân – hậu quả (causes and effects), từ phân tích rủi ro của từng loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh tác động đến các đối tượng, nhóm đối tượng (Chương IV) để phân tích, đánh giá đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro, chú ý đến khu vực nguy hiểm và đối tượng dễ bị tổn thương. Dựa vào phương pháp này, tiến hành lập Bảng để đưa ra các biện pháp chung và biện pháp cụ thể cho cả 3 nhóm đối tượng bị ảnh hưởng: con người, phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng. Tại Bảng 6a phân tích và đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn về người ứng với từng loại hình thiên tai khác nhau. Tương tự cho nhóm ngành phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng ở Bảng 6b và 6c. Phần phân tích các biện pháp chung và biện pháp cụ thể ở cột số 4 và cột số 5 trong các Bảng từ 6a đến 6c sẽ được phân tích kỹ ở phần sau.

Tại cột 4 của các Bảng 6a có 13 nhóm biện pháp chung nhằm đảm bảo an toàn cho người, 13 nhóm biện pháp chung đảm bảo an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội (Bảng 6b) và 12 nhóm biện pháp chung đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng (Bảng 6c). Tuy nhiên có nhiều nhóm biện pháp chung ở các đối tượng tác động này trùng nhau.

Dựa vào kết quả phân tích đánh giá rủi ro thiên tai từ Chương IV có các nguyên nhân chủ yếu có thể gây thương vong cho người do tác động trực tiếp hoặc gián tiếp:

- Ở những nơi không an toàn hay nhà ở không có khả năng PCTT;
- Hoạt động sinh kế không đủ đảm bảo an toàn và vì mục tiêu kinh tế;
- Đi lại, tham gia các hoạt động ở những vùng không an toàn;
- Không đủ điều kiện kinh tế để trang bị nhu cầu thiết yếu PCTT (chống nóng, chống rét, ...).

Đối với thiệt hại tới các ngành kinh tế thì chủ yếu ảnh hưởng của hầu hết các loại hình thiên tai, do đó bỏ cột về loại hình thiên tai gây ra và ghi vào cột nguyên nhân – hậu quả (cột số 3) trong các Bảng 6b. Tùy thuộc vào độ lớn của thiên tai, thời gian xuất hiện mà mức độ thiệt hại khác nhau đối với từng ngành. Tuy nhiên ngành nông nghiệp được xếp vào hàng cao nhất, ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực trong khi các ngành khác chỉ ảnh hưởng đến một vài lĩnh vực (xem Cột 2 và 3 của Bảng 6b). Đánh giá về nguyên nhân chủ yếu tác động từ bên ngoài là độ lớn thiên tai, thời gian xuất hiện và khu vực xuất hiện do đó các biện pháp chủ yếu là các giải pháp chung để phòng ngừa và giảm thiểu thiệt hại còn các giải pháp cụ thể sẽ được hướng dẫn trong phần sau.

Số loại hình thiên tai tác động lên cơ sở hạ tầng ít hơn so với về kinh tế, tuy nhiên giá trị thiệt hại của cơ sở hạ tầng thường lớn hơn rất nhiều. Các ngành, lĩnh vực bị thiệt

hại chủ yếu là giao thông, xây dựng, thủy lợi, PCTT, hệ thống điện, viễn thông. Các loại hình thiên tai gây ra chủ yếu là lũ lụt, bão, lốc, sét, sạt lở đất. Biện pháp cho từng loại công trình cơ sở hạ tầng này lại rất khác nhau (Bảng 6c).

Dưới đây hướng dẫn các biện pháp chung ứng phó với nhiều loại hình thiên tai được chia làm 2 giải pháp phi công trình và công trình.

Các biện pháp được liệt kê và phân tích ở phía dưới chỉ mang tính hướng dẫn để các địa phương tham khảo. Các địa phương liệt kê đầy đủ các thông tin để có thể bổ sung hoặc bỏ đi cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Các giải pháp có thể được bổ sung thêm bằng cách tham khảo trong các quy hoạch, kế hoạch có liên quan được ban hành tại địa phương hoặc cơ quan trung ương.

a. Biện pháp phi công trình

Các giải pháp chung của biện pháp phi công trình được phân tích trong 6 nhóm vấn đề chính (Bảng 7). Các mục tiêu cùng với nội dung mong đợi của từng nhóm vấn đề được đưa vào trong các cột 2 và 3 tương ứng. Cơ quan phê duyệt, đơn vị nào chủ trì, đơn vị nào phối hợp được đưa vào từ cột số 4 đến cột số 6. Cột thời gian và nguồn vốn hàng năm trong kế hoạch lập 5 năm (số 7).

a1. Giai đoạn phòng ngừa, giảm thiểu: Bao gồm các giải pháp chung như sau:

- Rà soát, bổ sung và ban hành các văn bản về PCTT theo thẩm quyền.
- Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai và theo dõi, giám sát thiên tai.
- Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, có kế hoạch di dời dân cư vùng có rủi ro thiên tai cao.
- Tăng cường công tác thông tin truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai đối với các cấp, các ngành và cộng đồng.
- Tăng cường mạng lưới thông tin, trang thiết bị phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai.
- Xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể.
- Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.
- Tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; tổ chức dự báo, cảnh báo thiên tai.
- Tổ chức và tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.
- Xác định nội dung phòng, chống thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, cần thiết rà soát để đưa ra các giải pháp trong các kế hoạch có liên quan:

- Kế hoạch Ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Kế hoạch Tìm kiếm cứu nạn;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất;

- Rà soát, bổ sung quy hoạch cơ sở hạ tầng một số ngành nằm trong khu vực ảnh hưởng của thiên tai;
- Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch thủy lợi;
- Quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển;
- Sử dụng quỹ PCTT trong giai đoạn phòng ngừa;
- Thực hiện Đề án 1002 để nâng cao năng lực cán bộ làm công tác PCTT, cộng đồng;
- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của tỉnh;
- Trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển;
- Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn

a2. Giai đoạn ứng phó:

Xây dựng kịch bản cho cấp độ rủi ro thiên tai: Theo điều 18 của Luật PCTT và được chi tiết tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai được xác định bởi các yếu tố sau:

- Cường độ hoặc mức độ nguy hiểm của thiên tai;
- Phạm vi ảnh hưởng;
- Khả năng gây ra thiệt hại đến tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng và môi trường.

Việc xác định cấp độ RRTT thuộc trách nhiệm của cơ quan dự báo (Bộ TNMT). Tuy nhiên cơ quan quản lý Nhà nước về PCTT có trách nhiệm xây dựng phương án ứng phó theo cấp độ RRTT theo Điều 15 của Luật PCTT. Vì vậy, trong kế hoạch PCTT phải xây dựng kịch bản theo cấp độ RRTT để chủ động ứng phó khi tình huống xảy ra. Nội dung xây dựng kịch bản cần giả định về cường độ của thiên tai, đánh giá khả năng rủi ro về thiệt hại do thiên tai gây ra để từ đó chuẩn bị phương án ứng phó cho phù hợp và chủ động.

Nội dung phương án ứng phó thiên tai:

- Phương án bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm;
- Phương án sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;
- Phương án sơ tán dân, bảo vệ người cần đặc biệt chú ý đối tượng dễ bị tổn thương và nhóm phụ nữ nghèo, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, đơn thân, mắc bệnh hiểm nghèo; phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số,...
- Phương án bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng cơ chế điều phối, phối hợp, phân công trách nhiệm chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;

Ngoài ra, cần xác định, lập danh mục và có kế hoạch sử dụng vật tư dự trữ, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm.

Các giải pháp ứng phó cần rà soát:

- Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;
- Quyết định phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;
- Sử dụng quỹ PCTT trong giai đoạn ứng phó;
- Tăng cường nguồn lực cán bộ chuyên trách làm công tác PCTT;
- Đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng BCH PCTT và TKCN các cấp, các ngành;
- Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng tìm kiếm, cứu nạn;
- Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT và TKCN;
- Cơ chế phối hợp giữa cơ quan Ban chỉ huy với các Tổ chức chính trị, xã hội;
- Phương án ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai;
- Lập, rà soát bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai.

a3. Giai đoạn khắc phục hậu quả, tái thiết:

Có thể được phân ra 3 giai đoạn:

- Giai đoạn khắc phục khẩn cấp;
- Giai đoạn khắc phục trung hạn;
- Giai đoạn tái thiết (khắc phục dài hạn).

Các giai đoạn khắc phục hậu quả đã được đề cập chi tiết trong Luật PCTT, riêng giai đoạn khắc phục trung hạn, dài hạn cần lưu ý:

- Cần lập kế hoạch chi tiết cho các giai đoạn;
- Cần lồng ghép nội dung PCTT vào từng giai đoạn khắc phục hậu quả (trung, dài hạn);
- Thực hiện theo nguyên tắc xây dựng lại tốt hơn (khắc phục nhanh, kiên cố hơn, toàn diện hơn).

- Trong trường hợp xảy ra thiên tai lớn, thiên tai cực đoan, thiên tai vượt mức lịch sử cần điều chỉnh các nội dung PCTT để bổ sung trong quá trình phục hồi, tái thiết, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH.

Lưu ý một số điểm như sau:

- Rà soát lại hệ thống chính sách về khắc phục hậu quả thiên tai và thực thi;
- Căn cứ vào đánh giá nhu cầu (need assessment) của địa phương để có giải pháp hỗ trợ;
- Huy động và sử dụng hợp lý nguồn lực cứu trợ thiên tai;
- Từng bước xây dựng bảo hiểm RRTT;
- Sử dụng quỹ PCTT trong giai đoạn phục hồi, tái thiết;
- Chính sách hỗ trợ phục hồi sau thiên tai (xây dựng nhà PCTT, ...);
- Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai;
- Chính sách hỗ trợ di dời, sắp xếp bố trí lại dân cư;

- Chính sách bảo hiểm rủi ro thiên tai.

b. Biện pháp công trình

Đồng thời ngoài 6 giải pháp chung cho biện pháp phi công trình ở trên, dưới đây hướng dẫn các giải pháp công trình được đề xuất trong kế hoạch đề PCTT hoặc kết hợp PCTT. Các địa phương căn cứ vào điều kiện cụ thể để lựa chọn, đề xuất, tuy nhiên về cơ bản vẫn phải căn cứ vào hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai tại Chương IV để đưa ra các biện pháp phù hợp. Các biện pháp triển khai không tốn kém nhưng mang lại hiệu quả thì phát huy và nhân rộng áp dụng ra các vùng khác trong địa bàn tỉnh. Trong Bảng 8 hướng dẫn các biện pháp công trình chung phòng chống nhiều loại hình thiên tai bao gồm mục tiêu, các kết quả mong đợi của biện pháp tương ứng với cột số 2 và số 3, cơ quan phê duyệt đồng thời đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp được đưa vào từ cột số 4 đến cột số 6. Cột thời gian và nguồn vốn hàng năm trong kế hoạch lập 5 năm (số 7). Biện pháp công trình được đề xuất trong kế hoạch phải đảm bảo:

- Căn cứ vào hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai để đề xuất;
- Tham khảo danh mục dự án đã được đề xuất trong các kế hoạch, quy hoạch có liên quan trước đó;
- Phải đảm bảo an toàn công trình trước thiên tai;
- Có mục tiêu PCTT hoặc kết hợp PCTT;
- Không làm gia tăng, trầm trọng hơn mức độ thiên tai.

b1. Giai đoạn phòng ngừa, giảm thiểu:

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hồ chứa thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè;
- Hệ thống trạm bơm, kênh, cống;
- Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt có tính đến yếu tố PCTT;
- Chương trình chống ngập cho thành phố, đô thị, khu tập trung dân cư, khu công nghiệp, kinh tế, chính trị

b2. Giai đoạn ứng phó:

- Hệ thống cảnh báo;
- Nâng cấp trụ sở, cơ quan, các công trình công cộng xây dựng đảm bảo an toàn trước thiên tai và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn;
- Xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông kết hợp PCTT;
- Xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú thiên tai;
- Lắp đặt bổ sung các công trình đo đạc KTTV, giám sát và cảnh báo thiên tai – hệ thống dùng riêng trên địa bàn tỉnh

b3. Giai đoạn khắc phục hậu quả, tái thiết:

- Chương trình tái định cư, sắp xếp lại nơi ở mới;
- Xây dựng, nâng cấp nhà ở PCTT cho các hộ nghèo

1.2. Biện pháp cụ thể cho từng loại hình thiên tai

Biện pháp cụ thể ngoài các biện pháp chung đã đề cập ở trên cho các loại hình thiên tai và áp dụng chung cho các đối tượng bị ảnh hưởng. Các biện pháp phi công trình và công trình trong phần này ứng phó với từng loại hình thiên tai. Các biện pháp cụ thể ứng với từng loại hình thiên tai được lấy từ cột 5 trong các Bảng 6a, 6b và 6c và được phân tích, hướng dẫn chi tiết hơn.

• ***Đối với lũ, ngập lụt, nước dâng***

- Biện pháp phi công trình

+ Rà soát, vận hành hồ chứa xả lũ theo quy trình đảm bảo an toàn cho hạ du và công trình hồ: các hồ chứa khi hoạt động phải có quy trình vận hành được các cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt. Ban chỉ huy PCTT và TKCN chỉ đạo các đơn vị chủ hồ vận hành đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du với sự tham mưu của các Sở, đơn vị chuyên môn như: Sở NN & PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài KTTV tỉnh, cơ quan cứu hộ, cứu nạn.

+ Xây dựng bản đồ rủi ro lũ lụt hạ du các hồ chứa, vùng trũng, vùng ven sông, ven biển ứng với các kịch bản lũ lụt khác nhau: sử dụng các bản đồ bàn giao từ các Bộ liên quan, các dự án thực hiện trên địa bàn, ngoài ra còn xây dựng theo các nhu cầu riêng của tỉnh nhằm xác định các khu vực rủi ro, mức độ rủi ro ứng với các kịch bản của lũ, mưa lớn, bão, triều cường.

+ Tăng cường cảnh báo cho khu vực nguy hiểm: Cùng với các thông tin được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện truyền thông từ phía Trung ương theo quy định (Theo Quyết định 44/2014/QĐ-TTg về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai), các tỉnh sử dụng hệ thống truyền thông trên địa bàn để thông tin chi tiết hơn đến người dân.

+ Đối với khu vực dân cư tập trung tăng cường khả năng tiêu thoát của hệ thống thoát nước bằng cách nâng tần suất tính toán mưa tiêu thiết kế; tính toán năng lực tiêu của hệ thống tiêu hiện tại khi mở rộng thành phố hay giảm diện tích hồ điều hòa, san lấp các khu vực ngập nước, ...

+ Quản lý khôi phục rừng đầu nguồn, các hồ chứa thượng nguồn không làm mất cân bằng bùn cát trong quá trình thi công và vận hành.

- Biện pháp công trình:

Ngoài các biện pháp công trình được chỉ ra trong biện pháp chung Bảng 10 còn thêm các hạng mục chi tiết sau:

+ Bố trí các khu vực phân lũ, chậm lũ, chủ động làm giảm cường độ lũ xuống hạ du.

+ Nâng cao cốt nền xây dựng: dựa vào trận lũ lịch sử đã xảy ra trong khu vực để tính toán chiều cao của cốt nền xây dựng.

+ Khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ: tham khảo phương án trong quy hoạch phòng chống lũ để xác định sông nào, đoạn nào sẽ phải nạo vét để tăng mặt cắt thoát lũ, giảm thiểu ngập lụt.

+ Làm các công trình cầu quy mô nhỏ, cầu tạm để qua các suối, khu vực ngập sâu, thay thế các tràn, ...

+ Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hồ chứa (KTTV, công trình đập, thủy công, hạ lưu đập, tràn, ...)

• Đối với bão

- Biện pháp phi công trình

+ Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro bão và ngập lụt do bão lớn, siêu bão gây ra để có các phương án ứng phó kịp thời.

+ Tăng cường khả năng dự báo sớm để ngư dân có thời gian chuẩn bị ứng phó, đặc biệt dự báo bão khi vào gần bờ, trên đất liền.

- Biện pháp công trình

+ Xây dựng nhà ở an toàn chống gió lớn, gió giật.

+ Xây dựng các nhà tránh trú cộng đồng an toàn

+ Rà soát, bổ sung các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão

• Đối với sạt lở đất, lũ quét

- Biện pháp phi công trình

+ Sử dụng các kết quả bản đồ đánh giá rủi ro để xác định các vị trí có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất

+ Tăng cường công tác dự báo mưa: bổ sung các trạm đo mưa, tăng độ chính xác của bản tin dự báo mưa; sử dụng các công nghệ tiên tiến cảnh báo sớm

+ Công tác thông tin, truyền, cảnh báo sớm đến người dân; tổ chức cấm các biển hiệu cảnh báo khu vực nguy hiểm

+ Tiến hành quy hoạch sử dụng đất để phục vụ công tác di dời, trồng rừng, phát triển nông nghiệp, sắp xếp bố trí dân cư an toàn gắn với sinh kế bền vững

+ Tăng cường nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân để phòng tránh, giảm thiểu.

- Biện pháp công trình

+ Đối với các khu có mật độ dân cư cao, các công trình lịch sử, hạ tầng cơ sở quan trọng có thể được bảo vệ bằng hệ thống tường bao kết hợp các rãnh thoát nước

+ Lắp đặt các hệ thống cảnh báo, đo đạc, ống thu nước ngầm tại các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất

Các biện pháp trên cần được kết hợp. Tùy thuộc vào trường hợp cụ thể của từng địa phương và nguồn kinh phí được bố trí để lựa chọn phù hợp.

• Đối với Hạn hán, xâm nhập mặn

- Biện pháp phi công trình

+ Tăng cường công tác dự báo dài hạn để có các phương án phòng tránh: có biện pháp an toàn cho người và gia súc; chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

+ Công tác thông tin, truyền thông xuống cộng đồng để người dân chuẩn bị trữ nước sinh hoạt.

- Biện pháp công trình

+ Các biện pháp dự trữ nước ngọt: xây dựng bể trữ, giếng, ..hoặc phương án khai thác nguồn nước khác như xây dựng đập tạm, nạo vét hệ thống kênh mương để giữ nước.

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi cấp, giữ ngọt, các công ngăn triều, xâm nhập mặn.

+ Xây dựng hệ thống tưới tự động, tưới tiết kiệm nước

• Đối với lốc, sét, mưa đá

- Biện pháp phi công trình

+ Hướng dẫn người dân tăng cường nhận thức, kiến thức để phòng tránh, để lựa chọn mô hình, vật liệu nhà an toàn.

- Biện pháp công trình

+ Hệ thống quan trắc, cảnh báo

+ Hệ thống thu sét

• Đối với các loại hình thiên tai chung

Phần trên hướng dẫn đề xuất các giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu cho một loại hình thiên tai cụ thể và tác động chung đối với tất cả các đối tượng. Tuy nhiên một số đối tượng thì bị ảnh hưởng bởi hầu hết các loại hình thiên tai nên gộp lại và hướng dẫn chung như sau:

- Đối với Nông nghiệp:

+ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: thay đổi loại cây trồng phù hợp để giảm thiểu thiệt hại hoặc không canh tác trong thời gian hoặc khu vực có khả năng bị tác động bởi thiên tai.

+ Nghiên cứu loại cây chống chịu với thiên tai: nghiên cứu loại cây trồng có khả năng chịu ngập nước dài, hạn hán, rét hại, chịu mặn cao, ...

+ Các biện pháp kỹ thuật khác: quy hoạch nhà kính, nhà lưới, ...áp dụng các biện pháp nông nghiệp xanh, sạch để giảm thiểu thiệt hại.

- Đối với cây Công nghiệp:

+ Lựa chọn loại cây phù hợp với đặc thù thiên tai từng vùng miền;

+ Triển khai các biện pháp tưới tiết kiệm nước.

Tương tự đối với từng đối tượng trong nhóm con người, dân sinh, KTXH và CSHT được liệt kê chi tiết trong cột 5 của các Bảng 8a, 8b và 8c.

2. Trách nhiệm của các Sở, ngành trong biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu

2.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Cây lương thực và rau, quả:

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình thiên tai trong vùng (thay đổi thời gian mùa vụ căn cứ vào tình hình dự báo dài hạn; chuyển đổi loại cây trồng có khả năng chống chịu với thiên tai).

- Các biện pháp kỹ thuật khác: quy hoạch nhà kính, nhà lưới, ... phát triển nông nghiệp xanh, sạch.

Cây công nghiệp:

- Lựa chọn loại cây phù hợp với đặc thù thiên tai từng vùng miền

- Triển khai các biện pháp tưới tiết kiệm nước.

Lâm nghiệp:

- Tăng cường nguồn lực 4 tại chỗ trong xử lý cháy rừng khi thiên tai hạn hán, nắng nóng

- Cơ chế chính sách phát triển và bảo vệ rừng

- Xây dựng bản đồ rủi ro do nắng nóng và hạn hán phòng chống cháy rừng.

Chăn nuôi:

- Các biện pháp đảm bảo an toàn cho gia súc, gia cầm khi có thiên tai

Thủy sản:

- Lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, và thông tin quản lý tàu cá

- Tổ chức thành các tổ đội hỗ trợ trên biển

- Kiểm tra, giám sát các điều kiện an toàn PCTT khi khai thác, nuôi trồng thủy sản

- Quy hoạch, phát triển khu nuôi trồng tập trung đảm bảo an toàn trước thiên tai

- Thu hoạch sớm khi nhận được thông tin cảnh báo của thiên tai.

Làng nghề:

- Tổ chức thành các hợp tác xã để chia sẻ thông tin về thiên tai

- Biện pháp đảm bảo an toàn các sản phẩm khi có thiên tai

- Phát triển hệ thống cung cấp nguyên liệu và thu mua sản phẩm đảm bảo kinh doanh liên tục.

Phòng chống thiên tai, thủy lợi:**Hồ chứa:**

- Quản lý, vận hành hồ chứa theo quy trình đã được các cơ quan chức năng ban hành;

- Lên các phương án xử lý sự cố công trình do thiên tai gây ra;

- Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hồ chứa (KTTV, công trình đập, thủy công, hạ lưu đập, tràn, ...);

- Lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm, phát thông báo, cảnh báo tới hạ du khi hồ chứa xả lũ;

- Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du ứng với các kịch bản xả lũ và vỡ đập.

Đê điều:

- Lên các phương án xử lý sự cố công trình do thiên tai gây ra ứng với các cấp báo động khác nhau;
- Biện pháp xử lý giờ đầu huy động nguồn lực 4 tại chỗ;
- Vận hành công trình công dưới đê đảm bảo an toàn;
- Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hệ thống đê điều (quan sát, thiết bị giám sát, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái);
- Quản lý đê dựa vào cộng đồng;
- Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến xử lý các sự cố công trình do thiên tai gây ra kết hợp với kiến thức bản địa, vật liệu địa phương, chi phí thấp;
- Trồng cây chắn sóng, chống xói lở.

Trạm bơm:

- Đảm bảo vận hành an toàn công trình trạm bơm theo quy trình khi có thiên tai;
- Kiểm tra hệ thống kênh dẫn, bể hút, công trình xả, máy bơm, hệ thống điện đủ đảm bảo điều kiện an toàn công trình trong quá trình PCTT;
- Lên các phương án xử lý an toàn khi có sự cố công trình.

Kênh mương, cống:

- Khơi thông dòng chảy để tiêu úng hoặc dự trữ nước chống hạn;
- Kiểm tra xói lở, thấm, các sự cố khác trong quá trình vận hành;
- Quản lý vận hành theo quy trình đảm bảo an toàn;
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện kịp thời các sự cố rò rỉ, mạch đùn sủi, ... để xử lý kịp thời;
- Biện pháp hàn khâu khi cống không đảm bảo an toàn vận hành.

2.2. Sở Công Thương**Sản xuất, lắp ráp:**

- Tuân thủ các tiêu chuẩn xây dựng nhà xưởng chống bão, lũ, ngập lụt;
- Đảm bảo an toàn cháy nổ khi thiên tai xảy ra;
- Đảm bảo các biện pháp an toàn khác phục vụ kinh doanh liên tục.

Thương mại:

- Biện pháp PCTT đảm bảo kinh doanh liên tục;
- Sử dụng các bản tin dự báo thiên tai dài hạn để có các biện pháp kinh doanh phù hợp.

Năng lượng:

- Đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện (giống như phần hồ chứa thủy lợi);
- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng hệ thống;

- Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý sự cố công trình khi thiên tai gây ra;

- Đảm bảo an toàn khi công trình gặp sự cố.

2.3. Sở Giáo dục và đào tạo

- Đưa chương trình đào tạo nội dung PCTT vào các cấp học phổ thông;

- Xây dựng kế hoạch dạy bơi và kỹ năng phòng tránh thiên tai cho học sinh;

- Đảm bảo trường học an toàn trước thiên tai và làm nơi tránh trú cộng đồng.

2.4. Sở Lao động, Thương binh và xã hội

- Đưa chương trình đào tạo nội dung PCTT vào các trường dạy nghề;

- Bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai, đặc biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương; Lập danh sách các đối tượng bảo trợ xã hội bị ảnh hưởng của thiên tai và nhu cầu (lương thực) để hỗ trợ sau thiên tai.

2.5. Sở Y tế

- Chuẩn bị cơ sở thuốc đầy đủ để khám, chữa cho các nạn nhân bị ảnh hưởng của thiên tai; thuốc Cloramin để khử trùng, lọc nước;

- Xử lý môi trường bị ô nhiễm, phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm sau thiên tai;

- Tham gia chuẩn bị sẵn sàng về số lượng bác sỹ, trang thiết bị để thành lập các bệnh viện dã chiến khi cần thiết.

2.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Theo dõi, đặt hàng với các cơ quan dự báo để được cung cấp các thông tin về thời tiết;

- Đảm bảo điều kiện an toàn cho người, tài sản của khách du lịch (đặc biệt đối với khách nước ngoài: thông tin, ngôn ngữ, nhu cầu hỗ trợ,...); an toàn khi vận hành các tàu du lịch khi được cảnh báo thiên tai.

2.7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tài nguyên:

- Quản lý, khai thác tài nguyên không làm gia tăng hay trầm trọng hơn của thiên tai (khai thác tài nguyên cát, khoáng sản, sử dụng nước, ...);

- Phát triển hệ thống quan trắc, đo đạc, giám sát khí tượng, thủy văn, hải văn phục vụ công tác dự báo, cảnh báo;

- Hệ thống bản đồ rủi ro lũ quét và sạt lở đất;

- Tham gia kiểm soát quy trình vận hành liên hồ chứa đảm bảo phòng chống lũ cho hạ du và an toàn công trình hồ chứa trên địa bàn;

- Thực hiện chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Môi trường:

- Đảm bảo môi trường sau thiên tai;

- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng hệ thống xử lý môi trường;
- Xây dựng phương án xử lý sự cố môi trường do tác động của thiên tai.

2.8. Sở Xây dựng

Các công trình xây dựng:

- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng, vận hành công trình;
- Có biện pháp gia cố an toàn, hoặc chủ động làm sập đổ, ngừng hoạt động trước khi có thiên tai;
- Có phương án xử lý sự cố công trình do thiên tai gây ra.

Cấp, thoát nước đô thị:

- Phương án đảm bảo hệ thống hoạt động trong suốt quá trình diễn ra thiên tai;
- Thông tin, truyền thông sử dụng nước tiết kiệm và đảm bảo vệ sinh nguồn nước ngay trước, trong và sau thiên tai;
- Xây dựng và vận hành công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Có phương án khi hệ thống tiêu, trạm bơm gặp sự cố, đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước làm việc liên tục;
- Giám sát, theo dõi và cảnh báo các nguy cơ mất an toàn cho người tham gia giao thông qua hệ thống thoát nước mất an toàn.

2.9. Sở Giao thông

Đường bộ:

- Đảm bảo cao trình, hệ thống tiêu thoát và các điều kiện kỹ thuật an toàn khác khi sử dụng;
- Phòng chống sạt lở 2 bên đường và xói lở tanuy âm;
- Sử dụng các vật liệu làm đường phù hợp với các điều kiện thiên tai của từng địa phương: nóng, ngập nước, dòng chảy lũ,...
- Hệ thống cầu trên đường, cống qua đường, cao trình đường không làm gia tăng nguy cơ lũ, úng ngập trong khu vực.

Đường sắt:

- Biện pháp an toàn và phương án xử lý kịp thời chống xói lở do mưa, lũ,...
- Kết hợp với hệ thống cống gom nước để không làm gia tăng lũ, chênh lệch mực nước giữa 2 bên.

Đường thủy:

- Biện pháp an toàn đường thủy khi có thiên tai: dừng không hoạt động, đưa vào chỗ neo đậu an toàn;
- Vận tải thủy không làm gia tăng xói lở hệ thống đê điều;
- Các công trình chỉnh trị kết hợp công trình bảo vệ đê điều.

Đường hàng không:

- Công trình nhà ga, sân bay giống công trình xây dựng;
- Công trình đường băng tính toán để tránh ngập lụt.

2.10. Sở Thông tin, truyền thông, cơ quan truyền hình, truyền thanh

- Đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt; tăng cường thời lượng phát sóng cảnh báo, truyền tin trước, trong và sau thiên tai;
- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng hệ thống;
- Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý sự cố công trình đảm bảo hệ thống thông tin không bị gián đoạn.

2.11. Lực lượng cứu hộ, cứu nạn (Quân đội, Công an)

- Nâng cao năng lực của cán bộ trong công tác cứu hộ, cứu nạn: tổ chức diễn tập, tập huấn kiến thức về thiên tai;
- Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn;
- Bảo đảm trật tự xã hội, an toàn tài sản cho người dân khi xảy ra thiên tai;
- Chuẩn bị sẵn sàng cùng với ngành Y tế để thành lập các bệnh viện dã chiến khi thiên tai ảnh hưởng đến con người với quy mô lớn.

2.12. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hướng dẫn các Sở ngành và địa phương nội dung lồng ghép PCTT trong các quy hoạch kế hoạch phát triển ngành, KTXH;
- Bố trí kinh phí trong đầu tư trung hạn để thực hiện các nội dung của kế hoạch PCTT;
- Kiểm tra, giám sát các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch vùng đảm bảo PCTT.

2.13. Sở Tài chính

- Bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các nội dung của kế hoạch PCTT;
- Bố trí kinh phí để lập kế hoạch PCTT;
- Triển khai nhanh chóng các hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai để sớm ổn định sản xuất, sinh kế cho người dân;
- Triển khai bảo hiểm rủi ro thiên tai.

2.14. Các Sở ngành, tổ chức chính trị, xã hội khác: theo chức năng nhiệm vụ và phân công của Trưởng ban chỉ huy PCTT và TKCN để tham gia thực hiện các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu, ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

3. Biện pháp phòng chống thiên tai liên vùng

Hệ thống PCTT liên vùng được hiểu có liên quan từ 2 tỉnh trở lên bao gồm cả các cơ chế chính sách, tổ chức quản lý điều hành, trang thiết bị, phương tiện, vật tư và các công trình PCTT có tính liên vùng. Các nguồn lực liên vùng thường do các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý.

3.1. Nguồn lực liên vùng: Bao gồm cả nguồn lực con người và nguồn lực tài chính:

- Nguồn nhân lực cứu hộ cứu nạn liên vùng: quân khu, tìm kiếm cứu nạn hàng hải;

- Nguồn nhân lực kỹ thuật cao: các Bộ ngành hướng dẫn các địa phương các phương án ứng phó (bao gồm cả vấn đề dự báo, cảnh báo, truyền thông, xử lý sự cố công trình, ...);
- Nguồn lực trang thiết bị, phương tiện, máy móc do các Bộ quản lý;
- Nguồn lực do các Trung tâm, các tổ chức chính trị, xã hội quản lý;
- Nguồn lực tài chính do Trung ương quản lý;
- Nguồn lực quỹ PCTT được chuyển;
- Nguồn lực quốc tế do các Bộ có liên quan quản lý phối hợp với địa phương.

3.2. Nguồn lực về công trình PCTT:

- Hệ thống công trình đê điều;
- Hệ thống hồ chứa, liên hồ chứa;
- Hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông, xây dựng,...

Chương VII. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai

Dựa vào nội dung đánh giá rủi ro thiên tai (Chương IV) đã xác định được mức độ rủi ro tại địa phương nào (xã, huyện), ngành/lĩnh vực nào chịu tác động tương ứng với cấp độ rủi ro của từng loại hình thiên tai và các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu (Chương V), từ đó xác định được nội dung lồng ghép. Hay nói cách khác chỉ ra ngành nào, lĩnh vực nào chịu tác động của thiên tai sẽ tiến hành các biện pháp lồng ghép nội dung PCTT trong các kế hoạch, quy hoạch của ngành, lĩnh vực đó.

Cụ thể trong các giải pháp phi công trình và giải pháp công trình trong Chương V đã đề xuất các biện pháp PCTT đối với từng ngành. Từ các giải pháp chung và giải pháp cụ thể trong bảng số 7, 8 xác định các dự án/chương trình trong các quyết định có liên quan tại địa phương của tất cả các ngành có nội dung PCTT, thông thường các quyết định này căn cứ vào các chương trình, đề án của chính phủ, quyết định tại địa phương được liệt kê tương ứng ở cột 4 và 5 ở Bảng 9 và cột 3 và 4 ở Bảng 10 và 11. Trong đó Bảng 9 đề cập đến các giải pháp công trình và phi công trình nhằm phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến con người và sinh kế. Địa phương tiến hành liệt kê các quyết định có liên quan của các ngành thực hiện nội dung lồng ghép PCTT. Các quyết định này thường phê duyệt các kế hoạch, quy hoạch ngành trong đó liệt kê các dự án có liên quan đến PCTT. Một số dự án đã được đưa vào kế hoạch phát triển KTXH 5 năm của địa phương. Tương tự đối với Bảng 10 và 11 tác động đến các ngành KTXH và cơ sở hạ tầng. Dưới đây hướng dẫn chi tiết các nội dung này. Đối với các quy hoạch, kế hoạch ngành chưa đưa vào nội dung lồng ghép PCTT sẽ được hướng dẫn chi tiết trong phần sau.

VII.1 Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế

Nội dung dưới đây hướng dẫn chi tiết cách thu thập các dữ liệu liên quan của các ngành lồng ghép nội dung PCTT vào kế hoạch, quy hoạch ngành trong Bảng 9 căn cứ vào các giải pháp đã được hướng dẫn trong Chương V. Trong đó cột 3 là các ngành chịu

trách nhiệm chính (chủ trì), cột 4 liệt kê các quyết định tại địa phương căn cứ vào các chương trình, đề án của chính phủ. Nội dung này đề cập đến các biện pháp lồng ghép nội dung PCTT có liên quan đến an toàn của người và sinh kế.

- *Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai*: các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở (Quyết định 135: 2 giai đoạn (đến năm 2010), Quyết định 134: 2004-2006), Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP hay Quyết định 48/2014/QĐ-TTg hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão lụt khu vực miền Trung. Các địa phương căn cứ vào các chính sách này của Trung ương phê duyệt các dự án triển khai thực hiện trong đó có nội dung lồng ghép PCTT. Sở NN & PTNT, Sở XD là 2 đơn vị chủ trì thực hiện các chính sách này cung cấp danh sách các dự án hoàn thành, dự án đang triển khai thực hiện. Ngoài ra các Tổ chức xã hội, phi chính phủ, ... có liên quan dựa vào các hướng dẫn thực hiện chính sách để kêu gọi các tổ chức quốc tế tài trợ thực hiện tại địa phương. Các số liệu có thể thu thập được từ Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, UB Mặt trận Tổ quốc, ...

- *Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng*: trong các dự án quy hoạch phát triển CSHT (Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Xây dựng, Giao thông, Công thương, Viễn thông) bao gồm các dự án phát triển ngành đảm bảo an toàn công trình trước thiên tai và các dự án lồng ghép nhằm phòng ngừa, giảm thiểu thiên tai. Liệt kê các dự án lồng ghép này từ các dự án quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt tại địa phương. Ví dụ dự án đường giao thông kết hợp cứu hộ cứu nạn, các công trình xây dựng công cộng kết hợp tránh trú, công trình hồ thủy điện kết hợp phòng lũ cho hạ du,...

Đối với các quy hoạch cũ chưa có nội dung lồng ghép, các ngành rà soát lại và đưa vào trong quy hoạch, kế hoạch điều chỉnh.

- *Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai*: Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như: Quyết định số 1776/2012/QĐ-TTg về Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai; các Quyết định số 1548/2001/QĐ-TTg và 1998/2010/QĐ-TTg đầu tư tôn nền vượt lũ ĐBSCL. Các địa phương căn cứ vào các quyết định này đã phê duyệt các dự án có liên quan tại địa phương, danh sách các dự án trong các quyết định do 2 Sở NN&PTNT và XD chủ trì.

- *Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH*: ngoài các chương trình của chính phủ đang thực hiện tại địa phương như: Quyết định tại địa phương thực hiện Đề án 1002 nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, thực hiện kế hoạch ứng phó với BĐKH; các địa phương còn lồng ghép vào các chương trình khác như: nông thôn mới, khuyến nông, huấn luyện cứu hộ cứu nạn, ... Liệt kê các dự án trong các quyết định do UBND tỉnh phê duyệt. Với các chương trình chưa có nội dung lồng ghép, Sở KHĐT hướng dẫn, đề xuất lồng ghép chi tiết trong phần sau.

- *Nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai (hồ chứa, đê điều, trạm bơm):* liệt kê các dự án trong các quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng chống lũ, ... trong đó có lồng ghép nâng cao hiệu quả tưới, tiêu phục vụ nông nghiệp và các ngành kinh tế khác với PCTT.

- *Khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ:* các dự án kết hợp giữa ngành giao thông trong nạo vét thông luồng, chỉnh trị dòng chảy với đảm bảo thoát lũ an toàn hoặc các dự án khai thác cát trong quy hoạch tài nguyên cát trong lòng sông với tiêu thoát lũ. Các dự án được liệt kê trong các quy hoạch của ngành Giao thông, ngành Tài nguyên và Môi trường.

2. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế

Trong Bảng 10 liệt kê các quyết định có liên quan đến lồng ghép nội dung PCTT tại địa phương của các ngành KTXH. Cũng tương tự như phân tích ở trên một số quyết định dựa vào các chính sách, quyết định, chủ trương của Trung ương để các địa phương thực hiện. Dưới đây phân tích một số giải pháp đã được các ngành lồng ghép nội dung PCTT.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: dựa vào kinh nghiệm thực tiễn tại từng địa phương, tại Chương IV đánh giá rủi ro thiên tai của từng lĩnh vực, các địa phương có thể lựa chọn được loại cây trồng phù hợp với các điều kiện khí hậu, thời tiết để giảm thiểu thiệt hại. Các dự án quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển loại cây trồng phù hợp, ... trong đó đã lồng ghép nội dung PCTT.

- Dự án phát triển nông nghiệp xanh, sạch đã xem xét đến yếu tố thích ứng với điều kiện khí hậu, PCTT.

- Lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát thông tin nghề cá: dự án vừa đảm bảo thông tin cảnh báo kịp thời PCTT vừa hỗ trợ các tổ đội đánh bắt hiệu quả hay quy hoạch các cảng cá có chức năng tránh trú an toàn cho tàu thuyền.

- Các dự án trong phát triển nông thôn mới đảm bảo tiêu chí an toàn PCTT được liệt kê trong chương trình triển khai tại địa phương.

- Quy hoạch các khu công nghiệp, sản xuất tập trung, quy hoạch phát triển thương mại, du lịch, làng nghề phải đảm bảo an toàn PCTT. Các địa phương khi phê duyệt các dự án tại những vùng thường xuyên xảy ra thiên tai phải lồng ghép, xem xét phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai.

- Thực hiện chiến lược quốc gia, kế hoạch ứng phó BĐKH tại địa phương thông qua các dự án, chương trình cụ thể đã được lồng ghép.

3. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến cơ sở hạ tầng

Bảng 11 liệt kê các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng lồng ghép nội dung PCTT trong các lĩnh vực như xây dựng, giao thông, công thương, thông tin truyền thông, ... Một số giải pháp đã được phân tích chung cho tác động đến con người và sinh kế ở trên. Địa phương liệt kê các dự án trong các quyết định có liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng có

lồng ghép nội dung PCTT. Cũng như phân tích ở trên, các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành đã đề xuất các danh mục dự án lồng ghép được đưa vào cột 3 trong Bảng 12. Đối với quy hoạch, kế hoạch ngành chưa có nội dung lồng ghép sẽ được rà soát, bổ sung.

Tổng hợp các Bảng 10 và 11 tương ứng với từng giải pháp nhằm phòng ngừa và giảm thiểu thiên tai đối với phát triển KTXH và cơ sở hạ tầng được tổng hợp trong Bảng 12, trong đó hướng dẫn liệt kê các nội dung đã hoặc đề xuất lồng ghép trong các quy hoạch, kế hoạch lĩnh vực, ngành.

Lưu ý: các địa phương có thể xác định được các dự án lồng ghép nội dung PCTT trong các quy hoạch, kế hoạch ngành, phát triển KTXH dựa vào các bước hướng dẫn của Thông tư 05. Tuy nhiên, Cơ quan Thường trực dự thảo kế hoạch PCTT có thể gửi các nội dung lồng ghép đã được xác định qua phân tích tại các nội dung trên của hướng dẫn này.

Chương VIII. Xác định nguồn lực và tiến độ thực hiện

Sau khi lập được bảng danh sách các chương trình/dự án trong đó xác định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nguồn vốn thì một vấn đề quan trọng là xác định thời gian thực hiện hay nói cách khác là thứ tự ưu tiên so với các chương trình/dự án khác. Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên và tìm nguồn vốn trong khi lập KHPCTT đóng vai trò quyết định bởi vì danh sách các dự án và vốn đầu tư là rất lớn. Do đó tùy theo điều kiện của mỗi địa phương để xác định các tiêu chí lựa chọn sự ưu tiên của các công trình, hài hoà giữa các ngành với mục tiêu phòng chống thiên tai giảm thiệt hại về người được đặt ưu tiên hàng đầu. Ngoài ra tăng cường cho giải pháp phi công trình vì chi phí thấp nhưng hiệu quả mang lại là rất lớn. Sau đây hướng dẫn cách thức phổ biến lựa chọn các chương trình dự án dựa vào nguồn vốn đầu tư:

1. Ngân sách Trung ương, vốn vay ODA

Đầu tư các dự án tiêu úng, tiêu thoát lũ, đê điều, xây dựng, nâng cấp hồ chứa, các dự án giao thông, ... có quy mô và kinh phí đầu tư lớn.

2. Ngân sách địa phương (sự nghiệp và đầu tư)

Tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống đê kết hợp giao thông nông thôn, công trình phòng chống sạt lở, dự án di dời dân, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra....

3. Ngân sách dự phòng của địa phương

Xử lý các yêu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phục vụ cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong trường hợp cần thiết, cấp bách.

4. Quỹ Phòng, chống thiên tai

Tập trung cho giai đoạn phòng ngừa, giảm thiểu, đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai xung yếu có quy mô nhỏ, mua sắm trang thiết bị, tập huấn, diễn

tập phòng, chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục thiệt hại, sự cố do thiên tai gây ra...

5. Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận huy động (hoặc các tổ chức chính trị, xã hội huy động)

Hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai để khắc phục thiệt hại, giảm bớt khó khăn và ổn định cuộc sống, sinh kế từ việc huy động trong xã hội.

6. Vốn đầu tư từ khối tư nhân

Xây dựng cơ chế chính sách trong hỗ trợ đầu tư, vay vốn, hợp đồng cung cấp dịch vụ (hợp tác công tư - PPP), ...

Tiến độ thực hiện các chương trình/dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm đã được nêu trong Chương V.

Chương IX. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch

Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Thủy lợi (Văn phòng Thường trực) là đơn vị Thường trực phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện xây dựng kế hoạch. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- i. Đưa nội dung xây dựng KHPCTT vào kế hoạch thực hiện năm
- ii. Lập danh sách, trình UBND phê duyệt Tổ công tác xây dựng KH
- iii. Gửi công văn kèm các Bảng mẫu thu thập dữ liệu đến các địa phương (huyện, xã), Sở, ngành liên quan
- iv. Thu thập, phân tích số liệu, dự thảo, trình UBND phê duyệt KH
- v. Tổng hợp, báo cáo, giám sát quá trình thực hiện KH hàng năm và 5 năm
- vi. Tham mưu, đề xuất nguồn lực thực hiện kế hoạch
- vii. Tham mưu UBND bố trí nguồn kinh phí để lập kế hoạch.

Các Sở, Ban ngành, Tổ chức, địa phương có liên quan (theo danh sách có dự án/hoạt động lồng ghép trong Chương VI), theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện các nội dung:

- i. Tham gia thành viên Tổ công tác xây dựng kế hoạch (Thành viên BCH)
- ii. Cung cấp các báo cáo, số liệu có liên quan và nhập vào mẫu bảng từ cơ quan Thường trực gửi
- iii. Bố trí nguồn vốn thực hiện các nội dung lồng ghép trong kế hoạch ngành, KTXH địa phương
- iv. Báo cáo quá trình thực hiện kế hoạch về cơ quan thường trực để tổng hợp

2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

Căn cứ trên kế hoạch PCTT đã được UBND tỉnh phê duyệt, Tổ công tác xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, trong đó phân định rõ vai trò và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan chủ trì và phối hợp thực hiện. Cụ thể, Cơ quan thường trực Ban chỉ

huy PCTT và TKCN tỉnh, Sở NN&PTNT là cơ quan chủ trì phối hợp với các ngành thực hiện kế hoạch:

- i. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị (ngành, địa phương)
- ii. Làm đầu mối liên hệ với các tổ chức trong và ngoài nước để huy động nguồn lực
- iii. Tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện

Quá trình thực hiện cần đảm bảo rằng các chương trình/dự án trong Kế hoạch PCTT đã được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương để ưu tiên thực hiện. Sở KH&ĐT, Sở TC có vai trò cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm theo Luật Ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của kế hoạch.

Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị khác đóng vai trò là chủ trì hoặc phối hợp thực hiện như đã liệt kê trong Kế hoạch triển khai chi tiết.

3. Rà soát kế hoạch

Cơ quan thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh, Sở NN&PTNT chủ trì đánh giá sơ kết định kỳ hàng năm và 5 năm, rút kinh nghiệm và đề xuất/kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh nội dung, giải pháp, kế hoạch cho phù hợp điều kiện thực tế. Trong các điều kiện thiên tai đặc biệt lớn hoặc tại địa phương đã có những thay đổi đáng kể về phát triển KTXH, dân sinh, hạ tầng cơ sở, Cơ quan thường trực BCH PCTT&TKCN có trách nhiệm tổ chức rà soát và báo cáo kiến nghị UBND cập nhật kế hoạch PCTT.

4. Theo dõi, đánh giá

Để triển khai kế hoạch PCTT có hiệu quả, việc theo dõi, giám sát và đánh giá trong quá trình thực hiện là cần thiết. Việc theo dõi và đánh giá sẽ được thực hiện qua 3 cấp độ:

- i. **Theo dõi đầu ra (cấp độ 1):** là cấp độ đầu tiên, đề cập đến việc theo dõi thường xuyên và liên tục quá trình thực hiện các nội dung của kế hoạch.
- ii. **Đánh giá kết quả (cấp độ 2):** là cấp độ thứ hai, nó liên quan đến việc theo dõi và đánh giá thay đổi hành vi hoặc thay đổi hệ thống, là kết quả có được từ các đầu ra của các hoạt động trong kế hoạch đã được phê duyệt.
- iii. **Đánh giá tác động (cấp độ 3):** cấp độ thứ ba đề cập đến việc đánh giá các thay đổi hướng đến mục tiêu đã đề ra, đó chính là kết quả từ việc thay đổi hành vi hoặc thay đổi hệ thống do việc thực hiện các hoạt động trong Kế hoạch tạo nên. Tác động này bao gồm cả tác động đến các nhóm mục tiêu cụ thể cũng như những đóng góp nhằm đạt được mục đích tổng thể đó là tối ưu hóa lợi ích ở các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai và giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai.

Với hạn chế về thời gian và kinh phí (chưa được bố trí), các tỉnh được khuyến cáo trước mắt xây dựng khung đánh giá dựa trên các đầu ra cụ thể của các dự án/hoạt động trong Kế hoạch (cấp độ 1), trong đó, Cơ quan thường trực BCH PCTT&TKCN cấp tỉnh là đơn vị chủ trì thực hiện công tác theo dõi và đánh giá này.

Trong thời gian tiếp theo, tùy theo điều kiện thực tế tại địa phương, cần thiết lên kế hoạch về việc xây dựng khung theo dõi và đánh giá theo đầy đủ cả ba cấp độ nêu trên thông qua việc:

i. Xây dựng Khung theo dõi và đánh giá (M&E) trong đó phân định rõ vai trò của các bên liên quan.

ii. Xây dựng bộ tiêu chí M&E: Bộ tiêu chí M&E được xây dựng và tham vấn đầy đủ các bên liên quan (địa phương và trung ương).

iii. Xây dựng CSDL nền: Sở NN&PTNT chủ trì thực hiện hoạt động điều tra và đánh giá hiện trạng, xây dựng CSDL nền phục vụ việc giám sát và đánh giá thực hiện Kế hoạch theo mục tiêu và theo các tiêu chí đã xây dựng.

5. Kế hoạch PCTT hàng năm

Nội dung kế hoạch PCTT hàng năm được xây dựng và triển khai dựa trên kế hoạch 5 năm và cũng được cơ quan Thường trực trình UBND tỉnh phê duyệt. Ngoài ra căn cứ vào nội dung tổng kết công tác PCTT và TKCN hàng năm (cả cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh) để điều chỉnh phù hợp. Trong đó:

i. Thực hiện các nội dung phòng ngừa, giảm thiểu được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng giải pháp của kế hoạch 5 năm.

ii. Kế hoạch thực hiện giải pháp ứng phó:

+ Kiện toàn bộ máy Ban chỉ huy các cấp;

+ Rà soát nguồn lực 4 tại chỗ tại các cấp và các ngành;

+ Căn cứ vào nội dung dự báo của cơ quan KTTV để có các phương án ứng phó phù hợp đối với từng cấp độ rủi ro thiên tai.

iii. Rà soát kế hoạch thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp, di dời, tái thiết của những năm trước và tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo.

PHỤ LỤC
(TRONG NỘI DUNG KẾ HOẠCH PCTT CẤP TỈNH)

Bảng 1. Đánh giá độ lớn của từng loại hình thiên tai tại địa phương

STT	Loại hình thiên tai	Nguy cơ về độ lớn của thiên tai có thể xảy ra ³	Liệt kê các sự kiện thiên tai lớn/ lịch sử đã xảy ra trong quá khứ		
			Thời gian xuất hiện	Độ lớn ⁴	Phạm vi ảnh hưởng
1	Bão, ATNĐ	Cấp 17	12-13/11/2006	Cấp 13	Liệt kê các xã bị ảnh hưởng
		
2	Lũ, ngập lụt	Báo động 3 + xx (m) tại vị trí ...	18-28/8/2011	Báo động 3+ 3m hoặc mức độ ngập sâu nhất tại ...	Liệt kê các xã bị ngập sâu...
		
3

³ Nhận định về độ lớn nguy cơ thiên tai có thể xảy ra căn cứ vào các Quyết định có liên quan của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ví dụ Quyết định số 1857 ngày 29/8/2014 về phân vùng bão và cập nhật tại Quyết định số 2901 ngày 16/2/2018 (nếu chưa có hướng dẫn thì bỏ trống cột này).

⁴ Độ lớn của từng loại thiên tai được đánh giá theo các yếu tố đặc trưng quan trắc được quy định trong Quyết định số 44, ví dụ: Nhiệt độ đặc trưng cho rét hại và nắng nóng cùng với thời gian kéo dài, ...

Bảng 2a. Thông tin thu thập về hiện trạng để đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

1	TÊN CÁC HUYỆN, XÃ TRONG TỈNH	<i>Tỉnh XX</i>		GIẢI THÍCH:	Xã 1	Xã 2	Xã 3	...	
2		<i>Huyện YY</i>							
3	ĐẶC ĐIỂM DÂN SINH	<i>Số lượng hộ</i>	<i>(hộ)</i>	Nhập số liệu của năm thống kê gần đây nhất					
4		<i>Số lượng nhân khẩu</i>	<i>(người)</i>						
5		<i>Số lượng hộ nghèo</i>	<i>(hộ)</i>						
6		<i>Số lượng trẻ em dưới 16 tuổi</i>	<i>(người)</i>						
7		<i>Số lượng người cao tuổi (trên 60 tuổi)</i>	<i>(người)</i>						
8		<i>Số lượng người khuyết tật</i>	<i>(người)</i>						
9		<i>Số lượng người neo đơn, bệnh hiểm nghèo</i>	<i>(người)</i>						
10		<i>Số lượng người dân tộc thiểu số</i>	<i>(người)</i>						
11		<i>Số lượng người dân được tập huấn, bồi dưỡng về phòng chống thiên tai</i>	<i>(người)</i>		Được tập huấn theo Đề án 1002 sử dụng nguồn kinh phí từ địa phương, cấp trên hoặc các Tổ chức				
12		<i>Số lượng cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng về phòng chống thiên tai</i>	<i>(người)</i>						
13	<i>Số lần diễn tập về phòng chống thiên tai trong 5 năm gần đây</i>	<i>(lần)</i>	Tự tổ chức hoặc được tham gia						
14	<i>Số lượng nhà kiên cố</i>	<i>(nhà)</i>	Phân loại nhà theo hướng dẫn của Bộ Xây						

1	TÊN CÁC HUYỆN, XÃ TRONG TỈNH	<i>Tỉnh XX</i>			GIẢI THÍCH:	Xã 1	Xã 2	Xã 3	...	
2		<i>Huyện YY</i>								
1 5		<i>Số lượng nhà bán kiên cố</i>	<i>(nhà)</i>	dựng (nhà Kiên cố là nhà có Cột, Tường và Mái làm bằng vật liệu bền chắc; nhà Bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 tiêu chí này làm bằng vật liệu bền chắc; còn lại là nhà tạm)						
1 6	<i>Số lượng nhà tạm</i>	<i>(nhà)</i>								
1 7	CHUẨN BỊ 4 TẠI CHỖ VÀ CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH	<i>Nguồn lực tại chỗ</i>	<i>Đảm bảo</i>	<i>(đánh dấu X vào 1 trong 2 cột)</i>	Đánh giá 4 tại chỗ tại địa phương					
1 8			<i>Chưa đảm bảo</i>							
1 9		<i>Phương tiện, vật tư tại chỗ</i>	<i>Đảm bảo</i>	<i>(đánh dấu X vào 1 trong 2 cột)</i>						
2 0			<i>Chưa đảm bảo</i>							
2 1		<i>Hậu cần tại chỗ</i>	<i>Đảm bảo</i>	<i>(đánh dấu X vào 1 trong 2 cột)</i>						Đánh giá 4 tại chỗ tại địa phương
2 2			<i>Chưa đảm bảo</i>							

1	TÊN CÁC HUYỆN, XÃ TRONG TỈNH	Tỉnh XX		GIẢI THÍCH:	Xã 1	Xã 2	Xã 3	...
2		Huyện YY						
2 3		Kế hoạch PCTT 5 năm	Đã xây dựng					
2 4	Chưa xây dựng							
2 5	HIỆN TRẠNG NÔNG NGHIỆP	Trồng trọt	Diện tích lúa	(ha)				
2 6			Diện tích cây ăn trái	(ha)				
2 7			Diện tích hoa màu	(ha)				
2 8			Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày	(ha)	Ngô, đậu, khoai, sắn,			
2 9			Diện tích cây công nghiệp dài ngày	(ha)	Cao su, Điều, Tiêu, ...			
3 0		Lâm nghiệp	Diện tích rừng đầu nguồn	(ha)	Tổng hợp các loại rừng			
3 1			Diện tích rừng ngập mặn	(ha)				
3 2		Thủy sản	Diện tích nuôi trồng thủy sản dưới mặt nước	(ha)	Tổng diện tích các ao nuôi cá tôm các loại			

1	TÊN CÁC HUYỆN, XÃ TRONG TỈNH	Tỉnh XX		GIẢI THÍCH:	Xã 1	Xã 2	Xã 3	...	
2		Huyện YY							
3 3			Diện tích nuôi trồng thủy sản trên bãi	(ha)	Tổng diện tích bãi nuôi ngêu, sò,... các loại				
3 4			Số lượng lồng, bè có thể tích >100m ³	(cái)	Chỉ tính những lồng bè có thể tích nuôi từ 100m ³ trở lên				
3 5			Số lượng tàu thuyền đánh bắt gần bờ	(tàu)	Thống kê tại địa phương số thuyền đánh bắt thủy sản				
3 6			Số lượng tàu thuyền đánh bắt xa bờ	(tàu)					
3 7		Chăn nuôi	Số lượng gia súc	(con)					
3 8			Số lượng gia cầm	(con)					
3 9		Diêm nghiệp	Diện tích làm muối	(ha)					
4 0	HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ	Nhà tránh trú thiên cộng đồng	Tổng số lượng nhà	(nhà)	Các trường học, trạm xá, trụ sở cơ quan, ... có thể sử dụng để tránh trú khi có thiên tai				
4 1			Tổng số lượng người có thể tránh trú	(người)					

1	TÊN CÁC HUYỆN, XÃ TRONG TỈNH	<i>Tỉnh XX</i>			GIẢI THÍCH:	Xã 1	Xã 2	Xã 3	...	
2		<i>Huyện YY</i>								
4 2	TÀNG PCTT	<i>Khu neo đậu tàu thuyền</i>	<i>Tổng số lượng địa điểm neo đậu</i>	<i>(điểm)</i>	Kể cả các khu neo đậu được đầu tư xây dựng và khu neo đậu tự nhiên an toàn					
4 3		<i>(Các tỉnh ven biển)</i>	<i>Tổng số lượng tàu thuyền được neo đậu</i>	<i>(tàu)</i>						
4 4	KINH PHÍ	<i>Kinh phí được cấp trung bình hàng năm cho công tác trực ban, ứng phó</i>			<i>(triệu đồng)</i>	Được sử dụng trong công tác trực ban, một số hoạt động ứng phó				

Bảng 2b. Thông tin thu thập về thiệt hại để đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

1	Tên Xã/Phường				Bão số ??/201?	Bão số ??/201?	Lũ ??/19??	SLĐ ??/201?	Hạn ??/201?	Rét hại ??/19??	...
2	Năm thống kê			Giải thích							
3	Số lượng người chết/mất tích	Tổng số	(người)								
4		Trẻ em	(người)								
5	Số lượng nhà bị sập/cuốn trôi		(nhà)								
6	Số lượng nhà bị hư hỏng		(nhà)								
7	Số lượng nhà bị ngập		(nhà)								
8	Số lượng người phải đi sơ tán tại chỗ		(người)	phải đi sơ tán tại các nơi tránh trú an toàn							
9	Số lượng hộ phải di dời		(hộ)	Di dời ra chỗ ở mới đảm bảo an toàn							
10	Số ngày trường học phải đóng cửa do thiên tai		(ngày)								
11	Nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và	Diện tích lúa bị thiệt hại	(ha)	Được tính thiệt hại sản lượng							
12		Diện tích cây ăn trái bị thiệt hại	(ha)								

1	Tên Xã/Phường			Giải thích	Bão số ??/201?	Bão số ??/201?	Lũ ??/19??	SLĐ ??/201?	Hạn ??/201?	Rét hại ??/19??	...
2	Năm thống kê										
13	<i>chăn nuôi bị thiệt hại</i>	<i>Diện tích hoa màu bị thiệt hại</i>	<i>(ha)</i>	từ 70% trở lên							
14		<i>Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày bị thiệt hại</i>	<i>(ha)</i>								
15		<i>Diện tích cây công nghiệp dài ngày bị thiệt hại</i>	<i>(ha)</i>								
16		<i>Diện tích rừng đầu nguồn bị thiệt hại</i>	<i>(ha)</i>								
17		<i>Diện tích rừng ngập mặn bị thiệt hại</i>	<i>(ha)</i>								
18		<i>Diện tích nuôi trồng thủy sản dưới mặt nước</i>	<i>(ha)</i>								
19		<i>Diện tích nuôi trồng thủy sản trên bãi</i>	<i>(ha)</i>								
20		<i>Số lượng lồng, bè có thể tích >100m³ bị thiệt hại</i>	<i>(lồng)</i>								
21		<i>Số lượng tàu thuyền đánh bắt bị chìm, hư hỏng</i>	<i>(tàu)</i>								
22		<i>Số lượng gia súc chết</i>	<i>(con)</i>								
23	<i>Số lượng gia cầm chết</i>	<i>(con)</i>									

1	Tên Xã/Phường		Giải thích	Bão số ??/201?	Bão số ??/201?	Lũ ??/19??	SLĐ ??/201?	Hạn ??/201?	Rét hại ??/19??	...
2	Năm thống kê									
24		<i>Diện tích làm muối bị hư hỏng</i>	(ha)							
25	Cơ sở hạ tầng	<i>Số km đường nông thôn, đô thị bị hư hỏng</i>	(km)							
26		<i>Số km đường nông thôn, đô thị bị ngập</i>	(km)	Tính từ 30cm trở lên						
27		<i>Số lượng cầu giao thông bị hư hỏng</i>	(cái)	Không tính các cầu tạm						
28		<i>Số công trình, trụ sở nhà nước, công trình công cộng bị hư hỏng</i>	(cái)							
29		<i>Số công trình văn hóa, tín ngưỡng bị hư hỏng</i>	(cái)							
30		<i>Số km đê, kè sông bị hư hỏng</i>	(km)	Bao gồm cả đê sông và đê biển						
31	Cơ sở hạ tầng	<i>Số km đê, kè biển bị hư hỏng</i>	(km)							
32		<i>Số km kênh, mương bị sạt lở</i>	(km)							

1	Tên Xã/Phường		Giải thích	Bão số ??/201?	Bão số ??/201?	Lũ ??/19??	SLĐ ??/201?	Hạn ??/201?	Rét hại ??/19??	...
2	Năm thống kê									
33		<i>Số km bờ biển bị sạt lở</i>	<i>(km)</i>							
34		<i>Số km bờ sông bị sạt lở</i>	<i>(km)</i>							
35		<i>Số công trình trạm bơm bị hư hỏng</i>	<i>(cái)</i>							
36		<i>Số cống, bọng bị hư hỏng</i>	<i>(cái)</i>							
37		<i>Số công trình cấp nước bị hư hỏng</i>	<i>(cái)</i>							
38		<i>Hệ thống tiêu thoát nước đô thị bị hư hỏng</i>	<i>(km)</i>	Đối với các khu vực thị trấn, thị xã, TP						
39		<i>Số km đường điện bị hư hỏng</i>	<i>(km)</i>							
40		<i>Số trụ điện bị đổ gãy</i>	<i>(cái)</i>							
41		<i>Số công trình viễn thông bị hư hỏng</i>	<i>(cái)</i>							

Bảng 2c. Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của các đối tượng do bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, sóng thần⁵

Nhóm đối tượng ảnh hưởng	Các đối tượng đánh giá	Mức độ dễ bị tổn thương		
		Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Dân sinh	Con người	Liệt kê các xã	Liệt kê các xã	Liệt kê các xã
	Nhà ở			
Nông nghiệp	Trồng trọt			
	Chăn nuôi			
	Lâm nghiệp			
	Thủy sản			
	Diêm nghiệp			
Giáo dục, Y tế, Văn hóa, du lịch	Giáo dục			
	Y tế			
	Văn hóa			
	Du lịch			
Công thương	Tiểu thủ công nghiệp			
	Thương mại			
	Giao thông			
	Xây dựng			

⁵ Tùy thuộc vào những loại hình thiên tai điển hình xuất hiện tại địa phương trong cùng 1 nhóm (5 nhóm theo Thông tư 43) sẽ có cùng đối tượng ảnh hưởng. Ngoài ra có thể tách riêng cho từng loại hình thiên tai.

Nhóm đối tượng ảnh hưởng	Các đối tượng đánh giá	Mức độ dễ bị tổn thương		
		Thấp	Trung bình	Cao
Cơ sở hạ tầng	Thủy lợi, phòng chống thiên tai			
	Viễn thông, năng lượng			
	Công trình cấp, thoát, xử lý nước			

Bảng 3. Năng lực phòng chống thiên tai của các đối tượng được đánh giá (mỗi 1 đối tượng/nhóm đối tượng có 1 bảng đánh giá)⁶

Các loại hình thiên tai	Năng lực phòng chống thiên tai		
	Thấp	Trung bình	Cao
(1)	(2)	(3)	(4)
Bão	Liệt kê các xã	Liệt kê các xã	Liệt kê các xã
Lũ, ngập lụt			
...			

⁶ Đối tượng đánh giá có thể là người; nhóm đối tượng đánh giá có thể là nông nghiệp (bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, ...)

Bảng 4. Bảng tổng hợp đánh giá năng lực và mức độ dễ bị tổn thương của các đối tượng đánh giá (mỗi 1 đối tượng/nhóm đối tượng tại 1 xã có 1 bảng đánh giá)

Các loại hình thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương do thiên tai (-) ⁷	Năng lực phòng chống thiên tai (+) ⁸		
		Thấp (+1)	Trung bình (+2)	Cao (+3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Bão	Thấp (-1)	0	+	++
	Trung bình (-2)	-	0	+
	Cao (-3)	--	-	0
Lũ, ngập lụt	Thấp (-1)			
	Trung bình (-2)			
	Cao (-3)			
...	Thấp (-1)			
	Trung bình (-2)			
	Cao (-3)			

⁷ Tình trạng dễ bị tổn thương được đánh giá ở 3 mức độ tương ứng với 3 giá trị âm là: -1, -2 và -3⁸ Năng lực phòng chống thiên tai được đánh giá ở 3 mức độ tương ứng với 3 giá trị dương là: +1, +2 và +3

Bảng 5. Cấp độ rủi ro thiên tai tác động đến các đối tượng đánh giá (mỗi 1 đối tượng/nhóm đối tượng tại 1 xã có 1 bảng đánh giá)

Các loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro thiên tai ⁹				
	Nhỏ	Trung bình	Lớn	Rất lớn	Thảm họa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão			X		
Lũ, ngập lụt		X			
...				X	

Bảng 6a. Phân tích nguyên nhân - hậu quả và biện pháp an toàn về người

STT	Loại hình thiên tai gây ra	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động trên biển, ở lại tàu thuyền neo đậu gần bờ, các chòi canh khi có bão - Ở lại nhà không an toàn - Gia cố nhà cửa, các công trình trong lúc có gió lớn - Ra ngoài khi có gió lớn do các vật liệu, cây cối đổ vào người 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Củng cố hệ thống chỉ huy, chỉ đạo PCTT các cấp (2) Hoàn thiện hệ thống pháp luật PCTT (3) Tăng cường phương tiện, trang thiết bị phục vụ sơ tán, cứu hộ, cứu nạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, kêu gọi tàu thuyền vào nơi tránh trú an toàn - Sơ tán người dân ở các khu nuôi trồng thủy sản, khu vực trũng thấp ven biển, nhà tạm đến nơi tránh trú an toàn - Ra lệnh cấm biển, ngừng các hoạt động du lịch, trường học, ... hoạt động dã ngoại khác - Hướng dẫn gia cố, chằng chống nhà cửa, tổ chức sơ tán (địa điểm, thời gian, phương tiện, ...)

⁹ Cấp độ rủi ro thiên tai được tổng hợp kết quả của Bảng 6 cho mỗi một đối tượng hoặc nhóm đối tượng được đánh giá tương ứng với 5 giá trị trong bảng 6 (-2, -1, 0, +1, +2) sẽ cho kết quả là nhỏ, trung bình, lớn, rất lớn và thảm họa

STT	Loại hình thiên tai gây ra	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
		<ul style="list-style-type: none"> - Đi lại trong vùng nguy hiểm: gần biển, sông suối khi có gió lớn - Các tình huống khác 	<ul style="list-style-type: none"> (4) Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo (5) Nâng cao nhận thức, kiến thức (6) Tham gia của các tổ chức, đoàn thể và toàn xã hội (7) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông (8) Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chính sách về hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng chống bão, hướng dẫn xây dựng nhà an toàn - Tăng cường xử phạt hành chính khi không theo hiệu lệnh của các cơ quan chức năng: di dời, cấm biển, ... - Các tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng chống bão - Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường sau bão
2	Lũ, ngập lụt, nước dâng	<ul style="list-style-type: none"> - Ở các vùng trũng, thấp, ven sông, ven suối, ven biển - Ở lại nhà không đảm bảo an toàn trong thời gian có lũ - Đi qua các ngầm, tràn - Các hoạt động kinh tế, vui chơi giải trí trên sông, suối, vùng ngập sâu khi có lũ - Đi lại trong vùng nguy hiểm: gần sông, suối, hồ ao, 	<ul style="list-style-type: none"> (9) Hệ thống đánh giá thiệt hại và nhu cầu nhằm tăng cường nguồn lực từ bên ngoài (10) Chính sách hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai (11) Phát triển hệ thống bảo hiểm PCTT cho người dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ tán người dân ở các khu vực trũng thấp, ven sông suối, nhà tạm đến nơi tránh trú an toàn - Ra lệnh cấm các hoạt động du lịch, trường học, ... qua các sông suối, khu vực đang có lũ - Đảm bảo quy trình vận hành hồ chứa xả lũ đảm bảo an toàn cho hạ du và công trình hồ - Tăng cường hệ thống đê sông, đê biển, các công trình phòng chống lũ khác: hồ chứa có dung tích phòng lũ, trạm bơm tiêu, tuyến đường vượt lũ, ..

STT	Loại hình thiên tai gây ra	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
		<p>thác nước khi nước lớn, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia giao thông thủy, giao thông bộ qua khu vực có lũ - Các tình huống khác 	<p>(12) Đảm bảo nguồn lực xây dựng, sửa chữa các công trình PCTT (biện pháp giảm thiểu)</p> <p>(13) Đảm bảo nguồn lực về tài chính để thực hiện phòng ngừa, phục hồi và tái thiết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao tiêu chuẩn cốt xây dựng, hướng dẫn xây dựng nhà an toàn - Khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ - Các công trình cơ sở hạ tầng không làm gia tăng hay trầm trọng hơn về lũ, lụt - Xây dựng các bản đồ rủi ro lũ lụt hạ du các hồ chứa, vùng ngập lụt, ven sông, ven biển ứng với các kịch bản lũ lụt khác nhau; được sử dụng hiệu quả tại địa phương - Tăng cường hệ thống cảnh báo khu vực nguy hiểm
3	Sạt lở đất, lũ quét	<ul style="list-style-type: none"> - Ở các vùng có nguy cơ xảy ra cao về lũ quét, sạt lở đất (ven suối, ven sông, ven biển), khu vực có nguy cơ cao về sạt lở, sụt lún - Tham gia các hoạt động, di lại trong vùng có nguy cơ cao - Các tình huống khác 		<ul style="list-style-type: none"> - Sơ tán người dân ở các khu vực có nguy cơ hay bị sạt lở, khu vực ven suối có nguy cơ lũ quét đến nơi tránh trú an toàn - Ra lệnh cấm các hoạt động du lịch, trường học, ... qua khu vực đang hay có nguy cơ sạt lở - Xây dựng bản đồ phân vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất được sử dụng hiệu quả tại địa phương - Hướng dẫn xây dựng nhà an toàn - Quy hoạch, di dời ra khỏi vùng có nguy cơ cao - Tăng cường các biện pháp công trình: cảnh báo, quan

STT	Loại hình thiên tai gây ra	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
				<p>trắc, tường chắn, hệ thống thoát nước ngầm, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường biện pháp trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển - Chính sách đảm bảo sinh kế bền vững, bảo vệ rừng
4	Hạn hán, xâm nhập mặn	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sinh hoạt - Tác động gián tiếp từ việc thiếu nước thực, sinh kế, .. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp dự trữ nước ngọt: bể trữ, giếng, .. - Đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch - Khai thác nguồn nước khác - Cơ chế, chính sách bền vững
5	Nắng nóng, rét hại	<ul style="list-style-type: none"> - Không đảm bảo điều kiện phòng chống: nhà ở, quần áo và các biện pháp phòng chống khác 		<ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh nghỉ học khi không đảm bảo điều kiện trường lớp và nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao không có lợi cho sức khỏe - Cơ chế, chính sách bền vững - Hướng dẫn xây dựng nhà ở an toàn chống nóng, rét hại
6	Lốc, sét	<ul style="list-style-type: none"> - Ở nhà không đủ điều kiện an toàn - Hoạt động, đi lại khi có lốc, sét, mưa đá 		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống quan trắc, cảnh báo - Hướng dẫn người dân không ra ngoài khi có nguy cơ lốc, sét, mưa đá - Hướng dẫn xây dựng nhà an toàn

Bảng 6b. Phân tích nguyên nhân - hậu quả và biện pháp đảm bảo phát triển KTXH

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nông nghiệp	Cây lương thực, rau quả	<ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại do hầu hết các loại hình thiên tai gây ra - Mất mùa hoặc giảm năng suất và chất lượng sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> (1) củng cố hệ thống chỉ huy, chỉ đạo PCTT các cấp (2) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách PCTT (3) Tăng cường phương tiện, trang thiết bị trong quá trình ứng phó thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng - Nghiên cứu loại cây chống chịu với thiên tai - Thu hoạch sớm giảm thiểu thiệt hại - Các biện pháp kỹ thuật khác: quy hoạch nhà kính, nhà lưới, ...
	Cây công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại do bão, hạn hán - Mất mùa hoặc giảm năng suất và chất lượng sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> (4) Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo (5) Nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân, cán bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn loại cây phù hợp với đặc thù thiên tai từng vùng miền - Triển khai các biện pháp tưới tiết kiệm nước
	Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại do bão, hạn hán, nắng nóng - Ảnh hưởng tăng trưởng của rừng, bị phá hủy hoặc cháy rừng 	<ul style="list-style-type: none"> (6) Tham gia của các tổ chức, đoàn thể và toàn xã hội (7) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông (8) Hệ thống đánh giá thiệt hại và nhu cầu nhằm tăng cường nguồn lực từ bên ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường nguồn lực 4 tại chỗ trong xử lý cháy rừng do hạn hán, nắng nóng - Cơ chế chính sách phát triển và bảo vệ rừng - Xây dựng bản đồ rủi ro do nắng nóng và hạn hán phòng chống cháy rừng
	Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Thiệt hại do phần lớn các loại hình thiên tai gây ra 	<ul style="list-style-type: none"> (9) Chính sách hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai đảm 	<ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp đảm bảo an toàn cho gia súc, gia cầm khi có thiên tai: lũ lụt, rét hại, nắng nóng,

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
		- Làm chết, dịch bệnh làm giảm số lượng, chất lượng đàn	<p>bảo phục hồi sản xuất, kinh doanh liên tục</p> <p>(10) Phát triển hệ thống bảo hiểm PCTT cho các ngành</p> <p>(11) Đảm bảo nguồn lực tài chính để lồng ghép PCTT trong các ngành (giảm thiểu, phòng ngừa, phục hồi, tái thiết)</p> <p>(12) Đảm bảo nguồn lực xây dựng, sửa chữa các công trình PCTT (giảm thiểu)</p> <p>(13) Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế</p>	<p>thức ăn, chuồng trại, các biện pháp kỹ thuật khác</p>
	Thủy sản	<p>- Thiệt hại do bão, lũ, ngập lụt</p> <p>- Làm chết, dịch bệnh hoặc mất mùa do công trình nuôi bị phá hủy</p> <p>- Không khai thác đánh bắt được do thời gian nghỉ tránh thiên tai</p>		<p>- Lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, và thông tin quản lý tàu cá</p> <p>- Tổ chức thành các tổ đội hỗ trợ trên biển</p> <p>- Phát triển hậu cần nghề cá</p> <p>- Quy hoạch, xây dựng khu neo đậu tàu thuyền an toàn</p> <p>- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác thủy sản</p> <p>- Thực hiện các cam kết khu vực và quốc tế về phát triển thủy sản bền vững</p> <p>- Kiểm tra, giám sát các điều kiện an toàn khi khai thác, nuôi trồng thủy sản</p> <p>- Quy hoạch, phát triển khu nuôi trồng tập trung đảm bảo an toàn trước thiên tai</p> <p>- Thu hoạch sớm khi nhận được thông tin cảnh báo của thiên tai</p>
	Làng nghề	- Thiệt hại do hầu hết các loại hình thiên tai gây ra		- Tổ chức thành các hợp tác xã để chia sẻ thông tin về thiên tai

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
		- Đình trệ sản xuất hoặc ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; bị cuốn trôi, hỏng sản phẩm		- Biện pháp đảm bảo an toàn các sản phẩm sản xuất khi có thiên tai - Phát triển hệ thống cung cấp nguyên liệu và thu mua sản phẩm đảm bảo kinh doanh liên tục
Công nghiệp, thương mại	Sản xuất, lắp ráp	- Thiệt hại do bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở, sụt lún đất - Đình trệ sản xuất; sản phẩm kém chất lượng, chi phí tăng		- Tuân thủ các tiêu chuẩn xây dựng nhà xưởng chống bão, lũ, ngập lụt - Đảm bảo an toàn cháy nổ khi thiên tai xảy ra - Đảm bảo các biện pháp an toàn khác phục vụ kinh doanh liên tục
	Thương mại	- Thiệt hại do hầu hết các loại hình thiên tai gây ra - Lưu thông hàng hóa bị ảnh hưởng gây tác động đến hoạt động kinh doanh		- Biện pháp PCTT đảm bảo kinh doanh liên tục - Sử dụng các bản tin dự báo thiên tai dài hạn để có các biện pháp kinh doanh phù hợp
Du lịch		- Thiệt hại do hầu hết các loại hình thiên tai gây ra - Không thực hiện được các		- Theo dõi, đặt hàng với các cơ quan dự báo để được cung cấp các thông tin về thời tiết - Đảm bảo điều kiện an toàn cho người và

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
		tour đến vùng xảy ra thiên tai - Gia tăng rủi ro cho khách hàng, kế hoạch bị hủy		tài sản của khách du lịch
Tài nguyên, Môi trường		- Thiệt hại do hầu hết các loại hình thiên tai gây ra - Suy kiệt môi trường - Gia tăng thêm độ lớn của thiên tai		- Quản lý, khai thác tài nguyên không làm gia tăng hay trầm trọng hơn của thiên tai (khai thác cát, sử dụng nước, ...) - Biện pháp đảm bảo môi trường trong và sau thiên tai - Phát triển hệ thống quan trắc, đo đạc, giám sát khí tượng, thủy văn, hải văn phục vụ công tác dự báo, cảnh báo - Hệ thống bản đồ rủi ro lũ quét và sạt lở đất - Tính toán, cảnh báo sóng thần cho các khu vực có nguy cơ cao - Quy trình vận hành liên hồ chứa đảm bảo phòng chống lũ cho hạ du và an toàn công trình - Thực hiện chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu

Bảng 6c. Phân tích nguyên nhân - hậu quả và biện pháp an toàn cơ sở hạ tầng

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thiên tai, Thủy lợi	Hồ chứa	<ul style="list-style-type: none"> - Xói lở, sạt lở do mưa, lũ lớn, lũ quét, ... - Vỡ đập, vỡ đê, sập cống do lũ lớn - Hạn hán làm hệ thống bơm tưới không hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Củng cố hệ thống chỉ huy, chỉ đạo PCTT các cấp (2) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách PCTT (3) Tăng cường phương tiện, trang thiết bị trong quá trình ứng sự cố công trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, vận hành hồ chứa theo quy trình đã được các cơ quan chức năng ban hành - Lên các phương án xử lý sự cố công trình do thiên tai gây ra - Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hồ chứa (KTTV, công trình đập, thủy công, hạ lưu đập, tràn, ...) - Lắp đặt hệ thống cảnh báo an toàn hạ du khi xả lũ - Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du ứng với các kịch bản xả lũ và vỡ đập
	Đê/kè		<ul style="list-style-type: none"> (4) Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo (5) Nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân, cán bộ (6) Tham gia của các tổ chức, đoàn thể và toàn xã hội (7) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông (8) Hệ thống đánh giá thiệt hại và nhu cầu nhằm tăng 	<ul style="list-style-type: none"> - Lên các phương án xử lý sự cố công trình do thiên tai gây ra ứng với các cấp báo động khác nhau - Biện pháp xử lý giờ đầu huy động nguồn lực 4 tại chỗ - Vận hành công trình công dưới đê đảm bảo an toàn - Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hệ thống đê điều (quan sát, thiết bị giám sát, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái) - Phân cấp quản lý đê kiểu mẫu, dựa vào cộng đồng - Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến xử lý các sự cố công trình do thiên tai gây ra kết hợp với kiến thức bản địa, vật liệu địa phương, chi phí thấp

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
	Trạm bơm		<p>cường nguồn lực từ bên ngoài</p> <p>(9) Phát triển hệ thống bảo hiểm PCTT cho các công trình</p> <p>(10) Đảm bảo nguồn lực tài chính để lồng ghép PCTT trong các ngành (phòng ngừa, giảm thiểu, phục hồi và tái thiết)</p> <p>(11) Đảm bảo nguồn lực xây dựng, sửa chữa các công trình PCTT (giảm thiểu)</p> <p>(12) Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế</p>	<p>- Trồng cây chắn sóng, chống xói lở</p> <p>- Đảm bảo vận hành an toàn công trình trạm bơm theo quy trình khi có thiên tai</p> <p>- Kiểm tra hệ thống kênh dẫn, bể hút, công trình xả, máy bơm, hệ thống điện đủ đảm bảo điều kiện an toàn công trình trong quá trình PCTT</p> <p>- Lên các phương án xử lý an toàn khi có sự cố công trình</p>
	Kênh mương			<p>- Kiểm tra xói lở, thấm, các sự cố khác trong quá trình vận hành</p>
	Cống			<p>- Quản lý vận hành theo quy trình đảm bảo an toàn</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện kịp thời các sự cố rò rỉ, mạch đùn sùi, ... để xử lý kịp thời</p> <p>- Biện pháp “bịt khẩu” khi cống không đảm bảo an toàn vận hành</p>
Xây dựng	Trụ sở/cơ quan	<p>- Bị ảnh hưởng của bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, lốc, sét, sụt lún, động đất, sóng thần</p> <p>- Sập đổ, phá hủy, hư hỏng do thiên tai gây ra</p>		<p>- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng, vận hành công trình</p> <p>- Có biện pháp gia cố an toàn, hoặc chủ động làm sập đổ, ngừng hoạt động trước khi có thiên tai</p> <p>- Có phương án xử lý sự cố công trình do thiên tai gây ra</p>
	Công trình công cộng			

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
		- Gây nguy hiểm đến người dân và khu vực xung quanh		
Giao thông	Đường bộ	- Bị ảnh hưởng của bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún, lốc, sét, động đất, sóng thần - Bị phá hủy, hư hỏng, xuống cấp khi có mưa, lũ lớn, sạt lở đất, lũ quét, ... - Công trình nhà ga, sân bay bị hư hỏng như công trình xây dựng ở trên		- Đảm bảo cao trình, hệ thống tiêu thoát và các điều kiện kỹ thuật an toàn khác khi sử dụng - Phòng chống sạt lở 2 bên đường và xói lở tanuy âm - Sử dụng các vật liệu làm đường phù hợp với các điều kiện thiên tai của từng địa phương: nóng, ngập nước, dòng chảy lũ, ... - Hệ thống cầu trên đường, cống qua đường, cao trình đường không làm gia tăng nguy cơ lũ, úng ngập trong khu vực
	Đường sắt			- Biện pháp an toàn và phương án xử lý kịp thời chống xói lở do mưa, lũ, ... - Kết hợp với hệ thống cống gom nước để không làm gia tăng lũ, chênh lệch mực nước giữa 2 bên
	Đường thủy			- Biện pháp an toàn đường thủy khi có thiên tai: dừng không hoạt động, đưa vào chỗ neo đậu an toàn - Vận tải thủy không làm gia tăng xói lở hệ thống đê điều - Các công trình chỉnh trị kết hợp công trình bảo vệ đê điều
	Đường hàng không			- Công trình nhà ga sân bay giống công trình xây dựng

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
				- Công trình đường băng tính toán để tránh ngập lụt.
Năng lượng	Hồ thủy điện	Nguy cơ mất an toàn khi vận hành công trình		Cũng giống như các hồ chứa thủy lợi đề cập ở trên
	Mạng lưới truyền tải điện	- Bị ảnh hưởng của bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, sụt lún, lốc, sét - Bị gây đổ, cháy nổ, gián đoạn hệ thống cung cấp điện		- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng hệ thống - Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý sự cố công trình khi thiên tai gây ra - Đảm bảo an toàn khi công trình gặp sự cố
Thông tin, truyền thông	Hệ thống thông tin, truyền thông, viễn thông	- Bị ảnh hưởng của bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, sụt lún, lốc, sét - Bị gây đổ, cháy nổ, gián đoạn hệ thống thông tin		- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng hệ thống - Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý sự cố công trình đảm bảo hệ thống thông tin không bị gián đoạn
Môi trường	Công trình xử lý môi trường	- Do bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, sụt lún - Bị phá hủy, hỏng, gián đoạn xử lý môi trường		- Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng hệ thống xử lý - Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý sự cố môi trường khi công trình không hoạt động

Các ngành	Lĩnh vực	Nguyên nhân – hậu quả	Biện pháp chung	Biện pháp cụ thể
Cấp/ thoát nước	Công trình cấp nước	- Do lũ, ngập lụt, mưa lớn - Bị phá hủy, hỏng, gián đoạn việc cấp nước, tiêu thoát nước đô thị làm trầm trọng hơn ngập lụt		- Phương án đảm bảo hệ thống hoạt động trong suốt quá trình diễn ra thiên tai - Thông tin, truyền thông sử dụng nước tiết kiệm và đảm bảo vệ sinh nguồn nước ngay trước, trong và sau thiên tai
	Công trình tiêu nước đô thị			- Xây dựng và vận hành công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật - Có phương án khi hệ thống tiêu, trạm bơm gặp sự cố, đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước làm việc liên tục - Giám sát, theo dõi và cảnh báo các nguy cơ mất an toàn cho người tham gia giao thông qua hệ thống thoát nước mất an toàn

Bảng 7. Kế hoạch thực hiện các biện pháp phi công trình

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		
I. Kiện toàn bộ máy, tổ chức, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách								
Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	Thành lập một tổ chức quản lý nhà nước cao nhất tại địa phương chỉ đạo điều hành công tác PCTT và TKCN	- Danh sách thành viên Ban - Giao nhiệm vụ cho Ban	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan			
Quyết định phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh	Giao trách nhiệm của cá nhân và đơn vị ngành phụ trách trong công tác PCTT	- Huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức liên quan trong toàn xã hội - Trách nhiệm của toàn xã hội - Giảm thiểu thiệt hại về người và KTXH trên toàn tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan			
Thành lập Quỹ PCTT và Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ	Thực hiện Nghị định 94/2014/NĐ-CP quy định về thành lập và quản lý quỹ PCTT	Đề chi hỗ trợ các hoạt động PCTT bao gồm các hỗ trợ về phòng ngừa, ứng phó và cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai	UBND tỉnh	Sở NN & PTNT	Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và UBND các			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
					huyện/Thị xã/ Thành phố			
Chính sách hỗ trợ phục hồi sau thiên tai	Rà soát chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở PCTT	Các hộ nghèo được hỗ trợ tiền mặt và vay vốn từ ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng nhà ở chống bão, lũ Các tỉnh chủ động bố trí kinh phí thực hiện	UBND	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan			
Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Thực hiện Nghị định 02/2017/NĐ- CP	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của các loại hình thiên tai	Chính phủ	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan			
Chính sách hỗ trợ di dời, sắp xếp bố trí lại dân cư	Thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 về phê duyệt chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, Đặc biệt khó khăn, Biên giới,	Các tỉnh rà soát và bố trí kinh phí của tỉnh với sự hỗ trợ của TƯ để thực hiện	UBND	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
	Hải đảo, Di cư tự do, Khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020							
Chính sách bảo hiểm ứng phó với rủi ro thiên tai	Chương trình thí điểm (2011-2013) bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg	Đánh giá chương trình thực hiện tại địa phương để triển khai tiếp theo nhằm chia sẻ các rủi ro, chủ động PCTT	UBND	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan			
II. Tăng cường năng lực cho hệ thống phòng chống thiên tai								
Thực hiện Đề án 1002	Phấn đấu đạt các mục tiêu của Đề án	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ về quản lý thiên tai cho đội ngũ cán bộ làm công tác PCTT	UBND	Sở NN & PTNT, Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, UBND các cấp			
Tăng cường nguồn lực cán bộ chuyên trách làm công tác PCTT	Đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ	- Thành lập một cơ quan chuyên trách PCTT cấp tỉnh và cán bộ chuyên trách ở cấp dưới - Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cán bộ làm công tác PCTT	UBND	Sở NN & PTNT	Sở Nội vụ			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
Đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng BCH PCTT và TKCN các cấp, các ngành	Có điều kiện tốt hơn để tham mưu cho Ban chỉ huy thực hiện nhiệm vụ với diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai	Bao gồm: Trụ sở làm việc, trang thiết bị họp trực tuyến, trang thiết bị văn phòng, phương tiện (ô tô), vật tư, trang thiết bị (đảm bảo nguồn lực 4 tại chỗ)	UBND	Văn phòng Thường trực	Sở Tài chính			
Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng tìm kiếm, cứu nạn	Đảm bảo tính chuyên nghiệp đáp ứng hoạt động cứu hộ, cứu nạn	- Nâng cao năng lực của lực lượng nòng cốt và sự phối hợp với các tổ chức liên quan - Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ	UBND	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh	Sở Tài chính, hỗ trợ của các Bộ liên quan, UBND các cấp			
Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT và TKCN	Đảm bảo thông suốt trong quá trình ứng phó thiên tai của Ban chỉ huy các cấp	- Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc tại Văn phòng Ban chỉ huy các cấp - Đảm bảo thông tin trên các phương tiện truyền thông, internet được liên tục	UBND	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở ngành liên quan và UBND các cấp			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
Cơ chế phối hợp giữa cơ quan Ban chỉ huy với các Tổ chức chính trị, xã hội	Xây dựng một xã hội PCTT bao gồm cả các tổ chức: UB Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ, Chữ thập đỏ, ...tham gia PCTT	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Đề án 1002 - Tham gia trong quá trình ứng phó thiên tai - Kêu gọi, quản lý, thực hiện chương trình hỗ trợ, vận động của các tổ chức trong và ngoài nước 	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy các cấp	Các Tổ chức			
III. Lập, rà soát và thực hiện các phương án, kế hoạch, quy hoạch								
Phương án ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai	Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, chỉ huy giữa các cấp, phối hợp toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội tham gia PCTT	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các phương án ứng phó với từng cấp độ rủi ro của từng loại hình thiên tai - Có phương án huy động nguồn lực của các ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân, ... 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã, các tổ chức			
Kế hoạch PCTT 5 năm và thực hiện hàng năm	Giảm thiểu được thiệt hại về người, KTXH và cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các biện pháp phòng chống thiên. - Xác định các nguồn lực và trách nhiệm thực hiện của các đơn vị liên quan. - Nâng cao nhận thức của cả hệ thống PCTT. 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
Kế hoạch Ứng phó với biến đổi khí hậu	Giảm thiểu tác động của BĐKH	- Đưa ra các biện pháp ứng phó và giảm thiểu BĐKH. - Xác định các nguồn lực và trách nhiệm thực hiện của các đơn vị liên quan. - Nâng cao nhận thức của cộng đồng .	UBND	Sở TN & MT	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, xã			
Kế hoạch Tìm kiếm cứu nạn	Cùng với cơ quan Ban chỉ huy giảm thiểu thiệt hại về người và kinh tế	- Xác định các nguồn lực và trách nhiệm thực hiện của các đơn vị liên quan. - Bổ sung các trang thiết bị, phương tiện tìm kiếm cứu nạn.	UBND	Ban chỉ huy PCTT và KCN	Các sở, ngành có thành viên Ban chỉ huy và các huyện			
Lập, rà soát bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Xác định các vị trí rủi ro để đưa ra các biện pháp ứng phó phù hợp	- Bản đồ nguy cơ rủi ro do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, ... - Xác định các vùng có nguy cơ tổn thương cao, các đối tượng dễ bị tổn thương để có giải pháp.	UBND	Sở TN & MT, Sở NN&PTNT	Các Sở, ngành liên quan và UBND huyện, xã			
Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ, quy	Phòng chống nguy cơ lũ, lụt, chống hạn.	- Đề xuất các biện pháp phi công trình và công trình áp dụng trong vùng ngập lũ, vùng ảnh hưởng của lũ, hạn hán. - Căn cứ để lập các quy hoạch đề sông.	UBND	Sở NN&PTNT	Sở ngành liên quan, UBND các huyện			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
hoạch thủy lợi								
Quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển	Phòng chống nguy cơ lũ lụt từ sông và ngập lụt khu vực ven biển.	- Đảm bảo an toàn khu vực được bảo vệ nằm trong lưu vực sông hoặc vùng trũng ven biển. - Đảm bảo cuộc sống ổn định, phát triển kinh tế an toàn trong khu vực .	Chính phủ, Bộ NN & PTNT	Sở NN&PTNT	Sở ngành liên quan, UBND các huyện			
Rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất	Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất gắn với PCTT	- Xác định quy hoạch sử dụng đất của các ngành và tác động của thiên tai trong quá trình sử dụng, phát triển. - Có các biện pháp phòng chống phù hợp cho các ngành.	UBND	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở ngành liên quan, UBND các huyện			
Rà soát, bổ sung quy hoạch cơ sở hạ tầng một số ngành nằm trong khu vực ảnh hưởng của thiên tai	Giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành trong việc đầu tư xây dựng mới cũng như quản lý vận hành	- Đánh giá tác động của thiên tai để xác định vị trí, quy mô, ... công trình phù hợp và có giải pháp giảm thiểu tác động. - Quy hoạch xây dựng, giao thông, thủy lợi, ... lồng ghép nội dung PCTT.	UBND	Sở NN&PTNT, Xây dựng, Giao thông, Xây dựng, Công thương, Thông tin truyền thông, ... (tùy thuộc vào cơ sở hạ tầng nào)	Sở ngành liên quan, UBND các huyện			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
IV. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh								
Đầu tư nâng cấp cơ quan khí tượng thủy văn	Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo của Đài KTTV khu vực và Trung tâm KTTV tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện đại hóa và bổ sung mạng lưới quan trắc về khí tượng – thủy văn. - Cảnh báo có độ tin cậy cao hơn về mưa, lũ, ... - Dự báo thời gian dài về hạn hán, nguồn nước, ... - Phát triển cơ sở dữ liệu quan trắc và tra cứu hiệu quả các bản tin dự báo. - Bổ sung các trang thiết bị, máy móc, các phần mềm và nhân lực chất lượng cao cho Đài khu vực và Đài tỉnh. 	Bộ TNMT	Đài KTTV tỉnh	Đài KTTV Khu vực			
Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn	Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo PCTT	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt bổ sung các trạm đo KTTV tại các khu vực có nhu cầu để chia sẻ thông tin dữ liệu. - Đầu tư một số trạm đo, quan trắc, giám sát riêng biệt: mặn, sạt lở đất, sét, ... - Chia sẻ, cung cấp các thông tin dự báo với các đơn vị chuyên môn để phục vụ công tác điều hành quản lý đặc biệt điều hành hồ chứa, liên hồ chứa, phòng tránh lũ quét, sạt lở đất. 	UBND	Đài KTTV tỉnh	Đài KTTV Khu vực			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
V. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng								
Triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Nâng cao nhận thức và cung cấp kiến thức cho cán bộ và người dân phòng tránh và giảm thiểu rủi ro thiên tai có sự tham gia của cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch thực hiện Đề án. - Phê duyệt đội ngũ TOT cấp tỉnh. - Đào tạo đội ngũ TOT cấp dưới. - Thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã và tiến hành đánh giá, xây dựng kế hoạch PCTT cho xã. - Đưa nội dung PCTT lồng ghép vào chương trình của các cấp học. - Tổ chức các hoạt động liên quan khác (diễn tập, ...). - Xây dựng các dự án quy mô nhỏ ở cấp cộng đồng . 	UBND	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, xã, các cơ quan liên quan			
Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của tỉnh	Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các chương trình truyền thông để đưa lên sóng phát thanh, vào các trường học, ... - Tuyên truyền nâng cao ý thức phòng tránh và chủ động đối phó với thiên tai - Mua sắm, lắp đặt hệ thống truyền thông cấp xã 	UBND	Đài Phát thanh và Truyền hình	Các cơ quan liên quan, UBND các huyện, xã			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		
						Năm 1	Năm 2	...
VI. Chương trình trồng và bảo vệ rừng								
Trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển	Bảo vệ dân cư, chắn gió, giảm áp lực bão đối với đất liền	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành trồng mới rừng tại khu vực có khả năng trồng được. - Quản lý khu vực đã được trồng rừng kết hợp bảo vệ sinh thái đảm bảo bền vững. 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			
Trồng rừng đầu nguồn	Bảo vệ đất, chống xói lở, tăng cường hệ sinh thái, môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh vùng, xác định rừng bảo vệ, khai thác, lập dữ liệu quản lý. - Trồng mới, bổ sung diện tích rừng theo quy hoạch. 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			
Bảo vệ rừng	Phòng tránh thiệt hại giảm diện tích rừng do thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Lên phương án, chuẩn bị 4 tại chỗ phòng chống cháy rừng - Quản lý, khai thác, bảo vệ rừng hợp lý 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			

Lưu ý: các nội dung trên chỉ mang tính tham khảo, địa phương lược bỏ/bổ sung các nội dung có liên quan khác đang và sẽ thực hiện tại địa phương

Bảng 8: Kế hoạch thực hiện các biện pháp công trình

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện và nguồn vốn		
						Năm 1	Năm 2	...
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		
I. Đầu tư, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, công trình thủy lợi								
Xây dựng, củng cố, nâng cấp hồ chứa thủy lợi	Giảm lượng lũ cho hạ du kết hợp đa mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để chống lũ cho hạ du vào mùa lũ - Đảm bảo lượng nước sinh hoạt, phát triển KTXH cho hạ du mùa kiệt - Vận hành hồ chứa theo quy trình đã được cơ quan chức năng ban hành 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan			
Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè	Phòng chống lũ sông và các tác động từ biển; phòng chống xói lở, xâm thực	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình nâng cấp đê sông, đê biển đã được phê duyệt - Tiến hành quản lý hệ thống đê an toàn - Phương án xử lý sự cố đê điều theo phương châm giờ đầu, 4 tại chỗ 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			
Hệ thống trạm bơm, kênh, cống	Phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại do lũ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, nâng cấp hệ thống đảm bảo PCTT - Quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống 	UBND	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan,			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện và nguồn vốn		
						Năm 1	Năm 2	...
	lụt, hạn hán gây ra	- Lên phương án xử lý sự cố, chuẩn bị 4 tại chỗ			UBND các huyện, xã			
Hệ thống cảnh báo	Thông báo cho người dân phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra	- Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai	UBND	Sở NN&PTNT, Sở TNMT, Ban Quản lý hồ chứa	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			
Công trình tường, kè, thoát nước mưa	Phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất	- Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất - Xây dựng hệ thống tường kè, thoát nước khu vực đông dân cư, công trình hạ tầng quan trọng để chống sạt lở đất	UBND	Sở NN&PTNT, Sở TNMT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			
II. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai								
Xây dựng, nâng cấp nhà ở PCTT cho các hộ nghèo	Đảm bảo các tiêu chuẩn PCTT như bão, lũ, lụt	- Đảm bảo tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai của các công trình xây dựng	UBND	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan, UBND các			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện và nguồn vốn		
						Năm 1	Năm 2	...
		<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn mô hình, mẫu nhà trong các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà khác do các tổ chức, cá nhân trong địa bàn thực hiện - Quy hoạch, bố trí vị trí xây dựng nhà ở an toàn - Hỗ trợ về tài chính, các chính sách khác cho người dân 			huyện, xã, các tổ chức chính trị, xã hội			
Chương trình tái định cư, sắp xếp lại nơi ở mới	Đảm bảo an toàn cho khu dân cư sống trong vùng có nguy cơ rủi ro cao của thiên tai đến chỗ ở mới và thuận lợi trong sinh kế	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch, bố trí vị trí xây dựng nhà ở an toàn - Hỗ trợ về tài chính, các chính sách khác cho người dân: Quyết định số 1776/QĐ- TTg ngày 21/11/ 2012 về phê duyệt chương trình Bố trí dân cư vùng thiên tai - Đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân và các nhu cầu dịch vụ tối thiểu cho người dân 	UBND	Sở NN & PTNT, Sở XD	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			
Trụ sở, cơ quan, các công trình công cộng xây dựng	Đảm bảo điều kiện an toàn cho người dân trong vùng	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn xây dựng an toàn trước thiên tai 	UBND	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan,			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện và nguồn vốn		
						Năm 1	Năm 2	...
đảm bảo an toàn trước thiên tai và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn	tránh trú khi có thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp đa mục tiêu sử dụng có công năng tránh trú an toàn cho cộng đồng và các điều kiện sinh hoạt tối thiểu khi có thiên tai lớn xảy ra - Có phương án để xử lý sự cố công trình khi có thiên tai gây ra 			UBND các huyện, xã			
III. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai								
Xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông kết hợp PCTT	Đảm bảo điều kiện đi lại an toàn và cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao tần suất thiết kế chống lũ và các tiêu chuẩn khác của hệ thống đường giao đảm bảo an toàn trước thiên tai - Nâng cao trình độ đường đủ để kết hợp với đường di tản, vượt lũ an toàn cũng như cứu hộ, cứu nạn cho khu dân cư vùng lũ - Hệ thống đường kết hợp cầu giao thông bố trí các khẩu độ và vị trí cống, cầu phù hợp không làm gia tăng lũ - Hệ thống tường, kè chống sạt lở; hệ thống biển báo khu vực nguy hiểm có nguy cơ sạt lở 	UBND	Sở Giao thông	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện và nguồn vốn		
						Năm 1	Năm 2	...
Hệ thống giao thông thủy nội địa lồng ghép PCTT	Đảm bảo an toàn và kết hợp PCTT	- Đảm bảo giao thông thủy kết hợp cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ - Công trình đường thủy không làm gia tăng rủi ro mà còn kết hợp chính trị, an toàn cho hệ thống đê điều	UBND	Sở Giao thông	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, xã			
IV. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước								
Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt có tính đến yếu tố PCTT	Cấp nước phục vụ nhu cầu tăng cao khi xảy ra hạn hán	- Tính toán nhu cầu thực tế lượng nước cần và khả năng của nguồn nước trong điều kiện bình thường để có phương án thiếu nước sạch khi hạn hán - Đối với khu vực nông thôn chưa có hệ thống cấp nước tập trung phải xem xét trữ lượng nước ngọt (nước mặt và nước ngầm) và có phương án cung cấp đủ nước sạch cho người dân khi xảy ra thiên tai	UBND	Sở NN & PTNT, Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan			
Chương trình chống ngập cho thành phố, khu đô thị, khu tập trung dân	Nâng cao khả năng tiêu thoát chống úng ngập cho khu vực đô thị, khu dân	- Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm chống ngập cho khu vực - Xây dựng hệ thống tiêu thoát trong nội đô kết hợp hệ thống kênh tiêu, trạm bơm	UBND	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện và nguồn vốn		
						Năm 1	Năm 2	...
cur, khu công nghiệp, kinh tế, chính trị	cur tập trung, khu kinh tế, chính trị	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí không gian công cộng có năng lực trữ nước mưa - Hệ thống đê, công kết hợp chống lũ, triều cường - Quy hoạch, bố trí khu vực tránh rủi ro cao của các loại hình thiên tai như: lũ, ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, ... 						
V. Công trình neo đậu tàu thuyền tránh trú bão								
Xây dựng các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú thiên tai	Đảm bảo an toàn cho tàu, thuyền các loại tránh trú an toàn khi có bão trên biển	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn vị trí quy hoạch, xây dựng kiên cố đảm bảo an toàn cho tàu thuyền khi vào tránh trú - Xác định số lượng, công suất tàu, thời gian di chuyển, sắp xếp, bố trí, ... để có các phương án quản lý hợp lý - Lắp đặt hệ thống cảnh báo tại khu neo đậu để người dân biết, chủ động phòng tránh 	UBND	Sở NN & PTNT	Các sở, ngành liên quan			
VI. Công trình hồ thủy điện								
Rà soát, điều chỉnh mục tiêu của các	Tham gia PCTT cho hạ du	- Điều chỉnh mục tiêu và quy trình hồ chứa thủy điện để hài hòa với mục tiêu phòng chống lũ cho hạ du	UBND	Sở Công thương	Các sở, ngành liên quan			

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung mong đợi	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện và nguồn vốn		
						Năm 1	Năm 2	...
công trình hồ thủy điện		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bản đồ ngập lụt cho hạ du ứng với các kịch bản xả lũ của hồ chứa - Lắp đặt hệ thống báo động, cảnh báo cho người dân hạ du 						
VII. Công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo sớm								
Lắp đặt bổ sung các công trình đo đạc KTTV, giám sát và cảnh báo thiên tai – hệ thống dùng riêng trên địa bàn tỉnh	Dự báo và cảnh báo sớm	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung các trạm đo mưa, đo mực nước trên các lưu vực trên địa bàn tỉnh - Lắp đặt hệ thống giám sát, cảnh báo tại các công trình bị tác động hay có tác động đến thiên tai: hồ chứa, đê điều, ... 	UBND	Sở Tài nguyên và MT Chủ các hồ chứa	Các sở, ngành liên quan			

Lưu ý: các nội dung trên chỉ mang tính tham khảo, địa phương lược bỏ/bổ sung các nội dung có liên quan khác đang và sẽ thực hiện tại địa phương

Bảng 9. Lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế

TT	Giải pháp	Ngành, Lĩnh vực	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
			Địa phương	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà an toàn PCTT	XD, NN & PTNT	Liệt kê các Quyết định tại địa phương	Chương trình 135 (đến năm 2010), 134 (2006); Nghị quyết 30a; QĐ hỗ trợ xây dựng nhà an toàn PCTT
2	Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng	XD, GT, TL, CT, TTTT	Liệt kê các dự án an toàn hồ chứa; dự án đường giao thông kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn; xây dựng ...	Chỉnh sửa, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong xây dựng, giao thông, thủy lợi, ...
3	Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai	NN & PTNT, XD	Liệt kê các dự án lồng ghép trong quy hoạch bố trí dân cư tại địa phương	Quyết định 1776/ 2012/QĐ-TTg Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai; 1548/ 2001/QĐ-TTg, 1998/2010/QĐ-TTg đầu tư tôn nền vượt lũ ĐBSCL
4	Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn PCTT	PCTT, các tổ chức liên quan	Thực hiện chương trình 1002 và lồng ghép trong các chương trình khác tại địa phương	Chương trình 1002; chương trình nâng cao nhận thức ứng phó với BĐKH
5	Chính sách về bảo hiểm liên quan đến PCTT	TC	Liệt kê các quyết định thực hiện các chính sách có liên quan tại địa phương	Bảo hiểm nông nghiệp, ...

TT	Giải pháp	Ngành, Lĩnh vực	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
			Địa phương	Trung ương
6	Nâng cấp các công trình PCTT: hồ chứa, đê điều, trạm bơm	TL, PCTT	Liệt kê các dự án lồng ghép của lĩnh vực thủy lợi tại địa phương	Các chương trình nâng cấp đê sông, đê biển, hồ chứa
7	Nâng cao trình cốt xây dựng; xây dựng nhà kết hợp PCTT an toàn	XD	Liệt kê các dự án lồng ghép với ngành xây dựng	
8	Khởi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ	NN & PTNT, GT, TNMT	Liệt kê các dự án lồng ghép với ngành giao thông	
9	Tăng cường biện pháp trồng, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn	NN & PTNT, tổ chức có liên quan	Liệt kê các dự án lồng ghép với lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương	Chính sách phát triển, bảo vệ rừng
10	Nâng cấp hệ thống trường học	GD	Liệt kê các dự án lồng ghép với ngành giáo dục tại địa phương	
11	Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn	QP, CA	Các dự án lồng ghép mua sắm của ngành gắn với an ninh quốc phòng	
12	Đầu tư, tăng cường trang thiết bị thông tin, truyền thông	TTTT	Các dự án lồng ghép phát triển ngành	
13	Nâng cao chất lượng bản tin dự báo, cảnh báo	KTTV	Lồng ghép phục vụ PCTT, phát triển KTXH và an ninh quốc phòng	
14	Đầu tư cơ sở vật chất của Văn phòng Ban chỉ huy PCTT các cấp	NN	Lồng ghép các dự án trong chương trình mục tiêu nông thôn mới; các dự án ODA; tài trợ tự các tổ chức quốc tế	
15	Nâng cao nhận thức của giáo viên và học sinh	GD	Đưa nội dung PCTT vào các trường phổ thông	Thực hiện Đề án 1002
16	Cơ chế hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương	LĐTBXH	Lồng ghép các chương trình tại địa phương	

TT	Giải pháp	Ngành, Lĩnh vực	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
			Địa phương	Trung ương
17	Hướng dẫn thực hiện lồng ghép	KHĐT	Áp dụng cho các ngành liên quan	Thông tư 05

Ghi chú: NN&PTNT: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, XD; xây dựng, GT: giao thông, TNMT: tài nguyên và môi trường, GD: giáo dục, PCTT: phòng chống thiên tai, TC: tài chính, KHĐT, CT: công thương; QP; quốc phòng; CA: công an; TTTT: thông tin, truyền thông, LDTBXH: Lao động, thương binh, xã hội.

Các nội dung trên chỉ mang tính tham khảo, địa phương lược bỏ/bổ sung các nội dung có liên quan khác đang và sẽ thực hiện tại địa phương

Bảng 10. Lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế, xã hội

Ngành, lĩnh vực	Giải pháp	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
		Địa phương	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, nông thôn mới	Chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất	Các Quyết định thực hiện tại địa phương	Nghị định 02/2017/NĐ-CP, ...
	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Các quyết định quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển loại cây trồng phù hợp	
	Thay đổi loại cây trồng chống chịu với thiên tai		Nghiên cứu các loại cây trồng có khả năng chống chịu với mặn, ngập lũ, ...
	Phát triển nông nghiệp xanh, sạch	Lồng ghép ứng phó với thiên tai	
	Tưới tiết kiệm nước	Phát triển các dự án thủy lợi chống hạn	
	Chính sách phát triển, bảo vệ rừng	Phát triển kinh tế lồng ghép PCTT	Chính sách phát triển rừng bền vững
	Lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát thông tin nghề cá	Phát triển sản lượng đánh bắt lồng ghép với PCTT	
	Quy hoạch xây dựng khu cảng cá kết hợp neo đậu tàu thuyền PCTT	Liệt kê các dự án tại địa phương	Quy hoạch xây dựng khu neo đậu tàu, thuyền

Ngành, lĩnh vực	Giải pháp	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
		Địa phương	Trung ương
	Phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung đảm bảo an toàn trước thiên tai	Lắp đặt hệ thống giám sát lồng ghép cảnh báo thiên tai	
	Xây dựng nông thôn mới đảm bảo tiêu chí PCTT	Các dự án xây dựng nông thôn mới có liên quan đến PCTT tại địa phương	Chương trình mục tiêu quốc gia
Công nghiệp, thương mại, du lịch	Duy trì hệ thống sản xuất, kinh doanh liên tục	Tạo các chuỗi liên kết, khu vực đảm bảo kinh doanh liên tục PCTT	Quy hoạch các khu công nghiệp có năng lực PCTT
	Nâng cao tiêu chuẩn nhà xưởng có khả năng chống chịu với các hiện tượng cực đoan của thời tiết	Các quy định kiểm tra, giám sát an toàn trong xây dựng tại địa phương	Tiêu chuẩn xây dựng
	Đảm bảo an toàn công nghiệp khai khoáng trước thiên tai	Các quy định an toàn PCTT tại địa phương	Tiêu chuẩn xây dựng
	Sử dụng các bản dự báo trung và dài hạn để giảm chi phí kinh doanh, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra	Các dự án ký kết giữa ngành Công Thương, Du lịch, ... với ngành KTTV	Cơ chế, chính sách trong thương mại hóa các bản tin dự báo thiên tai
	Chương trình nâng cao kiến thức, nhận thức về thiên tai của Cộng đồng doanh nghiệp	Lồng ghép tại địa phương	Lồng ghép thực hiện giữa Bộ NN & PTNT với VCCI
Tài nguyên, môi trường	Quản lý, khai thác tài nguyên không làm trầm trọng hơn tác động của thiên tai (khai thác cát, sử dụng nước, ...)	Giám sát khai thác cát, các dự án chuyển nước, sử dụng nguồn nước bất hợp lý	Chính sách, quyết định, chỉ thị thực hiện việc lồng ghép
	Phát triển hệ thống đo đạc giám sát KTTV phục vụ PCTT	Xã hội hóa, tư nhân hóa hệ thống quan trắc để chia sẻ dữ liệu	Thực hiện việc cấp phép, kiểm tra, giám sát
	Thực hiện Chiến lược quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu	Lồng ghép PCTT tại địa phương	Lồng ghép PCTT

Các nội dung trên chỉ mang tính tham khảo, địa phương lược bỏ/bổ sung các nội dung có liên quan khác đang và sẽ thực hiện tại địa phương.

Bảng 11. Lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến cơ sở hạ tầng

Ngành, lĩnh vực	Giải pháp	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
		Địa phương	Trung ương
Phòng chống thiên tai, Thủy lợi	Phương án xử lý sự cố công trình PCTT, công trình thủy lợi	Phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai tại địa phương	
	Nâng cấp an toàn các công trình đảm bảo PCTT	Các dự án thực hiện tại địa phương theo các chương trình kết hợp giao thông, du lịch, chỉnh trang đô thị, ...	Dự án quốc tế, Chương trình nâng cấp các công trình
	Xây dựng bản đồ ngập lụt		Lồng ghép trong các dự án nâng cấp, sửa chữa
	Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn công trình		Lồng ghép các dự án áp dụng công nghệ khoa học
Xây dựng	Đảm bảo an toàn công trình xây dựng và kết hợp PCTT	Lồng ghép các khu tránh trú an toàn	
	Chương trình tái định cư, sắp xếp lại nơi ở mới	Lồng ghép tái định cư đảm bảo sinh kế với PCTT	QĐ 1776/QĐ-TTg chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai
	Nâng cấp công trình cấp, thoát nước cho khu vực đô thị, công nghiệp, kinh tế, chính trị quan trọng	Lồng ghép PCTT	
Giao thông	Xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông kết hợp PCTT	Lồng ghép công trình giao thông kết hợp cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra	
	Hệ thống giao thông thủy nội địa lồng ghép PCTT	Giao thông thủy kết hợp với khu neo đậu tàu thuyền, bến cảng, cứu hộ, cứu nạn	
Công thương	Công trình hồ thủy điện bố trí dung tích phòng lũ	Kết hợp đa mục tiêu	
Thông tin, truyền thông	Đầu tư, tăng cường trang thiết bị thông tin, truyền thông phát triển KT-XH lồng ghép PCTT		

Các nội dung trên chỉ mang tính tham khảo, địa phương lược bỏ/bổ sung các nội dung có liên quan khác đang và sẽ thực hiện tại địa phương.

Bảng 12. Tổng hợp nội dung lồng ghép phòng chống thiên tai trong các ngành

Ngành	Lĩnh vực	Nội dung lồng ghép
(1)	(2)	(3)
Nông nghiệp và PTNT	Nông nghiệp, chăn nuôi	Chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất
		Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
		Phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với khả năng chống chịu thiên tai
		Các biện pháp lồng ghép đảm bảo sức khỏe, an toàn vật nuôi
	Thủy sản	Lắp đặt hệ thống theo dõi giám sát nghề cá
		Quy hoạch lồng ghép phát triển các cảng cá kết hợp khu neo đậu tàu thuyền PCTT
	Lâm nghiệp	Các biện pháp phát triển, bảo vệ rừng đầu nguồn và ngập mặn
	Phát triển nông thôn	Di dời ra khỏi vùng có nguy cơ rủi ro cao của thiên tai
		Lồng ghép các dự án nông thôn mới đảm bảo yếu tố an toàn PCTT tại chỗ
	PCTT, thủy lợi	Đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường năng lực cho đội ngũ làm công tác PCTT lồng ghép vào các dự án phát triển ngành tại địa phương
		Hệ thống đo đạc, giám sát, cảnh báo an toàn công trình
		Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình thủy lợi, PCTT
		Nâng cao nhận thức và kiến thức cho cán bộ làm công tác PCTT, người dân, cộng đồng doanh nghiệp
Công thương	Công nghiệp, thương mại	Duy trì hệ thống kinh doanh liên tục thể hiện trong các dự án quy hoạch các khu công nghiệp tập trung
	Năng lượng	Điều chỉnh mục tiêu hồ thủy điện để bố trí dung tích phòng lũ cho hạ du
Xây dựng		Nâng cao cốt xây dựng phòng chống thiên
		Kết hợp các công trình công cộng tránh trú an toàn
		Các dự án tái định cư, sắp xếp dân cư lồng ghép PCTT

Ngành	Lĩnh vực	Nội dung lồng ghép
(1)	(2)	(3)
		Nâng cấp các công trình cấp, tiêu thoát nước đô thị lồng ghép PCTT
Giao thông		Công trình đường giao thông nông thôn kết hợp với cứu nạn
		Đảm bảo giao thông thủy kết hợp thoát lũ
Tài nguyên và Môi trường	KTTV	Nâng cao chất lượng các bản tin dự báo vừa phục vụ phát triển KTXH, an ninh quốc phòng và PCTT
		Phát triển hệ thống đo đạc giám sát thời tiết của một số ngành dùng riêng được chia sẻ với cơ quan KTTV phục vụ công tác PCTT
	BĐKH	Các dự án trong Chiến lược quốc gia ứng phó với BĐKH có tính đến yếu tố thiên tai
Thông tin, truyền thông		Đầu tư, tăng cường trang thiết bị thông tin, truyền thông trong nhiệm vụ KT-XH lồng ghép PCTT
Giáo dục, Lao động thương binh xã hội		Nâng cấp các trường học đảm bảo an toàn PCTT và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn
		Lồng ghép nội dung PCTT vào chương trình đào tạo các cấp học; chương trình dạy bơi cho học sinh
Quốc phòng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện đảm bảo an ninh, quốc phòng gắn với nhiệm vụ cứu hộ cứu nạn
	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng	
Công An	Công An tỉnh, PCCC	
Kế hoạch và Đầu tư		Hướng dẫn các ngành lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch ngành
		Cân đối ngân sách thực hiện các dự án lồng ghép
Tài chính		Chính sách bảo hiểm trong thiên tai
		Cấp kinh phí thực hiện các dự án lồng ghép ưu tiên

Ngành	Lĩnh vực	Nội dung lồng ghép
(1)	(2)	(3)
Nội dung chung cho các ngành	QH, KH	Rà soát quy hoạch, kế hoạch ngành, bố trí nguồn lực để thực hiện nội dung lồng ghép và thực hiện các dự án lồng ghép
	Tăng cường năng lực	Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ, người dân của ngành, lĩnh vực phụ trách về lồng ghép nội dung PCTT
	CSHT	Phương án xử lý sự cố công trình, cứu hộ cứu nạn có lồng ghép nội dung ứng phó thiên tai
		Nâng cao tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn công trình có tính đến yếu tố PCTT

Ghi chú: CSHT: cơ sở hạ tầng; PCCC: phòng cháy chữa cháy, QH: quy hoạch, KH: kế hoạch; KTTV: khí tượng thủy văn; BĐKH: biến đổi khí hậu.

Các nội dung trên chỉ mang tính tham khảo, địa phương lược bỏ/bổ sung các nội dung có liên quan khác đang và sẽ thực hiện tại địa phương.

PHỤ LỤC PL 3**GIỚI THIỆU KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
HUYỆN NAM ĐÔNG ĐẾN NĂM 2020¹⁰****DỰ THẢO****Chương I. Các căn cứ pháp lý**

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết cấp rủi ro thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;
- Căn cứ báo cáo tổng hợp: Quy hoạch tổng thể thủy lợi, phòng chống sạt lở huyện Nam Đông đến giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc bổ sung phụ lục tổng hợp danh sách số hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ vào Đề án hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của địa phương, Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 có các mục đích sau:

- i. Các địa phương, đơn vị biết được vai trò, trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch.
- ii. Nâng cao năng lực và nhận thức của các cán bộ làm công tác PCTT và cộng đồng để chủ động PCTT. Xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.
- iii. Phân đầu hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhà nước và người dân.
- iv. Huy động nguồn lực tại địa phương và sự hỗ trợ của chính quyền cấp trên, các tổ chức trong và ngoài nước và nhân dân để thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch.

¹⁰ Hoạt động nằm trong khuôn khổ của dự án hỗ trợ của JICA nhằm tăng cường năng lực lập kế hoạch phòng chống thiên tai áp dụng thí điểm cho tỉnh Thừa Thiên – Huế do Viện Nghiên cứu thiên tai và MT thực hiện

Phát huy tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTT của chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể từ huyện đến các xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, yêu cầu:

- i. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trên toàn huyện.
- ii. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn trong hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.
- iii. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục nhanh và có hiệu quả sau thiên tai.
- iv. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “năm tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ; và tự quản tại chỗ).
- v. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.
- vi. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn huyện.
- vii. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

Chương III. Đặc điểm chung về tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng

1. Vị trí địa lý

Nam Đồng là một huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế, cách thành phố Huế 50 km về phía Tây Nam. Phía Đông của huyện giáp huyện Phú Lộc, phía Tây giáp Thị xã Hương Thủy và huyện A Lưới, phía Bắc giáp huyện Phú Lộc và Thị xã Hương Thủy, phía Nam giáp tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Địa bàn huyện là một thung lũng phía Đông dãy Trường Sơn, có chiều dài 37km, nơi rộng nhất là 27km, hẹp nhất là 14km (Hình 1).



Hình 1. Bản đồ hành chính huyện Nam Đồng

2. Đặc điểm địa hình, địa chất

Nam Đông nằm trong thung lũng hẹp của các dãy núi Truồi, Bạch Mã, dãy núi nối từ Trường Sơn đến Hải Vân. Địa hình chia cắt khá mạnh, nghiêng từ phía Đông Nam sang phía Tây Bắc. Nơi có độ cao lớn nhất là núi Mang (1.720m), nơi có độ cao thấp nhất là lòng sông Tả Trạch giáp ranh giữa 3 huyện Nam Đông, Phú Lộc và Hương Thủy (40m). Toàn bộ khu vực trung tâm, tập trung dân cư của huyện nằm trong vùng địa hình đồi trung bình và cao (có độ cao từ 10 đến 250m), được cấu tạo từ trầm tích lục nguyên, một số nơi từ granit bị phong hóa mạnh.

3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

Nam Đông có khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm chia làm hai mùa khá rõ rệt: mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam, thời tiết nắng nóng cao điểm từ tháng 5 đến tháng 7. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 chiếm 70-75% lượng mưa của cả năm tập trung vào các tháng 10 và 11, nhiệt độ các tháng xuống thấp, xuất hiện bão, lũ lụt.

Nhiệt độ trung bình nhiều năm biến động từ 24,8⁰C đến 25,1⁰C; nhiệt độ thấp nhất từ 12⁰C đến 12,5⁰C; nhiệt độ cao nhất từ 38,4⁰C đến 39⁰C.

Hệ thống thủy văn chính là sông Tả Trạch, một trong hai nhánh chính của sông Hương. Hệ thống khe suối khá chằng chịt, các suối chính gồm: suối BaRan, Hai Nhất, Chamon, Chamăng; chế độ thủy lưu phân bố tương đối đều trong năm. Nguồn nước dồi dào phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Cụ thể như sau:

- Phía Tây Nam của huyện có 2 khe lớn là: Khe Hai Nhất (tạo bởi 2 nhánh chính là khe Dài và khe A Ro) được hình thành từ vùng núi phía Tây, đi qua địa bàn các xã: Thượng Quảng, Thượng Long, Hương Hữu, Thượng Nhật, Hương Giang và Khe Thượng Nhật được hình thành từ vùng núi phía Nam, đi qua địa bàn xã Thượng Nhật. Hai khe Hai Nhất và Thượng Nhật hợp với nhau tạo thành sông Tả Trạch chảy theo hướng Nam - Bắc, đi qua các xã Thượng Nhật, Hương Giang, Hương Hòa, Hương Sơn và Hương Phú.

- Về phía Đông của huyện, khe Tre với nhánh chính là khe Ba Ran, được hình thành từ vùng núi phía Đông, chảy theo hướng Đông - Tây, đi qua các xã Hương Lộc, Thượng Lộ, thị trấn Khe Tre, Hương Hòa, Hương Phú và cũng đổ vào sông Tả Trạch khoảng 6km về phía hạ lưu, tại vị trí giáp giới 3 xã Hương Sơn, Hương Hòa, Hương Phú.

Bảng 1. Một số thông tin về KTTV tại Trạm Thủy Văn Nam Đông

Năm	Yếu tố	Trung bình hoặc cả năm	Lớn nhất		Nhỏ nhất	
			Giá trị	Thời gian xuất hiện	Giá trị	Thời gian xuất hiện
2017	Nhiệt độ (T ⁰)	23,8	31,2	4/VI	14,5	17/II
	Lượng mưa (mm)	4557,2	553,8	5/XI		
	Mức nước (cm)	5757	6140	5/XI	5720	17/IV
	Lưu lượng (m ³ /s)	13,2	639	5/XI	3,07	17/IV

- Bão: Tốc độ gió trong các cơn bão thường ở cấp 9, cấp 10 và mạnh nhất là cấp 11, nhưng do Nam Đông nằm trong thung lũng hẹp được bao quanh bởi các dãy núi nên khi bão đổ bộ vào đây mặc dù tốc độ gió giảm nhưng thiệt hại lại rất lớn. Theo kinh nghiệm của địa phương khi bão đổ bộ vào Đà Nẵng thì cánh Bắc của bão sẽ ảnh hưởng trực tiếp vào Nam Đông gây gió lớn (Ví dụ: Bão Xangsane năm 2006).

4. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Huyện Nam Đông có 10 xã và 01 thị trấn; trong đó có 6 xã chủ yếu là đồng bào dân tộc Cơ Tu sinh sống gồm Thượng Long, Thượng Quảng, Hương Hữu, Thượng Nhật, Thượng Lộ và Hương Sơn; 4 xã, thị trấn chủ yếu là dân tộc kinh gồm thị trấn Khe Tre, xã Hương Lộ, Hương Hoà, Hương Phú và Hương Giang (xem Phụ lục PL1).

Dân số toàn huyện có 6.560 hộ, trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số có 2.548 hộ. Tổng số nhân khẩu có 27.562 người, trong đó có 11.945 người đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm khoảng 43%).

Cơ cấu lao động: tổng số người trong độ tuổi lao động có 16.441 người (60%). Lao động làm việc trong các ngành kinh tế 14.728 người chiếm 89,6% (trong đó lao động nông lâm ngư nghiệp 9.938 người, chiếm 67,5%, lao động các ngành công nghiệp 1.636 người, chiếm 11,1%, lao động dịch vụ và ngành khác 3.154 người, chiếm 21,4%); lao động đang đi học 1.460 người (chiếm 8,9%); lao động làm các công việc khác và không có việc làm 253 người (chiếm 1,5%).

Bảo trợ xã hội: số lượng người được hưởng bảo trợ xã hội của huyện lớn khoảng 800 người có công, 760 người trong diện bảo trợ. Ngoài việc chăm sóc, hỗ trợ theo các chính sách của nhà nước, ngành lao động thương binh và xã hội cũng đang thực hiện chính sách xây mới, sửa chữa nhà ở theo Quyết định 22 của Thủ tướng (Quyết định 48 do Ngành Kinh tế - CSHT quản lý), cần mô hình nhà mẫu để áp dụng chung cho toàn huyện. Cán bộ của ngành cần tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ để tuyên truyền đúng cách, đầy đủ kiến thức, kỹ năng cho các đối tượng được bảo trợ xã hội. Phát huy các mô hình tốt, nơi làm tốt để làm điểm, “làm gương” cho các nơi khác về công tác PCTT.

Bảng 2. Thông tin cơ bản của các xã/thị trấn thuộc huyện Nam Đông

STT	Đơn vị (xã/thị trấn)	Số thôn	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
1	Hương Phú	8	7.957,0	3.130	39
2	TT Khe Tre	5	430,4	3.465	805
3	Hương Lộ	3	6.570,3	2.232	34
4	Hương Hoà	4	1.084,2	2.410	222
5	Thượng Lộ	4	10.646,6	1.208	11
6	Hương Sơn	7	4.359,4	1.378	32
7	Thượng Nhật	7	11.378,0	2.063	18
8	Hương Giang	6	761,0	1.417	186
9	Hương Hữu	7	1.002,2	2.565	256

STT	Đơn vị (xã/thị trấn)	Số thôn	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
10	Thượng Long (thôn 1)	8	5.066,4	2.464	49
11	Thượng Quảng (trước bị chia cắt nhưng đã làm cầu)	7	15.522,4	1.945	13
Tổng số		66	64.777,9	24.274	37

5. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

- Hệ thống giao thông: Tất cả các xã, thị trấn đều có đường giao thông đảm bảo thông suốt trong mùa mưa lũ, đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hóa thuận tiện. Đường liên xã, trục xã gồm 15 tuyến với tổng chiều dài 83,2km, đã được nhựa hoá. Đường trục thôn, liên xóm với tổng chiều dài 72,1km đã được bê tông hóa. Đường xóm và ngõ xóm đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa lũ. Tuy nhiên do số lượng ngầm tràn (tuyến đường qua các suối chưa làm được cầu) trên toàn huyện còn rất lớn nên khi có lũ thì nhiều thôn bị chia cắt trong khoảng 1 vài giờ đến 1 ngày. Trên địa bàn huyện hiện chỉ có duy nhất tuyến Tỉnh lộ 14B tạo thành trục giao thông chính duy nhất chạy dọc qua các vùng tập trung dân cư và nối với Quốc lộ 1A, do đó việc giao thông đi lại giữa các xã trên địa bàn huyện cũng như giữa Nam Đông và các huyện lân cận và thành phố sẽ khó khăn nếu trên tuyến đường này xảy ra sạt lở khi có thiên tai.

- Hệ thống trường học: Toàn huyện có 30 trường học các cấp, trong đó 2 trường THPT, 6 trường THCS, 11 trường tiểu học, 11 trường mầm non. Trong đó, 100% trường THPT đã tầng hóa, tiểu học: 90%, mầm non: có 3/11 trường tầng hóa. Huyện đang thực hiện chương trình kiên cố trường học giai đoạn 2 của chính phủ, kết hợp với điểm sơ tán khi có thiên tai xảy ra.

- Y tế: Hệ thống y tế đảm bảo tốt cho công tác cấp cứu của người dân, toàn huyện có 01 Trung tâm Y tế huyện, 01 phòng khám đa khoa; 11 trạm y tế ở các xã, thị trấn.

- Điện: Hệ thống điện lưới phủ khắp 100% khu dân cư toàn huyện; trên địa bàn huyện có 01 nhà máy thủy điện đang hoạt động ở xã Thượng Lộ và 01 nhà máy thủy điện đang thi công ở xã Thượng Nhật.

- Thủy lợi: Hệ thống thủy lợi được kiên cố, hệ thống kênh mương đã được bê tông hóa trên 85% đảm bảo việc tưới, tiêu.

- Kè chống sạt lở: Hệ thống kè bờ sông Tả Trạch được đầu tư nâng cấp cơ bản đảm bảo chống sạt lở, hiện nay huyện có khoảng 10km kè bờ sông, suối đã và đang có nguy cơ sạt lở.

- Hệ thống truyền thanh: tất cả các thôn, xóm của các xã, thị trấn đều có hệ truyền thanh phủ sóng, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền các thông tin đến người dân của cấp huyện và cấp xã.

- Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt từ huyện đến các địa phương, các xã, thị trấn đều có bưu điện văn hóa xã, hệ thống internet được phủ sóng đến các thôn, tổ dân phố.

- Các trụ sở làm việc: các trụ sở làm việc của các xã, thị trấn và các cơ quan đóng trên địa bàn huyện đều được xây dựng kiên cố đảm bảo tốt cho người dân đến tránh trú thiên tai.

- Chợ: Trên địa bàn huyện có 02 chợ đảm bảo ổn định cho việc thông thương hàng hóa và cung cấp các mặt hàng cho người dân (chợ Khe Tre phục vụ 6 xã vùng dưới, chợ Hương Giang phục vụ cho 5 xã vùng trên)

- Tỷ lệ nhà kiên cố có thể trú bão tại các xã, thị trấn bình quân đạt 45%.

- Công trình bãi chôn lấp rác Hương Phú xử lý rác thải cho Thị trấn Khe Tre và vùng lân cận được đưa vào vận hành năm 2009 và gặp sự cố ngập nước năm 2013 đã khắc phục và đưa vào hoạt động lại vào năm 2017. Công trình cần xây dựng phương án để xử lý môi trường khi có thiên tai như lũ lụt xảy ra.

Chương IV. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

1. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN

Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, xã được thành lập, kiện toàn hàng năm và phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Vào đầu mùa mưa bão, BCH thành lập đoàn kiểm tra, hướng dẫn công tác chuẩn bị ứng phó thiên tai của địa phương. Phân công các thành viên phụ trách từng thôn, cụm dân cư, phân công lực lượng chốt trực tại các điểm xung yếu.

Đã xây dựng các phương án ứng phó với thiên tai tại địa phương, các vùng dân cư. Trên toàn huyện đã có 5/11 xã xây dựng được kế hoạch phòng chống thiên tai đến năm 2020 (Thượng Quảng, Hương Giang, Hương Phú, Hương Sơn và Thị trấn Khe Tre). Hàng năm, Ban chỉ huy các cấp tổ chức tổng kết công tác PCLB và nhận định tình hình thiên tai của năm sau cũng như phân công các đơn vị liên quan nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra.

Khi có dự báo sớm thiên tai, Ban chỉ huy cấp huyện có công văn gửi BCH cấp xã tổ chức trực ban 24/24 theo dõi, bám sát diễn biến của thời tiết, chỉ đạo của cấp trên để có các phương án ứng phó kịp thời.

2. Lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống thiên tai

- Lực lượng tại chỗ: ngoài các lực lượng nòng cốt tại địa phương (dân quân, công an xã) còn có các lực lượng khác tham gia như: Đoàn thanh niên, hội Cựu chiến binh, Nông dân, ... Số lượng tại từng xã được cập nhật hàng năm và liệt kê trong Phụ lục PL4.

- Phương tiện tại chỗ phục vụ trong công tác ứng phó bao gồm các xe chở người dân đi sơ tán từ 4-7 chỗ ngồi, 16 chỗ và 24 chỗ trở lên (danh sách tại các xã). Ngoài ra, còn huy động các xe thi công như máy xúc, ô tô tải các loại sử dụng khi có các sự cố do thiên tai gây ra (xem Phụ lục PL5).

- Vật tư, hậu cần tại chỗ: hàng năm Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã chủ động hợp đồng hỗ trợ lãi suất với các doanh nghiệp, đại lý để dự trữ một số

nhu yếu phẩm như: dầu hoả, lít xăng, gạo và mì ăn liền để đảm bảo có nguồn hàng cứu trợ kịp thời khi cần thiết (xem Phụ lục PL 6).

3. Thông tin, truyền thông trong PCTT

Cơ sở hạ tầng truyền thanh – truyền hình của huyện được đầu tư xây dựng từ năm 2008 toàn bộ hệ thống vô tuyến có thể nói tốt nhất nước gồm khoảng 200 cụm loa bao phủ trên 95% của 60 thôn bản. Ngoại trừ, Thôn 1 của Hương Lộc, Thôn Phú Mậu của Hương phú nằm xa cụm loa, thuộc vùng lõm nên không bắt được sóng. Tuy nhiên, hoạt động của hệ thống (kể cả truyền hình) đều phụ thuộc vào nguồn điện, rất dễ bị sập điện khi có thiên tai sẽ làm gián đoạn thông tin trên toàn huyện. Khi có thiên tai, huyện cũng sử dụng hệ thống loa di động bằng ô tô để thông báo cho người dân tại các khu vực tập trung. Nội dung phát trên hệ thống chủ yếu được Văn phòng Thường trực gửi sang nên cần được thay đổi để đa dạng nhiều nội dung tuyên truyền giáo dục nâng cao kỹ năng và nhận thức PCTT cho người dân hơn. Thông tin hiện nay chủ yếu hướng dẫn người dân chằng chống nhà cửa, chuồng trại, đảm bảo an toàn cho các công trình đang thi công dang dở.

4. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

Huyện chưa có bất kỳ một hoạt động nào liên quan đến thực hiện Đề án 1002 về tăng cường năng lực, nhận thức cho cán bộ và người dân trong PCTT. Các kiến thức về thiên tai, biến đổi khí hậu được lồng ghép trong các tiết học và hoạt động ngoại khóa sử dụng tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp và Lãnh đạo Phòng được đi tập huấn theo chương trình của Bộ.

Hầu hết các trường học được xây dựng ở điểm an toàn, cao nhưng học sinh đi học qua những điểm nguy hiểm (qua các ngầm tràn, điểm có nguy cơ sạt lở, lũ quét và đã có năm ảnh hưởng tính mạng của các em). Do đó ngoài việc theo dõi diễn biến của thời tiết để chủ động cho học sinh nghỉ học. Nội dung thiên tai được lồng ghép kiến thức PCTT vào trong các tiết học là hết sức quan trọng. Ngoài ra cần đầu tư 1 đến 2 bể bơi công cộng để dạy bơi cho học sinh. Hiện nay, toàn bộ số giáo viên và học sinh trên toàn huyện chiếm 1/4 tổng dân số, việc ngành Giáo dục sử dụng mạng di động và trang WEB để trao đổi thông tin với các giáo viên và phụ huynh đáng được khích lệ.

5. Nguồn lực tài chính

Kinh phí sự nghiệp sử dụng cho công tác PCTT cấp huyện hàng năm được bố trí khoảng 80 triệu đồng (năm 2018 và đang đề xuất 98 triệu đồng năm 2019). Trong số đó đã sử dụng khoảng 30 triệu để bù lỗ cho các đại lý, doanh nghiệp dũ trữ vật tư, lương thực dự phòng tính hưởng thiên tai xảy ra trên địa bàn. Số còn lại được sử dụng cho các hoạt động của Ban chỉ huy, chủ yếu phục vụ Hội nghị tổng kết, hỗ trợ xăng xe đi lại của các thành viên đi kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác chuẩn bị phòng ngừa, ứng phó khi có thiên tai. Nguồn kinh phí dành riêng cho Ban Chỉ huy cấp xã không được cấp mà sử dụng chung cho các hoạt động khác nên các xã rất bị động. Các công trình PCTT sử dụng nguồn kinh phí đầu tư chủ yếu được lồng ghép vào các chương trình khác như: Nông thôn mới (làm kè chống sạt lở bờ suối), xây mới hoặc sửa

chữa nhà có khả năng PCTT thực hiện theo các Quyết định 22 và 48, Chương trình 30A của Thủ tướng Chính phủ.

Quỹ PCTT của Tỉnh đã được thành lập và tiến hành thu trong năm 2019, sẽ là nguồn lực quan trọng để tỉnh cấp lại cho huyện chủ động sử dụng trong giai đoạn phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Các dự án đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 do Ban quản lý dự án huyện quản lý chi trung bình hàng năm khoảng 40 tỷ trong đó có hạng mục PCTT chủ yếu là các dự án kè chống sạt lở (2016: kè sạt lở sông tả trạch: 12 tỷ, 2017: kè xã hương giang: sông Tả trạch: 20 tỷ, 2018: kè xã Hương Sơn: 2,9 tỷ, 2019: kè nối tiếp cầu Khe tre đi tiếp 7,9 tỷ).

Chương V. Xác định rủi ro thiên tai

1. Đánh giá về loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

Huyện Nam Đông trong những năm qua luôn chịu ảnh hưởng của những thiên tai chủ yếu sau:

- Bão: Do đặc điểm nằm trong thung lũng hẹp nên thường chịu ảnh hưởng nặng của bão khi tâm bão đi qua từ các tỉnh Quảng Trị đến Quảng Nam (đặc biệt khi vào phía Nam của huyện).

- Rét hại: Thường xảy ra từ tháng 11 năm trước đến tháng 2 năm sau.

- Đông, lốc, sét: Xảy ra không thường xuyên chủ yếu vào mùa hè từ tháng 5 đến tháng 8.

- Hạn hán: Chủ yếu từ tháng 3 đến tháng 7.

- Lũ quét, sạt lở đất: do đặc điểm nằm trong thung lũng xung quanh là núi, có nhiều khe suối có độ dốc lớn, lưu vực tập trung nước rộng, lượng mưa vào mùa mưa lớn, đặc biệt mưa ngày rất lớn (xem Bảng 1) nên lượng nước tập trung nhanh và cường độ dòng chảy mạnh, do đó thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất đối với các khu vực ở hai bên bờ sông, suối.

2. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai

- Về người: chịu rủi ro của các loại hình thiên tai như bão, lũ quét, sạt lở đất, đông, lốc, sét. Tuy nhiên số lượng thiệt hại nhỏ (Hình 2 và 5).

- Về nhà ở: bị sập hoặc hư hỏng khi các loại hình thiên tai xảy ra như đối với người (Hình 3 và 6).

- Về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: chủ yếu là các cây lương thực như: lúa, sắn hoặc rau màu các loại, mía, chuối bị gãy đổ do gió lớn hoặc ngập úng; thiệt hại lớn chủ yếu là do bão đối với cây cao su, rừng trồng (keo) bị gãy và đổ ngã. Ngoài ra, nuôi trồng thủy sản, gia súc, gia cầm cũng bị cuốn trôi hoặc chết nhưng số lượng không nhiều (Hình 4 và 7).

- Mất đất canh tác, đất ở do sạt lở bờ suối, sạt lở đồi núi hoặc lũ quét (Hình 7).

- Về cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi: Khi có thiên tai, nhiều công trình thủy lợi bị cát sạn vùi lấp, hư hỏng và sạt lở. Các hệ thống cấp nước tự chảy đều bị cát sạn vùi

lắp cửa lấy nước và hư hỏng một số tuyến đường ống do cây đổ ngã; các tuyến đường giao thông liên thôn, xã, huyện có nguy cơ bị hư hỏng (Hình 7).

- Hệ thống điện, truyền thông, viễn thông: có nguy cơ bị gãy đổ, một số đường dây bị đứt và hư hỏng (Hình 7).

3. Các khu vực có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai

- Khi có bão, dông, lốc: thì hầu hết các xã trong huyện bị ảnh hưởng, tuy nhiên tùy thuộc vào phân bố dân cư, tình trạng nhà an toàn, sử dụng đất thì mức độ ảnh hưởng khác nhau (Xem bản đồ các Hình 2, 3 và 4).

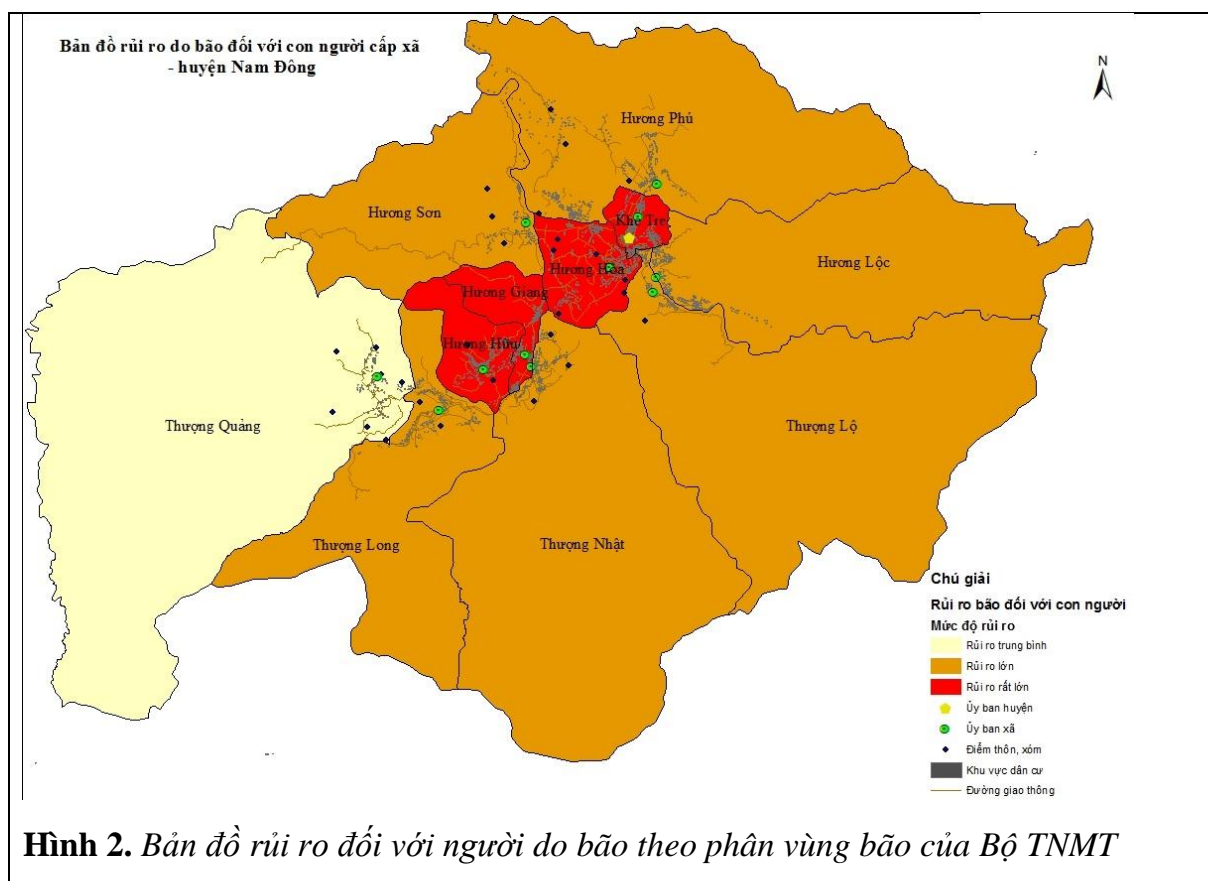
- Sạt lở đất, lũ quét: công trình đang thi công xây dựng trên địa bàn, các hồ, đập chứa nước như: Đường cao tốc Túy Loan; đường La Sơn-Nam Đông; hồ chứa Ka Tư, hồ Ta Rinh (Xem bản đồ các Hình 5, 6 và 7) .

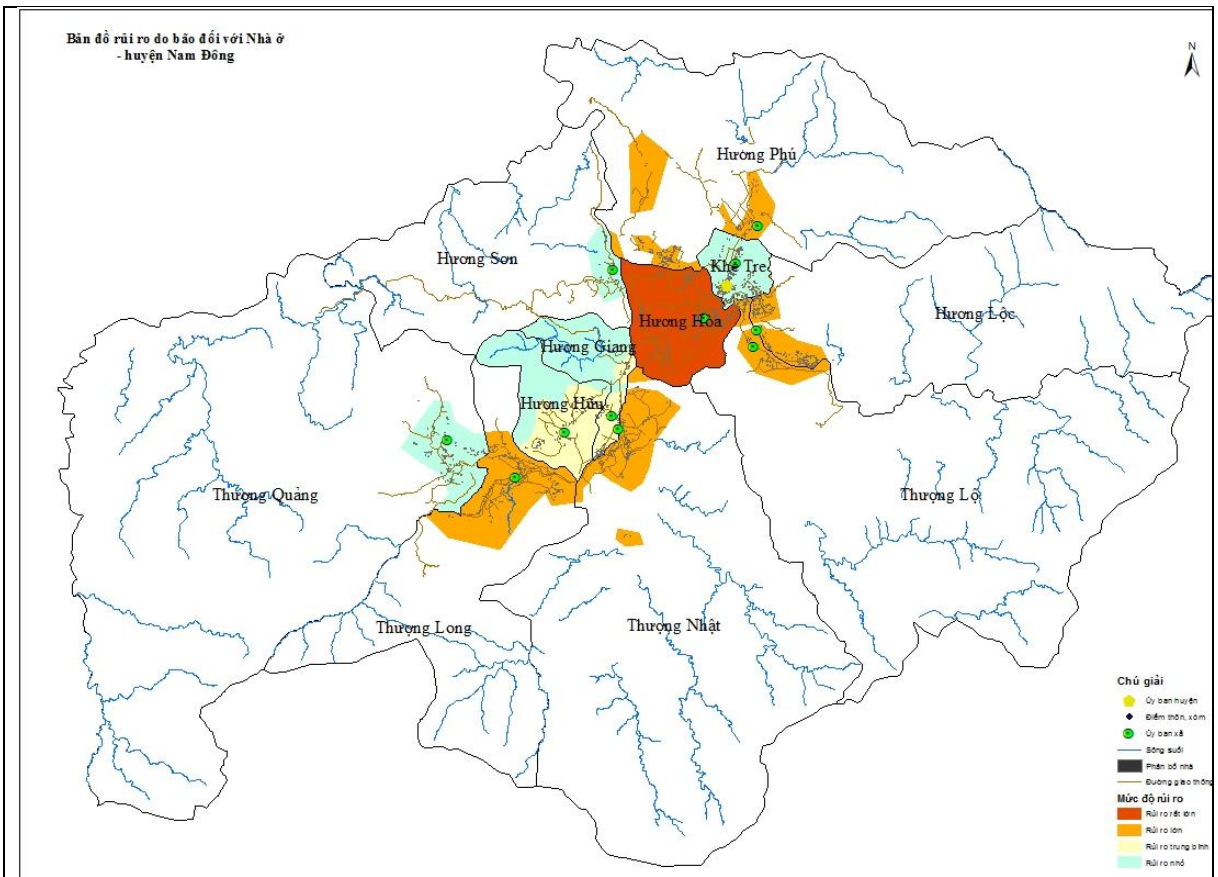
- Xói lở bờ sông: theo thống kê trong báo cáo rà soát quy hoạch tổng thể thủy lợi, phòng chống sạt lở huyện Nam Đông giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Bảng 3) có 33 điểm, trong đó xã Thượng Lộ có điểm sạt lở nhiều nhất (10 điểm), tiếp đến là Hương Lộc (7 điểm), trừ 2 xã không có nguy cơ sạt lở là Hương Hữu và Hương Hòa.

Bảng 3. Thống kê các điểm sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Nam Đông

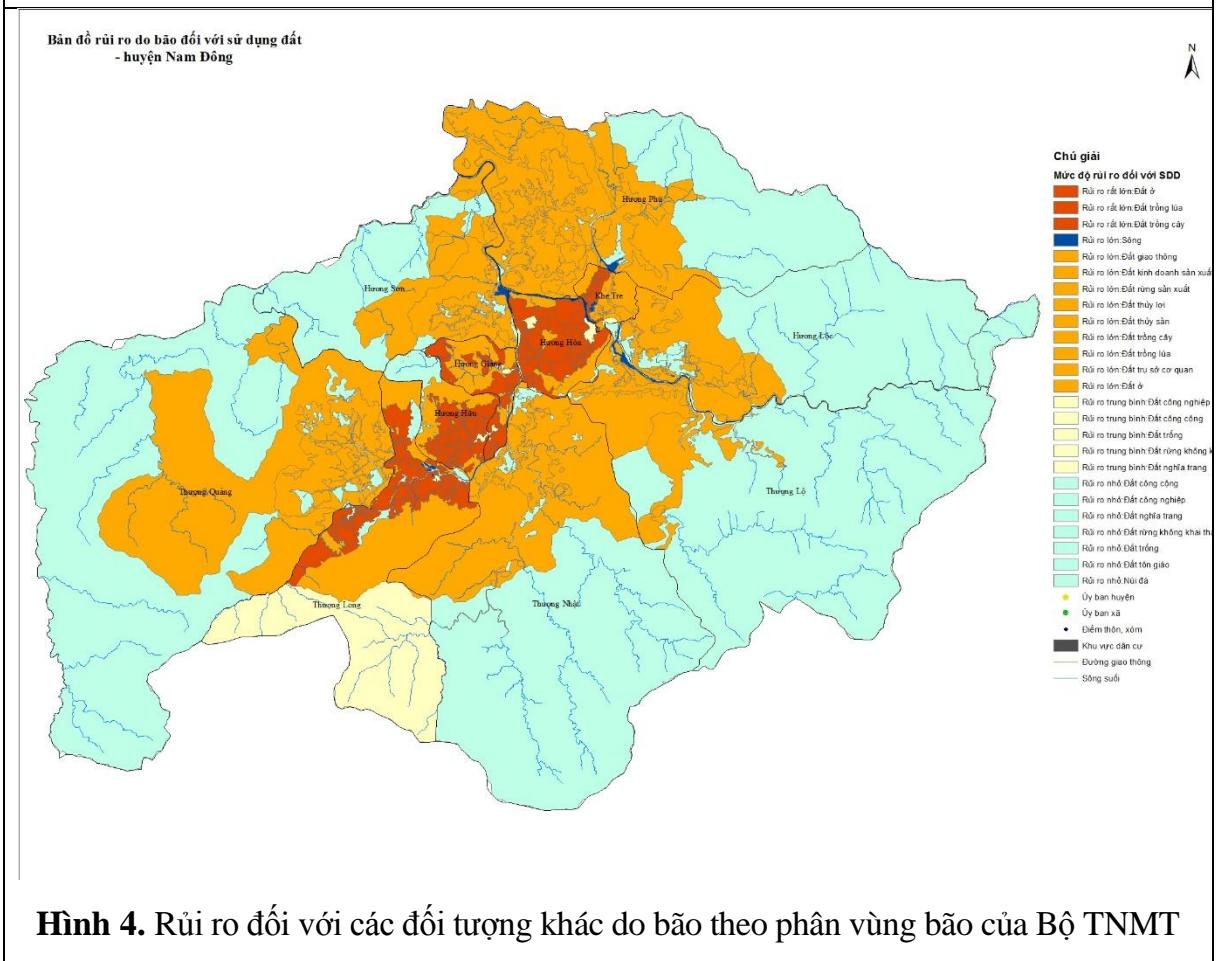
Tổng số điểm	Tên xã	Số điểm/ 1 xã	Địa điểm sạt lở	Chiều dài (m)
1	Khe Tre	1	Kè chống sạt sau trường tiểu học Khe Tre	1000
2		2	Kè chống sạt lở sông Tả Trạch đoạn từ cầu ông Thụy đến cầu Khe Tre	300
3	Hương Giang	1	Kè chống sạt lở thôn Phú Thuận, Tây Lộ	200
4		2	Kè chống sạt lở thôn Phú Ninh	200
5	Hương Lộc	1	Kè chống sạt lở Thôn 1-1	200
6		2	Kè chống sạt lở Thôn 1-2	900
7		3	Kè chống sạt lở Thôn 2-1	200
8		4	Kè chống sạt lở Thôn 2-2	500
9		5	Kè chống sạt lở Thôn 2-3	200
10		6	Kè chống sạt lở cầu Khe Môn	300
11		7	Kè chống sạt lở Thôn 3	400
12	Hương Phú	1	Kè chống sạt lở 3 thôn (Xuân Phú, Phú Nam, Hà An)	2000
13		2	Kè chống sạt lở Thôn Đa Phú	200
14		3	Kè chống sạt lở thôn Ka Tư	1000
15	Hương Sơn	1	Kè chống sạt lở từ thôn 1 đến thôn 2	700
16	Thượng Long	1	Kè chống sạt lở Thôn 3-4	700
17		2	Kè chống sạt lở Thôn 5-7	1500

Tổng số điểm	Tên xã	Số điểm/ 1 xã	Địa điểm sạt lở	Chiều dài (m)
18		3	Kè chống sạt lở dọc Tỉnh lộ 14B	1000
19	Thượng Lộ	1	Kè chống sạt lở thôn Dỗi 1	500
20		2	Kè chống sạt lở thôn Dỗi 2	1000
21		3	Kè chống sạt lở thôn Dỗi 3	500
22		4	Kè chống sạt lở thôn Dỗi 4	500
23		5	Kè chống sạt lở thôn La Hố 1	100
24		6	Kè chống sạt lở thôn La Hố 2	100
25		7	Kè chống sạt lở thôn La Hố 3	100
26		8	Kè chống sạt lở thôn La Hố 4	500
27		9	Kè chống sạt lở thôn Mụ Năm 1	1200
28		10	Kè chống sạt lở thôn Mụ Năm 2	500
29	Thượng Nhật	1	Kè chống sạt lở sau nhà ông Bước	200
30		2	Kè chống sạt lở cầu Ba Tiêu	100
31	Thượng Quảng	1	Kè chống sạt lở khe Thanh Niên	2500
32		2	Kè chống sạt lở khe Bó	2000
33		3	Kè chống sạt lở khe A Răng 3 (Thôn 3)	200

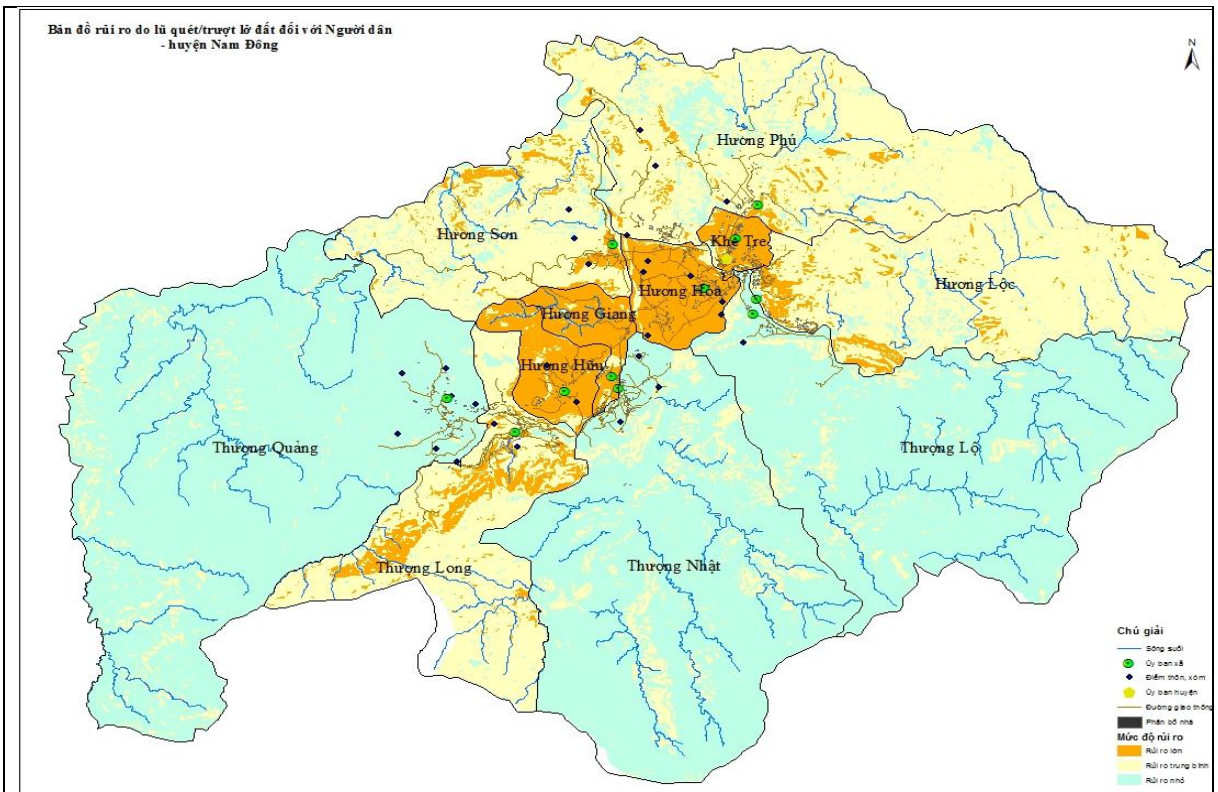




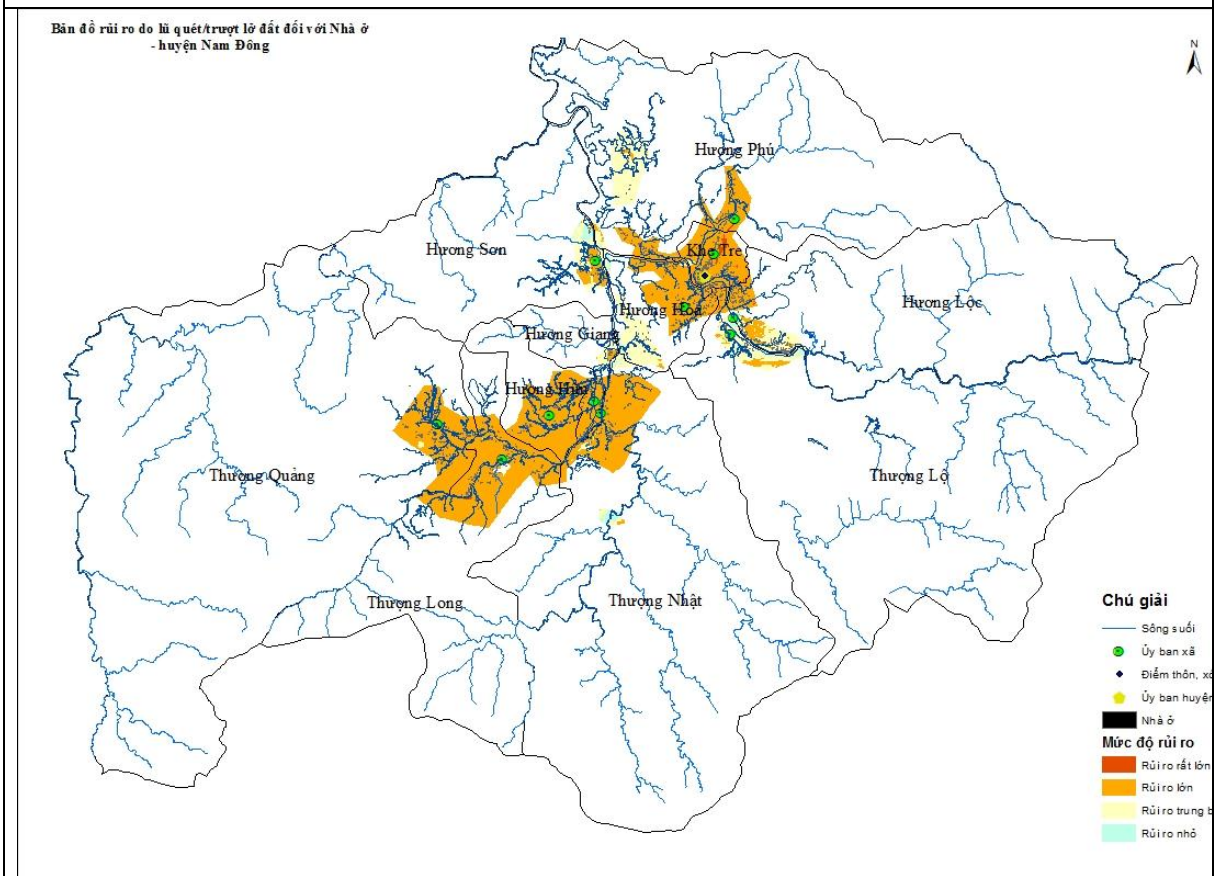
Hình 3. Bản đồ rủi ro đối với nhà ở do bão theo phân vùng bão của Bộ TNMT



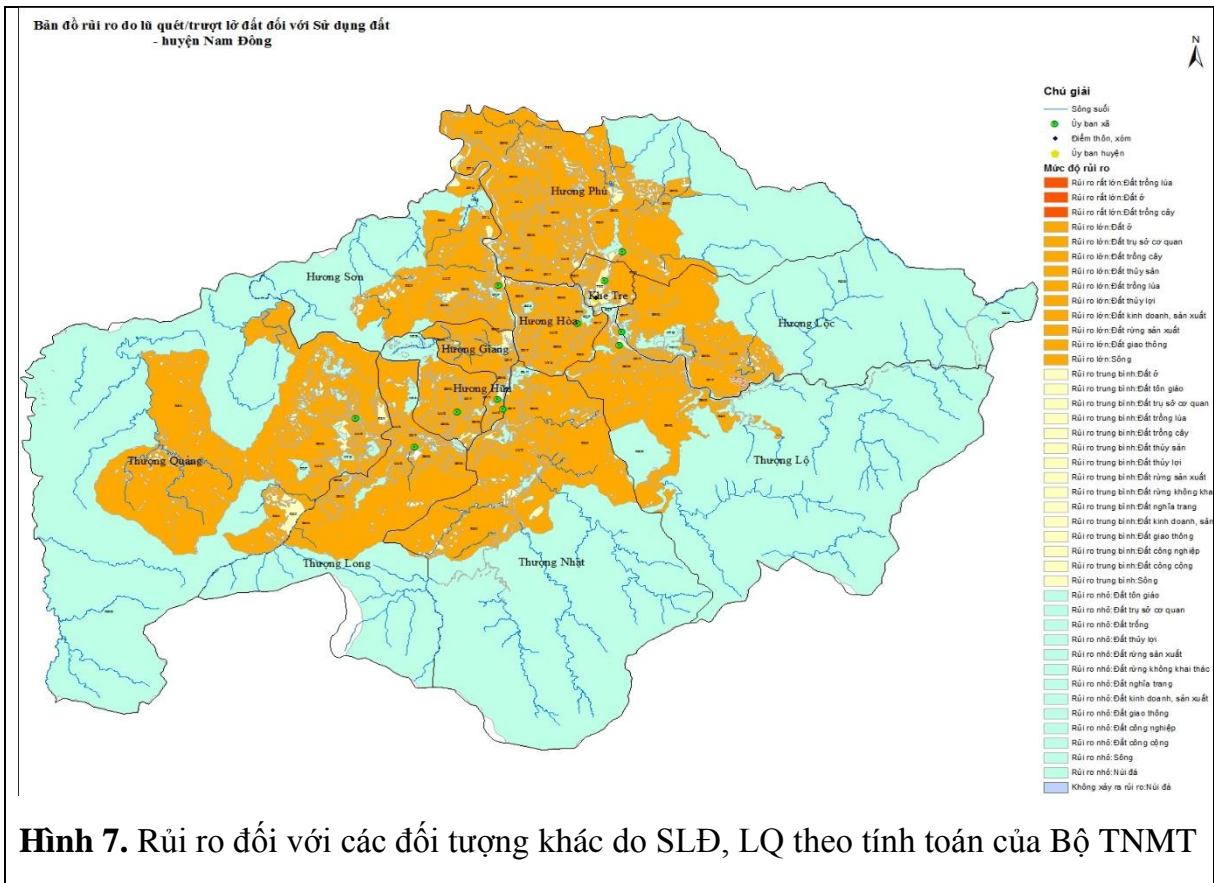
Hình 4. Rủi ro đối với các đối tượng khác do bão theo phân vùng bão của Bộ TNMT



Hình 5. Bản đồ rủi ro đối với người do SLD, LQ theo kết quả tính toán của Bộ TNMT



Hình 6. Bản đồ rủi ro đối với nhà ở do SLD, LQ theo kết quả tính toán của Bộ TNMT



Hình 7. Rủi ro đối với các đối tượng khác do SLĐ, LQ theo tính toán của Bộ TNMT

Chương VI. Nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai

1. Biện pháp chung

- Hàng năm, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và phân công phụ trách để chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống thiên tai theo đúng phương án của xã, thị trấn đã xây dựng.

- Tổ chức trực ban 24/24 giờ tại Văn phòng Ban Chỉ huy để thu thập thông tin, tổng hợp báo cáo, thông báo về diễn biến của thiên tai, ứng phó, thiệt hại, ... cũng như nhận các chỉ đạo của cấp trên để ứng phó kịp thời.

- Xây dựng phương án ứng phó với các loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai tại các cấp.

- Chuẩn bị lực lượng tại chỗ: mỗi xã ít nhất 40 người trở lên và mỗi thôn ít nhất 10 người trở lên.

- Chuẩn bị phương tiện, vật tư, thuốc men tại chỗ: tiếp tục có hợp đồng bù lỗ cho các doanh nghiệp, tiểu thương kinh doanh trên địa bàn để có các vật tư, lương thực cần thiết; mua sắm bổ sung các phương tiện như: thuyền nhôm, áo phao, phao cứu sinh, nhà bạt, vv....

- Xây dựng các phương án đảm bảo an toàn cho các công trình cơ sở hạ tầng như thủy lợi, hệ thống viễn thông, điện lực, ... các công trình đang thi công dang dở.

- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc thông suốt đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

- Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở.
- Tìm kiếm người, phương tiện mất tích; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn.

2. Biện pháp cụ thể

a) Phòng ngừa, giảm thiểu

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác PCTT các cấp (thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp).
- Tổ chức hoặc lồng ghép tập huấn trong các chương trình của địa phương về nâng cao kiến thức và ý thức cho người dân về kỹ năng PCTT.
- Hàng năm tổ chức các đợt diễn tập ở quy mô xã ứng phó với một tình huống và cấp độ thiên tai cụ thể.
- In ấn các tài liệu, tranh ảnh, tổ chức diễn kịch, ... tuyên truyền về PCTT, đặc biệt đưa vào giảng dạy lồng ghép trong các cấp học.
- Bổ sung, sửa chữa hệ thống truyền thanh vô tuyến đảm bảo phần lớn người dân ở các thôn bản nhận được thông tin về cảnh báo thiên tai.
- Mua sắm bổ sung loa cầm tay, 01 máy phát điện đảm bảo hệ thống thông tin cảnh báo được thông suốt từ cấp huyện xuống xã, thôn bản khi hệ thống điện bị sự cố.
- Xây dựng các bản đồ rủi ro thiên tai để phục vụ công tác hỗ trợ gia quyết định và cảnh báo người dân.
- Tiếp tục thống kê, đánh giá nhà ở để tiếp tục thực hiện các quyết định 22 và 48 của Chính phủ hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà cố phòng kiên cố tránh trú thiên tai.
- Lồng ghép các nội dung PCTT trong các Chương trình, dự án tại địa phương như: Chương trình xây dựng nông thôn mới, 30A, ...
- Đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai: hệ thống kè chống sạt lở bờ sông, suối, chống sạt lở đất, lũ quét. Từ số điểm sạt lở tổng hợp từ Bảng 3 và căn cứ vào đề xuất của địa phương, ưu tiên thực hiện tại các vị trí:
 - + Thượng Nhật: A Xách, La Vân, Hợp Hòa, ngầm thôn 5, (ngầm ông Be, ngầm thôn giáp thôn 6 và ngầm thôn 6 giáp 7 thuộc đường 14 B, A Tin (800 triệu sau 2020).
 - + Thượng Long (bờ sông A Ka, A Rong): La Đàng (170m), Ba Hồ (280m), A Dài (300m), Cha Ke (500m): (3.125 triệu sau 2020).
 - + Hương Lộc: vườn ven sông Tả Trạch ở tổ 2/2 (1500 triệu: sau năm 2020).
 - + Hương Sơn: kè chống sạt lở từ thôn 1 đến thôn 2 (1500 triệu: đến năm 2020).
- Đầu tư các công trình cầu giao thông thay thế dần các ngầm tràn ở những nơi có nhiều người qua lại.
- Sạt lở đường giao thông: sạt lở đất ở tuyến đường giao thông tỉnh lộ 14B, các tuyến đường trục xã 1,2km (xã Thượng Long, 0,5km; Thượng Quảng 0,2km; các xã khác 0,5km).

- Nạo vét khơi thông dòng chảy.

b) Ứng phó

i. Đối với lũ, bão, mưa lớn, sạt lở đất, lũ quét

- Đôn đốc nhân dân chằng chống nhà cửa, chuồng trại, sơ tán các hộ có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai đến nơi an toàn theo phương án đã xây dựng; cắt tỉa cành cây, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm.

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ các loại cây trồng đặt biệt vùng ven khe suối, ảnh hưởng của gió bão.

- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào các tuyến đường thường bị ngập sâu, các cống ngầm qua đường; khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ và khu vực nguy hiểm khác

ii. Đối với hạn hán

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán.

- Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi, kịp thời nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, quản lý phân phối nước tưới luân phiên, tiết kiệm đảm bảo đủ nước tưới, thực hiện bơm chống hạn ở những vùng có điều kiện đảm bảo nguồn nước chống hạn.

- Củng cố hệ thống kênh mương nội đồng, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đập đầu mối và kênh mương phục vụ tưới tiêu.

iii. Đối với dông, lốc, sét

- Tuyên truyền, thông báo trên các phương tiện truyền thanh về dự báo, cảnh báo thời gian có khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm.

- Nâng cao chất lượng các công trình, nhà ở; chủ động các biện pháp để hạn chế thiệt hại đến cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác.

c) Khắc phục hậu quả, tái thiết

- Tiếp tục di dời người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương.

- Tổng hợp, thống kê tình hình thiệt hại, lập báo cáo gửi cấp trên.

- Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương.

- Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

- Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.

- Thống kê hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân.

- Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất.

- Tiến hành các hoạt động tiêu độc khử trùng, vệ sinh môi trường sau thiên tai.

- Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai như: Công trình giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

Chương VII. Đề xuất nguồn lực và tiến độ thực hiện

Từ nội dung của các giải pháp trong Chương VI ở trên tiến hành lựa chọn các giải pháp thực sự khả thi, một số giải pháp đã và đang được các ngành thực hiện thường xuyên, ví dụ như thay đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, tăng cường khả năng chống chịu với gió bão đối với các công trình xây dựng, hệ thống điện, trường học an toàn, ... được liệt kê trong 2 Phụ lục PL7 và PL8.

1. Giải pháp phi công trình (Phụ lục PL 7)

- Nội dung phòng ngừa, giảm thiểu: 10 hoạt động
- Nội dung ứng phó, phục hồi, tái thiết: 8 hoạt động

2. Giải pháp phi công trình (Phụ lục PL 8)

- Nội dung phòng ngừa, giảm thiểu: 6 hoạt động
- Nội dung ứng phó, phục hồi, tái thiết: 1 hoạt động

3. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

- | | |
|-----------------------------|-------------------|
| - Giai đoạn 2019 - 2020: | 28.309 triệu đồng |
| o Giải pháp phi công trình: | 1.619 triệu đồng |
| o Giải pháp công trình: | 26.690 triệu đồng |

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------|-------------------|
| o Địa phương: | 285 triệu đồng |
| o Hỗ trợ của tỉnh: | 2.944 triệu đồng |
| o Hỗ trợ của Trung ương: | 25.060 triệu đồng |
| o Nguồn khác: | 20 triệu đồng |
| - Giai đoạn 2021 - 2025: | 60.587 triệu đồng |
| o Giải pháp phi công trình: | 2.330 triệu đồng |
| o Giải pháp công trình: | 58.257 triệu đồng |

Trong đó:

- | | |
|--------------------|------------------|
| o Địa phương: | 1.100 triệu đồng |
| o Hỗ trợ của tỉnh: | 7.055 triệu đồng |

- Hỗ trợ của Trung ương: 52.382 triệu đồng
- Nguồn khác: 50 triệu đồng

Chương VIII. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

i. UBND huyện: Chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện và các phòng chức năng, đơn vị, tổ chức phối hợp với các xã/Thị trấn thực hiện các nội dung trong kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị và khu vực mình phụ trách.

ii. Phòng Nông nghiệp: thực rà soát điều chỉnh thực hiện kế hoạch hàng năm và báo cáo UBND huyện điều chỉnh kịp thời. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ của các phòng, đơn vị có liên quan và các xã trong huyện. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch. Phối hợp với các phòng liên quan khác để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trong kế hoạch. Làm đầu mối liên hệ với Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để huy động nguồn lực từ Quỹ PCTT, Chương trình Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, và các chương trình, dự án khác. Tham mưu kịp thời cho UBND huyện thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ thiệt hại sau thiên tai theo Nghị định 02 của Chính phủ. Điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, loại cây trồng phù hợp. Huy động nguồn lực để tiếp tục thực hiện trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn.

iii. Phòng Kinh tế, Cơ sở hạ tầng: Tiếp tục thực hiện xây dựng mới, sửa chữa nhà PCTT theo Quyết định số 48 của Thủ tướng chính phủ; Thực hiện hoặc thẩm định các dự án có liên quan đến xây dựng công trình giao thông, xây dựng, kè chống sạt lở, ...; làm việc với Sở Xây dựng để có mô hình nhà an toàn PCTT và phù hợp với bản sắc văn hóa của địa phương. Đảm bảo vật tư, phương tiện, hậu cần cần thiết khi có tình huống thiên tai xảy ra.

iv. Phòng Giáo dục: Thực hiện các nhiệm vụ tập hợp các tài liệu về PCTT để đưa vào lồng ghép trong các trường học; tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao kỹ năng, nhận thức của giáo viên và học sinh trong toàn huyện. Tiếp tục thực hiện tăng hóa các Trường mầm non; có cơ chế phối hợp với dân quân tự vệ, đoàn thanh niên đảm bảo an toàn cho các điểm trường đặc biệt các trường mầm non khi có thiên tai xảy ra; tổ chức cấm chót tại các điểm có nguy cơ mất an toàn cho học sinh trên đường.

v. Phòng Lao động, Thương binh và XH: tiếp tục thực hiện Quyết định số 22 của Thủ tướng Chính phủ về xây mới và sửa chữa nhà; tiếp tục thực hiện các cơ chế chính cho các đối tượng được bảo trợ xã hội bị ảnh hưởng của thiên tai theo Nghị định số 02 của Chính phủ.

vi. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Quản lý sử dụng đất đai phù hợp PCTT; quản lý khai thác cát tránh xói lở các bờ sông, bờ suối; quản lý các công trình xử lý rác thải tại địa phương đảm bảo an toàn đối với môi trường.

vii. Phòng Y tế: sử dụng cơ sở thuốc đảm bảo an toàn môi trường y tế sau thiên tai đặc biệt an toàn về nước sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, ...

viii. Ban chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện chịu trách nhiệm về huy động lực lượng tham gia ứng cứu khi có tình huống xấu xảy ra, đảm bảo an ninh trật tự, sẵn sàng

ứng cứu người và tài sản khi cần thiết, đồng thời đảm bảo an ninh trật tự, an toàn ở thôn bản khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn huyện.

ix. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Chủ động cân đối nguồn kinh phí để bố trí kịp thời thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch.

x. Trung tâm Viễn thông Nam Đông có phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo PCTT-TKCN thông suốt trong mọi tình huống, đảm bảo thông tin liên lạc giữa huyện và các xã, thị trấn.

xi. Công ty Điện lực Nam Đông lập phương án đảm bảo sự ổn định lưới điện, thường xuyên kiểm tra, phát quang trên các tuyến đường dây tải điện, đảm bảo tuyệt đối an toàn không để xảy ra tai nạn về điện cho người và gia súc.

xii. Công ty cổ phần thủy điện Thượng Lộ xây dựng phương án đảm bảo vận hành, xã lũ an toàn cho vùng hạ lưu; chuẩn bị các vật tư, phương tiện tại chỗ sẵn sàng ứng phó khi công trình có sự cố, thành lập đội bảo vệ an toàn công trình và tổ chức trực ban 24/24 giờ vào mùa mưa bão.

xiii. Trạm Thủy nông Nam Đông lập phương án bảo vệ các công trình hồ, đập thủy lợi trên địa bàn huyện, chuẩn bị những vật tư, thiết bị cần thiết để xử lý khi các công trình có sự cố.

xiv. Trung tâm Truyền thanh, truyền hình: đảm bảo các thông tin, truyền tin cảnh báo sớm luôn được thông suốt đến với người dân trong thôn bản. Có phương án khi có sự cố về điện. Đánh giá năng lực của hệ thống truyền thanh của các xã để có phương án sửa chữa, thay thế. Đa dạng hóa các nội dung đưa tin về PCTT đến với người dân.

xv. Các xã/Thị trấn: thực hiện các phương án PCTT đã được phê duyệt; phối hợp với các phòng chức năng của huyện thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trong kế hoạch.

xvi. Các phòng liên quan khác: theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cũng như phân công để thực hiện các nội dung của kế hoạch.

PHỤ LỤC

Phụ lục PL1. Đặc điểm dân sinh tại các xã

TT	Tên đơn vị (xã, thị trấn)	ĐẶC ĐIỂM DÂN SINH														
		Tổng số hộ	Tổng số nhân khẩu	Số hộ nghèo	Số lượng trẻ em dưới 16 tuổi	Số lượng người cao tuổi (trên 60 tuổi)	Số lượng người khuyết tật	Số lượng người neo đơn, bệnh hiểm nghèo	Số lượng người dân tộc thiểu số	Số lượng người dân được tập huấn, bồi dưỡng về phòng chống thiên tai	Số lượng cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng về phòng chống thiên tai	Số lần diễn tập về phòng chống thiên tai trong 5 năm gần đây	Số lượng nhà kiên cố	Số lượng nhà bán kiên cố	Số lượng nhà tạm	
		(hộ)	(người)	(hộ)	(người)	(người)	(người)	(người)	(người)	(người)	(người)	(lần)	%	%	%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
	GIẢI THÍCH:	Nhập số liệu của năm thống kê gần đây nhất								Được tập huấn theo Đề án 1002 sử dụng nguồn kinh phí từ địa phương, cấp trên hoặc các Tổ chức		Tự tổ chức hoặc được tham gia	Phân loại nhà theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (nhà Kiên cố là nhà có Cột, Tường và Mái làm bằng vật liệu bền chắc; nhà Bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 tiêu chí này làm bằng vật liệu bền chắc; còn lại là nhà tạm)			
1	Thượng Quảng	536	2174	26	520	163	47		1211	0	0	0	85	13,4	1,6	
2	Thượng Long	648	2784	168	884	275	133		2706	0	0	0	82	10,1	7,9	
3	Hương Hữu	660	3030	201	927	220	98		2905	0	0	0	75	12,6	12,4	
4	Hương Giang	410	1494	10	364	150	38		3	0	0	0	96,8	3,2	0	
5	Thượng Nhật	563	2376	36	750	184	124		2246	0	0	0	79	11,6	9,4	
6	Hương Hòa	675	2557	6	634	187	62		43	0	0	0	95	5	0	
7	Hương Sơn	362	1482	12	411	147	103		1482	0	0	0	87	11,1	1,9	
8	Thượng Lộ	326	1314	30	377	124	65		1210	0	0	0	84	11,3	4,7	
9	Hương Lộc	610	2538	12	582	360	53		4	0	0	0	93,4	6,6	0	
10	Hương Phú	858	3637	16	815	373	66		106	0	0	0	99,4	0,6	0	
11	Thị trấn Khe Tre	912	4176	16	884	332	56		29	0	0	0	99	1	0	

Phụ lục PL2. Hiện trạng nông lâm thủy sản

TT	Tên đơn vị (xã, thị trấn)	HIỆN TRẠNG NÔNG NGHIỆP											
		Trồng trọt						Lâm nghiệp		Thủy sản		Chăn nuôi	
		Diện tích lúa(2 vụ)	ngô (củ năm)	Diện tích cây lâu năm	Diện tích cây hàng năm	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày		Diện tích rừng tự nhiênđầu nguồn	Diện tích rừng trồng (keo)	Diện tích nuôi trồng thủy sản dưới mặt nước	Số lượng lồng, bè có thể tích >100m3	Số lượng gia súc	Số lượng gia cầm
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(cái)	(con)	(con)
GIẢI THÍCH:				cao su, cây có múi, cây lấy quả..	hoa màu, rau, đậu các loại..	Khoai	Sắn	Tổng hợp các loại rừng tự nhiên		Tổng diện tích các ao nuôi cá nước ngọt	Chỉ tính những lồng bè có thể tích nuôi từ 100m3 trở lên		
1	Thượng Quảng	114,5	33	470,9	263	9,6	78			11		2154	25000
2	Thượng Long	115	25,5	587,9	297,4	11,5	92,5			4,5		2220	28000
3	Hương Hữu	129	32,2	231,4	292,7	8	80			9,7		3760	28000
4	Hương Giang	61,5	20	69,2	112	3,5	12			1,5		1280	18000
5	Thượng Nhật	65	23	387,7	280	6,5	149			3,8	1 đơn vị	2190	25000
6	Hương Hòa	67	18,5	458,4	152,3	9,5	18			12		3370	60000
7	Hương Sơn	39,4	32	421,1	221,1	12	92			4,6		2060	22000
8	Thượng Lộ	19,6	31	195,5	122,5	4	41			2		2350	20000
9	Hương Lộc	0,3	13	159,7	86,2	13	19			1,8		1760	24000
10	Hương Phú	82	18	753,1	456,3	25	252			7,2		2840	35000
11	Thị trấn Khe Tre		12	88	39,8	5,5	4			0,3		666	15000

Phụ lục PL3. Tổng hợp nơi tránh trú an toàn (nhà cộng đồng, trụ sở, trường học, trạm y tế, nhà kiên cố)

TT	Đơn vị	Số hộ	Số khẩu	Địa điểm	Địa điểm dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
1	Xã Thượng Quảng	216	864	toàn xã (7 thôn)	Trường TH, MN; trạm Y tế; nhà SHCĐ thôn 1; các nhà XD kiên cố thôn 2,3,5,6,7	Người dân chủ động phương tiện để di chuyển; Trường hợp khẩn cấp huy động các xe ô tô tập trung di chuyển nhân dân
2	Xã Thượng Long	233	1048	toàn xã (8 thôn)	Trạm Y tế, trường MN, TH, THCS; nhà SHCĐ thôn 1;3;4;5;6;8; các nhà kiên cố lân cận	
3	Xã Hương Hữu	356	1530	toàn xã (7 thôn)	UBND xã; trạm Y tế; trường MN, TH; nhà SHCĐ thôn 3, 7;	
4	Xã Hương Giang	111	401	toàn xã (6 thôn)	Trường THPT, TH, Phòng khám đa khoa, UBND xã; các nhà kiên cố ở các thôn	
5	Xã Thượng Nhật	127	502	toàn xã (7 thôn)	trường MN, TH, THCS, trạm Thủy văn; nhà VH xã	
6	Xã Hương Sơn	94	377	toàn xã (7 thôn)	UBND xã, nhà VH xã, nhà SHCĐ thôn 2,4,6; trường MN, TH, trạm Y tế	
7	Xã Hương Hòa	160	660	toàn xã (4 thôn)	UBND xã, trường MN, THCS, trạm Y tế; trung tâm dạy nghề; trung tâm giáo dục thường xuyên; các nhà kiên cố ở các thôn	
8	Xã Thượng Lộ	195	853	toàn xã (4 thôn)	UBND xã, trường TH, trạm Y tế; Nhà Văn hóa huyện; Trạm Khí tượng	
9	Xã Hương Lộc	97	440	toàn xã (3 thôn)	trường MN, TH; UBND xã, trạm Y tế, các nhà kiên cố ở các thôn	
10	Xã Hương Phú	120	540	toàn xã (8 thôn)	UBND xã, Trạm Y tế, trường MN, TH; các nhà kiên cố ở các thôn	
11	Thị trấn Khe Tre	58	201	Toàn Thị trấn	Nhà 3 tầng liên cơ, trường THPT; TH, MN; tòa án; nhà văn hóa	

Phụ lục PL4. Lực lượng tại chỗ

TT	Tên lực lượng	Tổng	Đơn vị (xã, thị trấn)										
			Thượng Quảng	Thượng Long	Hương Hữu	Hương Giang	Thượng Nhật	Hương Sơn	Hương Hòa	Thượng Lộ	Hương Lộc	Hương Phú	Thị trấn Khe Tre
1	Công an xã	95	9	10	9	9	9	9	6	10	5	11	8
2	LL dân quân	267	26	20	20	25	43	22	22	25	22	22	20
3	Cán bộ xã	234	43	20	14	10	40	19	24	10	22	10	22
4	Đoàn thanh niên	256	29	18	2	20	73	9	20	30	15	15	25
5	Hội Cựu chiến binh	120	1	1	2	10	16	10	20	20	9	16	15
6	Hội Nông dân	155	2	2	2	15	12	13	20	25	9	30	25
7	Lực lượng tại các thôn	674	38	80	70	130	70	35	20	90	18	80	43
8	Các lực lượng khác	65					20	25			20		
	Tổng cộng	1866	148	151	119	219	283	142	132	210	120	184	158

Phụ lục PL5. Phương tiện tại chỗ

STT	Đơn vị	Phương tiện phục vụ sơ tán dân			Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm	
		Xe 4-7 chỗ	Xe 16 chỗ	Xe 25 chỗ trở lên	Máy xúc	Ô tô tải các loại
1	Xã Thượng Quảng	8				2
2	Xã Thượng Long					
3	Xã Hương Hữu	1				
4	Xã Hương Giang					6
5	Xã Thượng Nhật					3
6	Xã Hương Sơn					
7	Xã Hương Hòa	5	1		5	14
8	Xã Thượng Lộ					
9	Xã Hương Lộc	4				2
10	Xã Hương Phú					7
11	Thị trấn Khe Tre	6	7	3	4	36
12	cơ quan cấp huyện	15				
	Tổng cộng	39	8	3	9	70

Phụ lục PL6. Vật tư tại chỗ

TT	Mặt hàng dự trữ	Số lượng	Địa điểm dự trữ	Ghi chú
1	Xăng M92	4000,0 lít	Thị trấn Khe Tre	
2	Dầu hỏa	500,0 lít	Thị trấn Khe Tre và xã Hương Giang	
3	Gạo	10 tấn	Xã Hương Giang	
4	Gạo	25 tấn	Thị trấn Khe Tre	
5	Mỳ tôm (loại 30 gói/thùng)	400 thùng	Thị trấn Khe Tre	

Phụ lục PL7. Kế hoạch thực hiện các biện pháp phi công trình

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025				
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	
I. Biện pháp phòng ngừa														
I.1	Xây dựng, rà soát các phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro của thiên tai	Huy động các nguồn lực ứng phó nhanh và hiệu quả nhất với các loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các cấp độ rủi ro của thiên tai - Xác định các nguồn lực - Phân công nhiệm vụ và phối hợp giữa các bên 	Văn phòng TT PCTT các cấp	Các thành viên của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp			100					250	
I.2	Rà soát và hiệu chỉnh quy hoạch dân cư trong vùng dễ bị lũ quét và sạt lở đất	Xác định các điểm dân cư rủi ro cao và mức độ nguy hiểm để có kế hoạch di dời	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát quy hoạch các điểm nguy cơ cao về LQ, SLD - Quy hoạch vùng xen ghép, khu mới đảm bảo an toàn, sinh kế bền vững - Kế hoạch triển khai thực hiện 	Văn phòng TT PCTT huyện	Các phòng KTCSHT, LDTBXH, TCKH, TNMT, YT, GD		500							

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	Huyện	Tỉnh	TW	Khác
I.3	Cắm các biển cảnh báo nguy hiểm	Cảnh báo nguy hiểm cho người dân khi đi qua các ngầm tràn hoặc điểm có nguy cơ sạt lở	Cắm biển báo hiệu, chốt trực các khu vực nguy hiểm cảnh báo cho người qua lại ở các ngầm, khe suối, các tuyến đường đang thi công có khả năng sạt lở đất, ngập úng khi đang có mưa lũ	Văn phòng TT PCTT huyện	Phòng TCKH	50				50			
I.4	Tập huấn kiến thức cho cán bộ PCTT các cấp	Nâng cao năng lực của các thành viên BCH các cấp	- Tổ chức 1 lớp cấp huyện trong năm (30 người) - Tổ chức 1 lớp cho các xã trong năm (60 người)	Văn phòng TT PCTT huyện	Văn phòng TT PCTT các cấp		44				110		
I.5	Tập huấn kiến thức cho giáo viên		- Đối tượng tham gia tập huấn là các cán bộ chủ chốt, giáo viên. - Tổ chức diễn tập riêng cho ngành giáo dục	Phòng GD	Văn phòng TT PCTT huyện		30				120		

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025				
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	
I.6	Tập huấn kiến thức cho người dân		- Tập huấn thành phần chủ chốt của thôn. - Tập huấn cho người dân.	Văn phòng TT PCTT các cấp	Các xã/ Thị trấn		20					50		
I.7	Tổ chức diễn tập	Nâng cao kỹ năng PCTT trong các tình huống giả định của thiên tai	- Tổ chức tại 1 xã luân phiên 2 năm 1 lần và mời các cán bộ chủ chốt của các xã khác tham gia. - Người dân, các tổ chức, ... tham gia diễn tập.	Văn phòng TT PCTT huyện	Văn phòng TT PCTT các cấp		50					150		
I.8	Tổ chức tuyên truyền, ấn phẩm tờ rơi, ...		- In ấn các tờ rơi, tranh cổ động. - Phát trên truyền thanh/ truyền hình huyện	Văn phòng TT PCTT	Phòng GD, TCKH		10					25		

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	Huyện	Tỉnh	TW	Khác
			- Tổ chức các cuộc thi vẽ tranh về PCTT										
I.9	Trồng rừng đầu nguồn	Phòng chống lũ quét, sạt lở đất đầu		Phòng NN	Các địa phương		500				700		
I.10	Xây dựng CSDL, các bản đồ rủi ro đa thiên tai		- Bản đồ RRTT đối với các ngành ảnh hưởng chính - Bản đồ sơ tán dân	Văn phòng Thường trực huyện	Các phòng liên quan				20				50
II. Biện pháp ứng phó, phục hồi tái thiết													
II.1	Mua sắm trang thiết bị của Văn phòng Thường trực	Phục vụ công tác trực ban	Tăng cường năng lực của Văn phòng phục vụ nhiệm vụ tham mưu cho BCH	Văn phòng Thường trực huyện	Phòng KHTC	5					50		

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	Huyện	Tỉnh	TW	Khác
II.2	Xây dựng phòng họp trực tuyến với BCH cấp tỉnh	Kết nối trực tuyến với BCH PCTT tỉnh	Đầu tư tại UBND huyện sử dụng đa mục tiêu	Phòng KHTC	Các phòng liên quan		50				50		
II.3	Công tác trực ban, hoạt động của BCH	Đảm bảo công tác trực ban liên tục 24/24 trong mùa thiên tai	- Tại VPTT huyện - Tại VPTT các xã	Văn phòng TT cấp	Phòng TCKH	160				400			
II.4	Chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây.	Đảm bảo an toàn cho người và tài sản .	- Bố trí chặt tỉa cành cây trước mùa mưa bão. - Hỗ trợ hộ dân nghèo chằng chống nhà cửa, sơ tán đến nơi an toàn và bố trí đủ đảm bảo điều kiện sinh hoạt khi tránh trú.	Văn phòng TT cấp	Các Tổ chức		50				250		

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	TW	Khác	Huyện	Tỉnh	TW	Khác
II.5	Mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn	Đảm bảo an toàn trong công tác cứu hộ, cứu nạn	Mua sắm áo phao cứu sinh, phao tròn, nhà bạt, thuyền nhôm, máy cưa, áo mưa, đèn pin, dây thừng.	Văn phòng TT cấp	Phòng TCKH	20				50			
II.6	Đảm bảo môi trường sau thiên tai	Phòng chống dịch bệnh phát sinh sau thiên tai	- Mua thuốc khử trùng. - Dọn dẹp rác, phế liệu, ... sau thiên tai.	Phòng TNMT, Y tế	Phòng TCKH	10				25			

Phụ lục PL8. Kế hoạch thực hiện các biện pháp công trình

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019 - 2020				Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác
III. Biện pháp phòng ngừa													
III.1	Xây, sửa nhà kết hợp với PCTT	Tiếp tục thực hiện theo QĐ 22	Gồm 3 nhà xây dựng mới và 7 nhà sửa chữa					260				260	
III.2	Xây, sửa nhà kết hợp với PCTT	Tiếp tục thực hiện theo QĐ 48	Gồm 178 hộ/798 nhân khẩu					1.000				1.432	
III.3	Di dời các hộ dân ra khỏi vị trí nguy hiểm	Đảm bảo cuộc sống ổn định cho người dân vùng có nguy cơ rủi ro cao của sạt lở, lũ quét	- 52 hộ/250 khẩu Thượng Long: khu vực sạt lở, lũ quét (các thôn 1, 3, 5 và 7) - 132 hộ/522 khẩu Thượng Nhật (xã điển hình). -Thượng Quảng: 23 nhà	Phòng KTHTCS	Phòng NN, TCKH			1.200				2.940	

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019 - 2020				Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác
III.4	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ sông, suối	Giữ đất sản xuất và nhà dân đảm bảo cuộc sống ổn định	- Ưu tiên cho các điểm sạt khu vực nhà dân - Các điểm bảo vệ diện tích nông nghiệp lớn đang có diễn biến sạt lở nhanh làm mất đất sản xuất	KTHTCS	VPTT, TCKH		1.500					5.425	
III.5	Xây dựng công trình chống sạt lở các tuyến đường liên xã	Đảm bảo an toàn và tránh ách tắc giao thông	Các biện pháp công trình chống sạt lở tanuy dương, đá lăn, ...	Phòng KTHTCS	Phòng TCKH			2.000					5.000
III.6	Xây dựng các cầu tại các ngầm thường xuyên có nước lớn trong mùa mưa lũ		Thượng Quảng: (ngầm Khe Biên, thủy lợi vinh Hưng thôn 6, ngầm thôn 3).	Phòng KTHTCS	Phòng TCKH			20.000					40.000

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019 - 2020				Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác
III.7	Xây dựng nhà tránh trú thiên tai cộng đồng	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp làm nơi tránh trú sơ tán khi có thiên tai		Phòng KTHTCS	Phòng TCKH			500				2.500	
III.8	Xây dựng bể bơi công cộng	Tăng cường kỹ năng cho người dân giảm tỉ lệ đuối nước	2 bể bơi tại Thị trấn Khe Tre và xã Hương Giang	Phòng KTHTCS	Phòng TCKH		200				200		

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019 - 2020				Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025				
				Chủ trì	Phối hợp	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Khác	
IV. Biện pháp ứng phó, phục hồi, tái thiết														
IV.1	Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông		- Trang bị máy phát điện tại cấp huyện. - Bổ sung, sửa chữa hệ thống loa phát thanh tại các thôn bản, loa cầm tay.	Trung tâm Truyền thanh huyện	Phòng TCKH	30					500			

PHỤ LỤC PL 4
GIỚI THIỆU KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
XÃ HƯƠNG LỘC ĐẾN NĂM 2020¹¹

DỰ THẢO

Chương I. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ báo cáo tổng hợp: Quy hoạch tổng thể thủy lợi, phòng chống sạt lở huyện Nam Đông đến giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

Chương II. Mục đích, yêu cầu

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của địa phương, Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn đến năm 2020 có các mục đích sau:

1. Nâng cao năng lực về chỉ huy, điều hành, phối hợp của các thành viên trong Ban chỉ huy, các tổ chức, cá nhân có liên quan để chuẩn bị phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.
2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn xã trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.
3. Có kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai và tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong địa bàn xã.
4. Xác định các nội dung trong giai đoạn phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.
5. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “năm tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ và tự quản tại chỗ).
6. Huy động nguồn lực, sắp xếp thứ tự ưu tiên, để thực hiện các giải pháp trong kế hoạch, đồng thời cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

Chương III. Đặc điểm chung về tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng

1. Vị trí địa lý

Xã Hương Lộc có tổng diện tích tự nhiên là 65,7 km², với vị trí địa lý:

¹¹ Hoạt động nằm trong khuôn khổ dự án Tăng cường năng lực hỗ trợ tỉnh Thừa Thiên – Huế xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai do JICA tài trợ cho Viện Nghiên cứu Thiên tai và Môi trường thực hiện

- + Phía Đông Nam giáp huyện Phú Lộc và thành phố Đà Nẵng.
- + Phía Tây giáp thị trấn Khe Tre.
- + Phía Nam giáp xã Thượng Lộ.
- + Phía Bắc giáp xã Hương Phú.

2. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm chia làm hai mùa khá rõ rệt: mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam, thời tiết nắng nóng cao điểm từ tháng 5 đến tháng 7. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 chiếm 70-75% lượng mưa của cả năm tập trung vào các tháng 10 và 11, nhiệt độ các tháng xuống thấp, xuất hiện bão, lũ lụt.

Khe Ba Ran thuộc nhánh của sông Tả Trạch, được hình thành từ vùng núi phía Đông, chảy theo hướng Đông - Tây, đi qua các xã Hương Lộc, Thượng Lộ, thị trấn Khe Tre, Hương Hòa, Hương Phú và cũng đổ vào sông Tả Trạch khoảng 6km về phía hạ lưu.

3. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Hương Lộc là một xã thuần nông với phân bố sử dụng đất là: đất nông nghiệp 6.252,37 ha, chiếm 95,16%; đất phi nông nghiệp 231,06 ha, chiếm 3,52%. Dân số toàn xã hiện có 2.538 khẩu trên tổng số là 610 hộ, trong đó: 1200 lao động, được chia thành 03 thôn và 13 tổ dân cư. Có 02 tôn giáo chính, đó là: phật giáo (72 hộ, 217 khẩu) và thiên chúa giáo (48 hộ, 222 khẩu) (xem Bảng 1 và Phụ lục PL1).

Người dân sống chủ yếu là lao động nông nghiệp, chiếm hơn 65%, còn lại là lao động các ngành nghề, buôn bán, kinh doanh các loại dịch vụ nhỏ. Nhìn chung tình hình đời sống nhân dân ổn định và ngày một phát triển, văn hóa xã hội từng bước được nâng lên, bộ mặt nông thôn khởi sắc. Cuối năm 2015 được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

Bảng 1. Thông tin cơ bản của xã Hương Lộc

Đơn vị (xã/thị trấn)	Số thôn	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
Hương Lộc	3	6.570,3	2.538	39

- Trồng trọt, chăn nuôi: tập trung chủ yếu vào các loại như: lúa nước: 0,35ha, Ngô 8ha; các loại cây trồng khác có tổng diện tích gieo trồng đạt 60,65ha, trong đó: sắn 10ha; cây mía 10ha; cây có củ lấy bột khác 12 ha; đậu các loại 6ha; rau màu các loại 16 ha. Tổng đàn đàn trâu: 30 con, đàn bò: 144 con, đàn lợn 1689, trong đó đàn lợn nái 59 con; đàn nhím 58 con; đàn dê 22 con. Chăn nuôi gia cầm: Đàn gà: 22.729 con, đàn vịt 1.403 con.

- Lâm nghiệp: tổng diện tích rừng trồng kinh tế toàn xã là 296,8 ha. Diện tích rừng cho thu hoạch và trồng lại trong năm là 50 ha, cho thu nhập khoảng 4 tỷ đồng. Tổng diện tích cao su hiện có 106 ha. Đồng thời nhân dân đã tích cực trong việc tận thu lâm sản phụ như: Mây, lá nón, ...

- Thủy sản: diện tích nuôi cá nước ngọt toàn xã là 1,61 ha. Đối tượng nuôi chủ yếu là cá Trắm cỏ, chép và rô phi, sản lượng thu hoạch 5,64 tấn, ngoài ra cũng tranh thủ lợi thế của địa phương để đánh bắt thủy sản tự nhiên góp phần tăng thêm nguồn thu nhập.

4. Đặc điểm cơ sở hạ tầng, chương trình trọng điểm

- Nhà ở: năm 2018 xã đã hoàn thành tiêu chí về nhà ở trong Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tổng giá trị đầu tư xây dựng trên địa bàn ước khoảng: 18 tỷ đồng, trong đó, nhân dân đã chủ động trong việc xây dựng, sửa chữa 47 nhà, trong đó: xây mới 37 nhà ước tổng kinh phí khoảng 15,8 tỷ đồng

- Triển khai xây mới các phòng học và phòng chức năng tại trường Tiểu học với số tiền 2,2 tỷ đồng trong năm 2018.

- Chương trình trọng điểm:

+ Chương trình phát triển kinh tế vườn – gắn với đề án Cam Nam Đông.

+ Chương trình nâng cao chất lượng xã nông thôn mới.

Chương IV. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai

1. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN

UBND xã đã kiện toàn củng cố Ban chỉ huy PCTT và TKCN hàng năm, phân công các thành viên về các địa bàn thôn, tổ dân cư để đôn đốc, kiểm tra và chỉ đạo nhân dân thực hiện theo phương án đã xây dựng. Phương án phòng, chống thiên tai theo phương châm 5 tại chỗ (*Chỉ huy tại chỗ, Lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và tự quản tại chỗ*) trong đó có nêu cụ thể về di dời dân và dự trữ lương thực, thực phẩm trong mùa mưa bão.

Hàng năm vào mùa mưa bão, kiểm tra các công trình đập ngăn nước, các tuyến đường bê tông, kè chống sạt lở đất dọc theo sông Tả Trạch, cầu, cống có nguy cơ bị hư hỏng trong mùa mưa bão để xử lý kịp thời hoặc báo cáo cấp trên theo quy định.

2. Lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống thiên tai

Xây dựng lực lượng ứng cứu thiên tai tại chỗ và sẵn sàng ứng cứu người và tài sản của nhân dân đến nơi an toàn khi cần thiết. Lực lượng tại chỗ của xã khoảng 120 người, bao gồm: Công an xã (5), Dân quân (22), cán bộ xã (22), Đoàn thanh niên (15), Hội Cựu chiến binh (9), Hội Nông dân (9), Lực lượng tại các thôn (18), lực lượng khác (20).

Phương tiện, vật tư, trang thiết bị huy động trên địa bàn: xe ô tô 4-7 chỗ (4), ô tô các loại (2); 22 phao cứu sinh, 01 nhà bạt, 07 áo phao, 90m dây thừng số vật tư này đã kịp thời cấp bổ về các thôn có nguy cơ sạt lở đất, vùng ngập lụt, vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét cụ thể như sau: Thôn 1 gồm 02 phao cứu sinh, 01 áo phao, 30m dây thừng; Thôn 2 gồm: 01 phao cứu sinh, 01 áo phao, 30m dây thừng. Ngoài ra Ban chỉ đạo PCLB-GNTT cũng dự trữ 19 phao cứu sinh, 01 nhà bạt, 30m dây thừng, 03 áo phao để ứng cứu khi bão lũ xảy ra.

Ngoài vận động nhân dân tự dự trữ các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, nhiên liệu dùng đủ trong 05 ngày. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã lập kế hoạch dự trữ lương thực, thực phẩm ở các đại lý nhỏ trên địa bàn xã gồm: 1.000kg gạo, 50 lít dầu thấp sáng, 60kg muối ăn, 40kg bột ngọt, 30 thùng mì tôm (*mỗi thùng 50 gói*), 20 lít xăng xe để phòng tình huống sạt lở đất làm tắt ngẽn giao thông do mưa bão gây ra.

3. Thông tin, truyền thông và kỹ năng PCTT của cộng đồng

Mặc dù hệ thống truyền thanh vô tuyến đã phủ hơn 95% dân số trên toàn huyện nhưng thông tin phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn điện. Khi thiên tai xảy ra do thiếu phương tiện nên công tác tuyên truyền thông tin các đợt bão, lũ cũng như áp thấp nhiệt đới còn thiếu thường xuyên.

Bên cạnh đó một số hộ dân vẫn còn mang tính chủ quan, thiếu kiến thức về PCTT do chưa được tập huấn, tham gia diễn tập hay tuyên truyền.

Chưa có 1 giải pháp để phòng tránh thiệt hại cây công nghiệp (cao su, keo, ...) khi có gió, bão lớn trong khi số diện tích trồng tương đối nhiều.

Chương V. Xác định rủi ro thiên tai

1. Đánh giá về loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

- Bão, áp thấp nhiệt đới: do vị trí địa lý nên bão đã bị suy giảm về cường độ gió khi đổ bộ vào địa bàn huyện nói chung và xã Hương Lộc nói riêng. Hình 3 là bản đồ mô tả rủi ro về người phân bố ở các khu vực dân cư khi có bão lớn.

- Rét đậm, rét hại: nhiệt độ có năm giảm xuống dưới 10° cũng làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi của nhân dân.

- Mưa lũ: do nằm ở thượng nguồn nhánh sông Tả Trạch nên các vùng trũng ven sông bị ảnh hưởng khi mực nước sông dâng cao.

- Sạt lở đất: sạt lở đất vườn nhà, đất sản xuất hoa màu nằm dọc theo bờ sông Tả Trạch hàng năm vẫn còn xảy ra, do tình trạng suy giảm rừng đầu nguồn và kè chống sạt lở chưa được đầu tư xây dựng.

- Đông, lốc, sét: các vườn cây như cao su, rừng trồng kinh tế còn bị gãy đổ gãy.

2. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai

- Thiệt hại về nhà: số lượng nhà bị tốc mái khi có bão, đông, lốc xảy ra (xem bản đồ Hình 1).

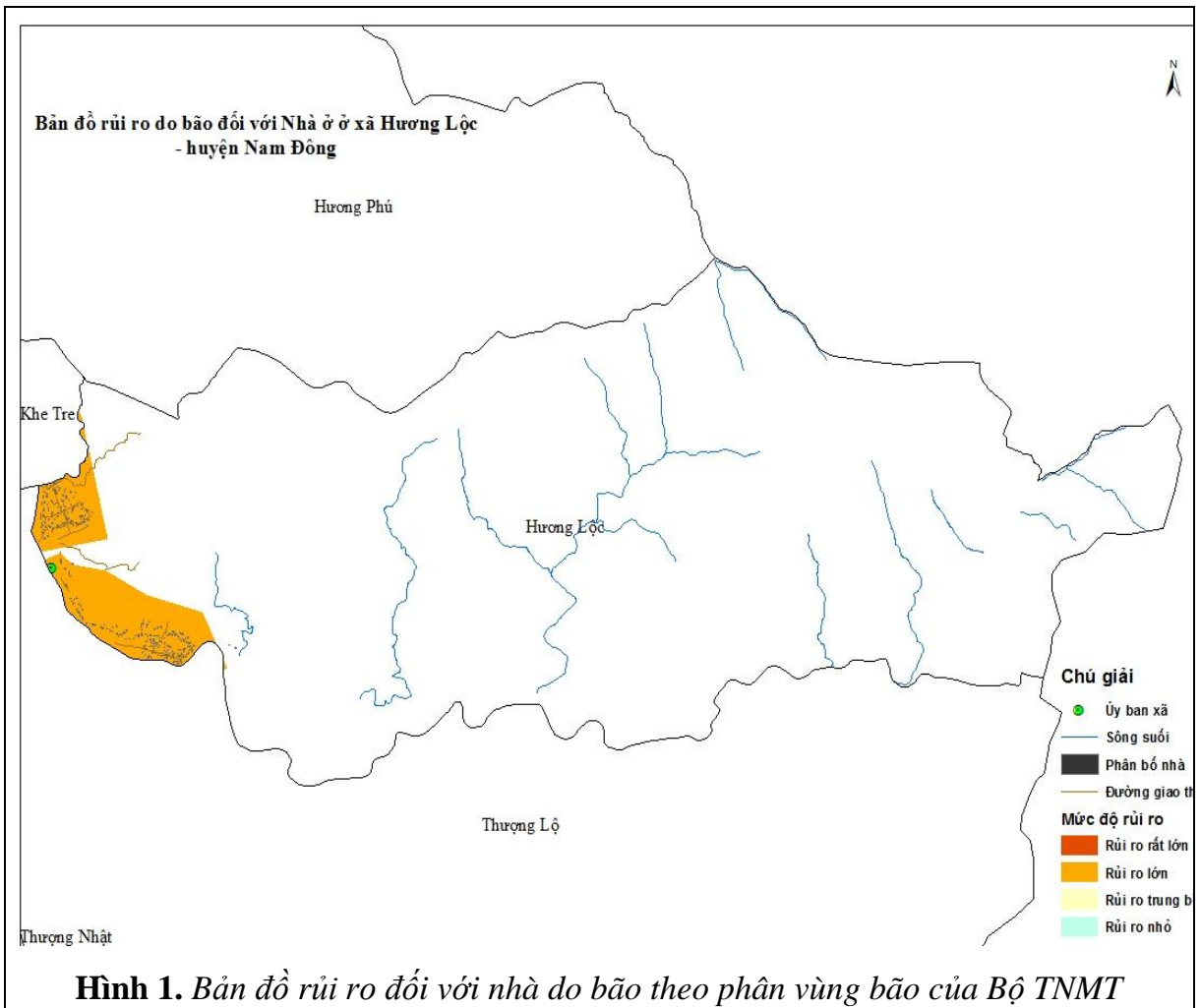
- Nông lâm nghiệp, cơ sở hạ tầng và sử dụng đất khác: cây công nghiệp dài ngày bị ảnh hưởng bao gồm cao su, keo; các cây ngắn ngày ngoài lương thực có chuối hoặc đường giao thông, ... (xem Hình 2 và 4).

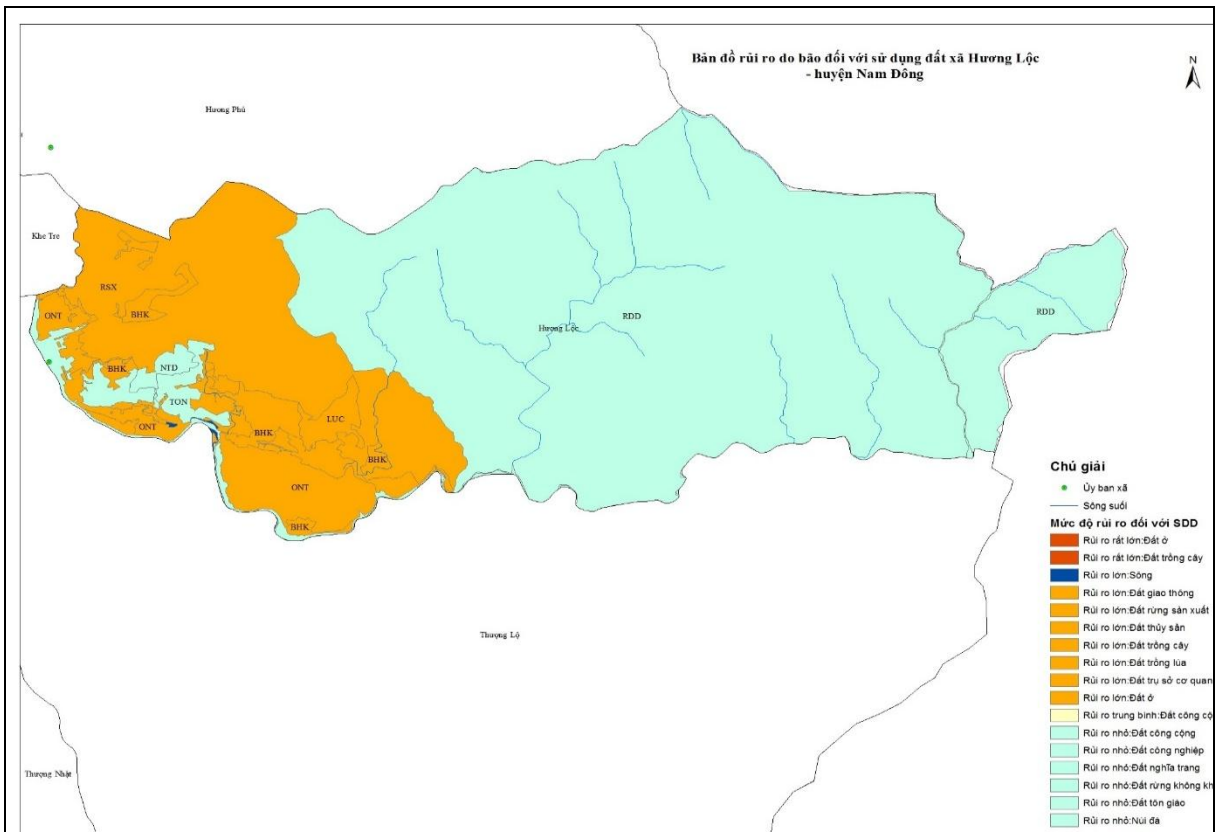
3. Các khu vực có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai

- Địa điểm sạt lở: Hương Lộc có 7 điểm sạt lở (xem Bảng 2)

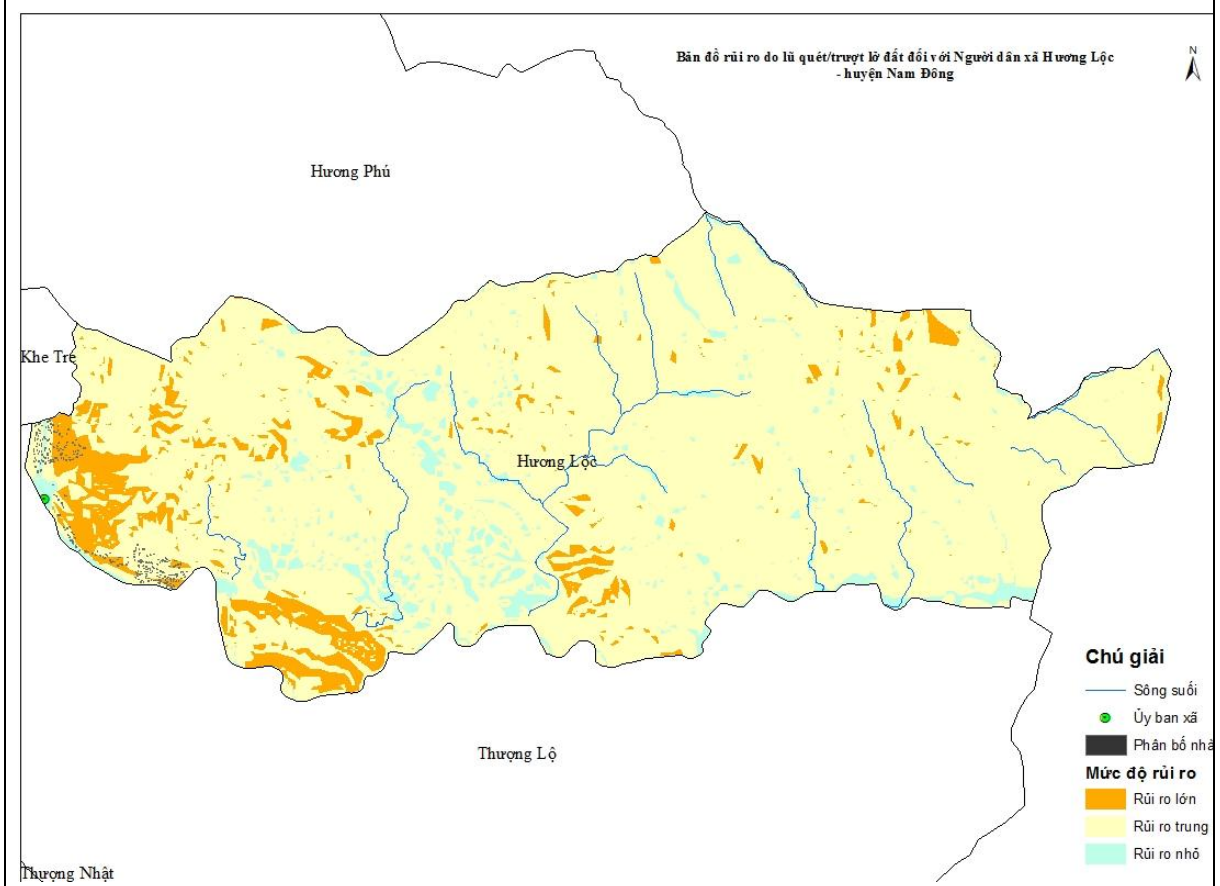
Bảng 2. Thống kê các điểm sạt lở bờ sông trên địa bàn xã

Số điểm	Địa điểm sạt lở	Chiều dài (m)
1	Kè chống sạt lở Thôn 1-1	200
2	Kè chống sạt lở Thôn 1-2	900
3	Kè chống sạt lở Thôn 2-1	200
4	Kè chống sạt lở Thôn 2-2	500
5	Kè chống sạt lở Thôn 2-3	200
6	Kè chống sạt lở cầu Khe Môn	300
7	Kè chống sạt lở Thôn 3	400

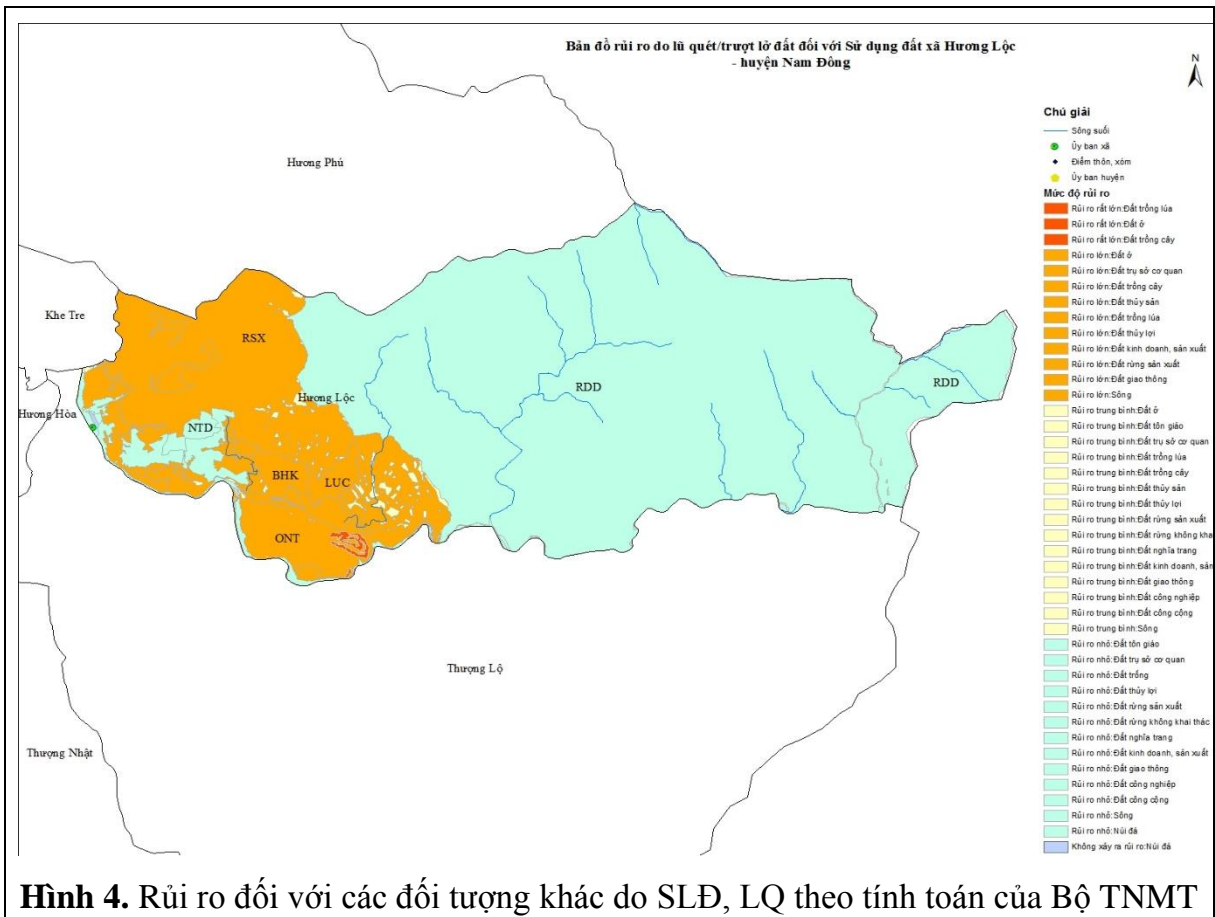




Hình 2. Bản đồ rủi ro đối với đối tượng khác do bão theo phân vùng bão của Bộ TNMT



Hình 3. Bản đồ rủi ro đối với người do SLĐ, LQ theo kết quả tính toán của Bộ TNMT



Hình 4. Rủi ro đối với các đối tượng khác do SLĐ, LQ theo tính toán của Bộ TNMT

Chương VI. Nội dung, biện pháp phòng chống thiên tai

1. Biện pháp chung

- Hàng năm, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN và phân công phụ trách để chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống thiên tai theo đúng phương án đã xây dựng.

- Tổ chức trực ban 24/24 giờ khi có thiên tai để thu thập thông tin, tổng hợp báo cáo, thông báo về diễn biến của thiên tai, ứng phó, thiệt hại, ... cũng như nhận các chỉ đạo của cấp trên để ứng phó kịp thời.

- Xây dựng phương án ứng phó với các loại hình thiên tai có khả năng xảy ra tại địa phương.

- Chuẩn bị phương tiện, vật tư, thuốc men tại chỗ: tiếp tục có hợp đồng bù lỗ cho cửa hàng kinh doanh trên địa bàn để có các vật tư, lương thực cần thiết; quản lý các vật tư, trang thiết bị được huyện bàn giao sử dụng hiệu quả khi có thiên tai.

- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc thông suốt đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

- Chuẩn bị các phương án, lực lượng cứu hộ, cứu nạn khi có yêu cầu.

2. Biện pháp cụ thể

a) Phòng ngừa, giảm thiểu

- Tổ chức hoặc lồng ghép tập huấn trong các chương trình của địa phương về nâng cao kiến thức, kỹ năng, nhận thức của cán bộ và người dân về kỹ năng PCTT.

- Tiếp tục thống kê, đánh giá nhà ở để thực hiện các quyết định 22 và 48 của Chính phủ hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà ở phòng kiên cố tránh trú thiên tai.

- Lồng ghép các nội dung PCTT trong các Chương trình, dự án tại địa phương như: Chương trình xây dựng nông thôn mới, Nghị quyết 30A, ...

- Kêu gọi nguồn lực đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai: hệ thống kè chống sạt lở bờ sông, suối, chống sạt lở đất, lũ quét (xem Bảng 2), đặc biệt tại vị trí vườn ven sông Tả Trạch ở tổ 2/2 đang có xu thế sạt lở mạnh, uy hiểm đến diện tích canh tác và người dân.

- Tìm nguồn lực để sửa mới 2 cầu gỗ đi vào tổ 4 thôn 1 đã xuống cấp trầm trọng để đảm bảo an toàn cho người dân và phát triển KTXH.

b) Ứng phó

i. Đối với lũ, bão, mưa lớn, sạt lở đất, lũ quét:

- Tuyên truyền vận động nhân dân chặn chống nhà cửa, chuồng trại trước khi bão, lũ đổ bộ vào; cương quyết di dời dân ra khỏi các vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, đặc biệt 97 hộ dân với 440 khẩu đến nơi an toàn như trường Mầm non, Trung học cơ sở; UBND, trạm Y tế, các nhà kiên cố ở các thôn.

- Tập trung chỉ đạo nhân dân thu hoạch hoa màu ven suối, các hồ nuôi cá cần thu hoạch trước khi có lũ, bão lớn, trường hợp chưa thể thu hoạch được phải củng cố lại các đập hồ đã bị xuống cấp tránh thất thoát. Xem xét để thay đổi nhận thức của người dân cân nhắc việc trồng cây công nghiệp trong xã khi chưa có giải pháp hữu hiệu hơn.

ii. Đối với hạn hán:

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán.

- Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi, kịp thời nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, quản lý phân phối nước tưới luân phiên, tiết kiệm đảm bảo đủ nước tưới, thực hiện bơm chống hạn ở những vùng có điều kiện đảm bảo nguồn nước chống hạn.

- Củng cố hệ thống kênh mương nội đồng, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đập đầu mối và kênh mương phục vụ tưới tiêu.

c) Khắc phục hậu quả, tái thiết

- Chỉ đạo cho các lực lượng tiến hành thu dọn các cây gãy đổ ra đường nhằm đảm bảo giao thông đi lại được thông suốt; tiến hành tiêu độc, khử trùng hạn chế phát sinh dịch bệnh.

- Tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại về nông nghiệp, nhà cửa, các gia đình có người bị thương vong để tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời, đặc biệt các hộ có hoàn thành khó khăn, hộ nghèo.

- Đề nghị huyện cấp kinh phí để sửa chữa các công trình bị hư hỏng, hỗ trợ thiệt hại theo đúng chính sách nhằm sớm ổn định cuộc sống, phục hồi sản xuất.

- Tập trung khắc phục các hậu quả: sửa chữa các công trình thủy lợi, các tuyến đường bê tông bị xói lở, cầu, cống bị hư hỏng. Vận động nhân dân sửa chữa lại nhà bị tốc mái hư hỏng.

- Tiến hành tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ cho nhân dân bị thiệt hại đúng đối tượng và đúng chính sách của cấp trên.

Chương VII. Đề xuất nguồn lực và tiến độ thực hiện

Từ nội dung của các giải pháp trong Chương VI ở trên tiến hành lựa chọn các nội dung thực sự khả thi, một số nội dung đã và đang được xã thực hiện thường xuyên, ví dụ như thay đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, không sản xuất ở những nơi thường xuyên bị ảnh hưởng của lũ lụt, tăng cường khả năng chống chịu với gió bão đối với nhà ở, trường học an toàn, ...

1. Giải pháp phi công trình (Phụ lục PL 7)

- Nội dung phòng ngừa, giảm thiểu: 10 hoạt động
- Nội dung ứng phó, phục hồi, tái thiết: 8 hoạt động

2. Giải pháp phi công trình (Phụ lục PL 8)

- Nội dung phòng ngừa, giảm thiểu: 6 hoạt động
- Nội dung ứng phó, phục hồi, tái thiết: 1 hoạt động

3. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

- Giai đoạn 2019 - 2020:	2.086 triệu đồng
o Giải pháp phi công trình:	36 triệu đồng
o Giải pháp công trình:	2.050 triệu đồng

Trong đó:

o Địa phương:	10 triệu đồng
o Hỗ trợ của huyện:	26 triệu đồng
o Hỗ trợ của tỉnh:	1.250 triệu đồng
o Hỗ trợ của Trung ương:	800 triệu đồng

- Giai đoạn 2021 - 2025:	12.425 triệu đồng
o Giải pháp phi công trình:	95 triệu đồng
o Giải pháp công trình:	12.330 triệu đồng

Trong đó:

o Địa phương:	25 triệu đồng
o Hỗ trợ của huyện:	120 triệu đồng
o Hỗ trợ của Trung ương:	12.280 triệu đồng

Kế hoạch thực hiện các nội dung chi tiết bao gồm các hoạt động, kinh phí, thời gian được liệt kê trong Phụ lục PL3 và PL4.

Chương VIII. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

i. UBND xã: Chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT và TKCN tổ chức trực ban 24/24 khi xảy ra thiên tai; xây dựng các phương án cụ thể; lập kế hoạch dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu nhằm hỗ trợ kịp thời cho các hộ neo đơn, hộ có hoàn cảnh khó khăn trong thời gian bão lũ xảy ra. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng người dân thiếu ăn trong thời gian mưa bão. Một số nội dung cụ thể sau:

- Tổ chức chằng chống nhà cửa, sơ tán người dân đến nơi an toàn, thu hoạch các sản phẩm nông sản sớm, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt khi có dự báo sớm về thiên tai.
- Tổ chức cấm biển cảnh báo nguy hiểm tại các vị trí ngầm tràn, sạt lở đất, lũ quét.
- Tổ chức, tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền, tham gia diễn tập nâng cao năng lực, nhận thức của cán bộ và người dân.
- Giám sát thi công các công trình kè chống sạt lở bờ sông; các công trình giao thông, cơ sở hạ tầng thông tin trên địa bàn xã.

ii. Văn hóa thông tin thường xuyên tuyên truyền thông tin về tình hình diễn biến các cơn bão cũng như áp thấp nhiệt đới có khả năng đổ bộ đến tận người dân bằng hình thức: qua đài phát thanh của xã, loa cầm tay lưu động để nhân dân biết và phòng tránh.

iii. Trạm y tế chủ động phân công trực 24/24 giờ để kịp thời cứu chữa người bị nạn trong khi mưa bão xảy ra, có kế hoạch dự trữ thuốc, trang thiết bị phục vụ khám và điều trị bệnh tại trạm trong và sau mưa bão.

iv. Dự trữ các hóa chất phục vụ vệ sinh môi trường và tiêu độc khử trùng sau khi lũ đi qua, kịp thời xử lý không để phát tán, lây lan dịch bệnh trên diện rộng.

v. Trường tiểu học, trường mầm non có kết hoạch chằng chống nhà, cửa, phòng học, chặt bỏ những cây có tán rộng sát trường. Khi có thông báo mưa lớn kéo dài, bão lũ hoặc áp thấp nhiệt đới có diễn biến phức tạp chuẩn bị vào địa bàn cần chủ động cho học sinh nghỉ học đảm bảo an toàn cho các cháu. Có kế hoạch trực 24/24 giờ và bảo quản cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, không để hư hỏng, ẩm ướt trong mùa mưa bão.

vi. Công an, xã đội ngoài việc đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, cần phải chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức phân công lực lượng trực 24/24 giờ tại các vùng thấp trũng, vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét và sạt lở đất sẵn sàng ứng cứu người, tài sản của Nhà nước và nhân dân trên từng địa bàn theo sự phân công của ngành mình và sự chỉ đạo của Ban chỉ huy xã.

vii. Ban tiếp nhận hàng cứu trợ phải có kế hoạch vận động, quyên góp, tiếp nhận, quản lý và phân phối hàng cứu trợ cho các gia đình bị nạn, các gia đình đang gặp khó khăn trong mưa bão. Không để xảy ra thắc mắc hoặc khiếu kiện trong quá trình phân phối hàng cứu trợ cho nhân dân.

PHỤ LỤC

Phụ lục PL1. Đặc điểm dân sinh tại xã Hương Lộc

TT	Tên đơn vị (xã, thị trấn)	ĐẶC ĐIỂM DÂN SINH														
		Tổng số hộ	Tổng số nhân khẩu	Số hộ nghèo	Số lượng trẻ em dưới 16 tuổi	Số lượng người cao tuổi (trên 60 tuổi)	Số lượng người khuyết tật	Số lượng người neo đơn, bệnh hiểm nghèo	Số lượng người dân tộc thiểu số	Số lượng người dân được tập huấn, bồi dưỡng về phòng chống thiên tai	Số lượng cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng về phòng chống thiên tai	Số lần diễn tập về phòng chống thiên tai trong 5 năm gần đây	Số lượng nhà kiên cố	Số lượng nhà bán kiên cố	Số lượng nhà tạm	
		(hộ)	(người)	(hộ)	(người)	(người)	(người)	(người)	(người)	(người)	(người)	(lần)	%	%	%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
	GIẢI THÍCH:	Nhập số liệu của năm thống kê gần đây nhất								Được tập huấn theo Đề án 1002 sử dụng nguồn kinh phí từ địa phương, cấp trên hoặc các Tổ chức		Tự tổ chức hoặc được tham gia	Phân loại nhà theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (nhà Kiên cố là nhà có Cột, Tường và Mái làm bằng vật liệu bền chắc; nhà Bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 tiêu chí này làm bằng vật liệu bền chắc; còn lại là nhà tạm)			
	Hương Lộc	610	2538	12	582	360	53		4	0	0	0	93,4	6,6	0	

Phụ lục PL2. Hiện trạng nông lâm thủy sản

TT	Tên đơn vị (xã, thị trấn)	HIỆN TRẠNG NÔNG NGHIỆP											
		Trồng trọt					Lâm nghiệp		Thủy sản		Chăn nuôi		
		Diện tích lúa (2 vụ)	ngô (cả năm)	Diện tích cây lâu năm	Diện tích cây hàng năm	Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày		Diện tích rừng tự nhiên đầu nguồn	Diện tích rừng trồng (keo)	Diện tích nuôi trồng thủy sản dưới mặt nước	Số lượng lồng, bè có thể tích >100m ³	Số lượng gia súc	Số lượng gia cầm
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(cái)	(con)	(con)
GIẢI THÍCH:				cao su, cây có múi, cây lấy quả..	hoa màu, rau, đậu các loại..	Khoai	Sắn	Tổng hợp các loại rừng tự nhiên		Tổng diện tích các ao nuôi cá nước ngọt	Chỉ tính những lồng bè có thể tích nuôi từ 100m ³ trở lên		
	Hương Lộc	0,3	13	159,7	86,2	13	19			1,8		1760	24000

Phụ lục PL3. Kế hoạch thực hiện các biện pháp phi công trình

TT	Hoạt động/dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025				
				Chủ trì	Phối hợp	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	
I. Biện pháp phòng ngừa														
I.1	Xây dựng, rà soát các phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro của thiên tai	Huy động các nguồn lực ứng phó nhanh và hiệu quả nhất với các loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai	- Xác định được các cấp độ rủi ro của thiên tai - Xác định các nguồn lực - Phân công nhiệm vụ và phối hợp giữa các bên	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng		5					10		
I.2	Cấm các biển cảnh báo nguy hiểm	Cảnh báo nguy hiểm cho người dân khi đi qua các ngầm tràn hoặc điểm có nguy cơ sạt lở	Cấm biển báo hiệu, chốt trực các khu vực nguy hiểm cảnh báo cho người qua lại ở các ngầm, khe suối, các tuyến đường đang thi công có khả năng sạt lở đất, ngập	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng		5					5		

TT	Hoạt động/dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương
			úng khi đang có mưa lũ										
I.3	Tập huấn kiến thức cho cán bộ PCTT các cấp	Nâng cao năng lực của các thành viên BCH các cấp	- Tổ chức 1 lớp cấp huyện trong năm (30 người) - Tổ chức 1 lớp cho các xã trong năm (60 người là cán bộ, giao viên, học sinh, người dân)	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng		5				10		
I.4	Tổ chức diễn tập	Nâng cao kỹ năng PCTT trong các tình huống giả định của thiên tai	- Tổ chức tại 1 xã luân phiên 2 năm 1 lần và mời các cán bộ chủ chốt của các xã khác tham gia - Người dân, các tổ chức, ... tham gia diễn tập	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng						10		

II. Biện pháp ứng phó, phục hồi tái thiết

TT	Hoạt động/dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương
II.1	Mua sắm trang thiết bị của Văn phòng Thường trực	Phục vụ công tác trực ban	Tăng cường năng lực của Văn phòng phục vụ nhiệm vụ tham mưu cho BCH	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng						5		
II.3	Công tác trực ban, hoạt động của BCH	Đảm bảo công tác trực ban liên tục 24/24 trong mùa thiên tai	- Tại VPTT huyện - Tại VPTT các xã	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng	10				25			
II.4	Chăng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây,	Đảm bảo an toàn cho người và tài sản	- Bố trí chặt tỉa cành cây trước mùa mưa bão - Hỗ trợ hộ dân nghèo chằng chống nhà cửa, sơ tán đến nơi an toàn và bố trí đủ đảm bảo điều kiện sinh hoạt khi tránh trú	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng		4				15		

TT	Hoạt động/dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019-2020				Kinh phí giai đoạn 2021-2025				
				Chủ trì	Phối hợp	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	
II.5	Mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn	Đảm bảo an toàn trong công tác cứu hộ, cứu nạn	Mua sắm áo phao cứu sinh, phao tròn, nhà bạt, thuyền nhôm, máy cưa, áo mưa, đèn pin, dây thừng	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng		2					5		
II.6	Đảm bảo môi trường sau thiên tai	Phòng chống dịch bệnh phát sinh sau thiên tai	- Mua thuốc khử trùng - Dọn dẹp rác, phế liệu, ... sau thiên tai	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng		5					10		

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019 - 2020				Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương
III. Biện pháp phòng ngừa													
III.1	Di dời các hộ dân ra khỏi vị trí nguy hiểm	Đảm bảo cuộc sống ổn định cho người dân vùng có nguy cơ rủi ro cao của sạt lở, lũ quét	- Xem xét cấp kinh phí để xây dựng, sửa chữa mới nhà cho 97 hộ/440 khẩu có mức độ rủi ro cao ảnh hưởng của thiên tai - Phương án di dời nhà ở các khu vực sạt lở đến nơi an toàn	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng				800				2.280
III.2	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ sông, suối	Giữ đất sản xuất và nhà dân đảm bảo cuộc sống ổn định	Ưu tiên cho các điểm tại vị trí vườn ven sông Tả Trạch ở tổ 2/2 đang có xu thế sạt lở mạnh, uy hiểm đến diện tích	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng			1.250					

TT	Hoạt động/ dự án	Mục tiêu	Tóm tắt hoạt động	Cơ quan thực hiện		Kinh phí giai đoạn 2019 - 2020				Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025			
				Chủ trì	Phối hợp	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương	Xã	Huyện	Tỉnh	Trung ương
			canh tác và người dân										
III.3	Xây dựng các cầu tại các ngàm thường xuyên có nước lớn trong mùa mưa lũ		Thay mới 2 cầu gỗ đi vào tổ 4 thôn 1 đã xuống cấp trầm trọng để đảm bảo an toàn cho người dân	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng								10.000
IV. Biện pháp ứng phó, phục hồi, tái thiết													
IV.1	Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông		- Trang bị máy phát điện tại cấp huyện. - Bổ sung, sửa chữa hệ thống loa phát thanh tại các thôn bản, loa cầm tay.	Lãnh đạo Ban chỉ huy	Các thành viên của Ban Chỉ huy, các tổ chức, lực lượng						50		